KENA UPANISHAD

Nghi vấn Áo Nghĩa Thư

Đạo sư Aurobindo dịch và giải bộ này sau bộ *Isha* cũng như coi *Isha* cao rộng hơn vì chủ thuyết của chính đạo sư muốn nhập thế hành động. Nhưng theo ý chúng tôi, bộ này sâu xa, căn bản, huyền diệu hơn *Isha* nhiều. Nếu những bộ *Upanishad* là tinh hoa của chủ Kinh Vệ Đà thì bộ *Kena* này là tinh hoa của mọi *Upanishads*. Trước khi chọn một chủ thuyết người ta phải nắm vững tư tưởng căn bản của *Kena* mà sau khi sống theo chủ thuyết rồi thì người ta cũng trở về với nó để trọn vòng.

KINH VĂN

I

1. Bởi ai phóng, thức kia đạt đích?
Ai đóng xe, hành dịch khí đầu?
Lời kia truyền xuất từ đâu?
Thần linh nào khiến tai thâu, mắt nhìn?
2. Tai sau tai, thức huyền của thức.
Lời sau lời, sinh của khi sinh,
Mắt nhìn sau mắt vô hình.
Hiền nhân đạt đáo thênh thênh thoát vòng.
3. Vượt danh sắc, mấy trùng phàm thức,
Không thể lường, phàn biện, giãi bày,
Khả tri, bất khả đều sai;
Ngàn xưa đã dạy, ngày nay dõi truyền.
4. Là Cái Ấy, vô biên lời lẽ
Chẳng diễn thành mà để ra lời.
Chính là Phạm Thể không hai,
Cái này chẳng phải, kiếm hoài trần gian.
5. Cái Ấy chẳng nghĩ bằng phàm thức [1]
Mà thức phàm chịu sức quán đây,
Chính là Phạm Thể không hai,
Cái này chẳng phải, kiếm hoài trần gian.

---

[1] Hay là: "Cái Ấy, mà người ta không thể lấy phàm thức mà tưởng nghĩ được"

6. Cai Ấy chẳng ngắm bằng con mắt [2]
Mà ảnh hình qua mắt được hay,
Chính là Phạm Thể không hai,
Cái nay chẳng phải, kiếm hoài trần gian.
7. Cái Ấy chẳng nghe bằng tai nọ [3]
Mà sự nghe nhơ đó được hay,
Chính là Phạm Thể không hai,
Cái này chẳng phải, kiếm hoài trần gian
8. Cái ấy chẳng thở bằng hơi thở [4]
Mà khi sinh vạn ngả nhờ tay,
Chính là Phạm Thể không hai
Cái này chẳng phải, kiếm hoài trần gian.

II

1. Ngươi tưởng biết, có chăng thực biết?
Phạm Thể này phần thiết thân ngươi,
Thiết thân thần mấy tầng trời,
Gắng mà tìm hiểu – Bạch thầy, khả tri [5]

---

[2] Hay là: "Cái Ấy mà người ta không thể lấy mắt mà nhìn thấy được".

[3] Hay là: "Cái Ấy, mà người ta không thể lấy tai mà nhìn thấy được".

[4] Hay là: "Cái Ấy, mà người ta không thể đánh hơi bằng hơi thở.

[5] Những lời cuối này thường được coi như khởi đầu những câu đệ tử đáp lại điều thầy vừa dạy. (J.H)

2. *Chẳng thông suốt mà phi bất thức,*
Biết phần này là đắc sự kia;
Biết rằng hai cái tương tùy,
Biết rằng Cái Ấy – Phi – tri chẳng nhầm.
3. *Không tư duy lo chân tư đó,*
Nảy niệm lường là bỏ chân tri.
Biện phàn thì tuyệt vô kỳ,
Mà không là đạt, biện kia mới thành.
4. *Lấy tri giác thuần tình phản chiếu,*
Thực niệm sinh, vượt nẻo tử sinh.
Ngã Chân hiển lực suốt tình,
Đạt nơi bất diệt, giác mình độ toàn.
5. *Thực hữu tồn, trần hoàn mà giác*
Ắt vong tiêu, kẻ mất mối đầu.
Nhận Chân, sinh diệt trước sau,
Tịch viên, hiền giả bay cao thoát vòng.

III

1. *Đấng Hằng Hữu mênh mông toàn thắng*
Khắp chư thần phấn chấn thơm lây,
Coi như mình đạt thắng này
Coi như vinh ấy tự tay đoạt về.
2. *Biết kiêu y tâm khi đã nảy,*
Bèn hiển linh cho hãy biện phân
Mang nhiên khắp dãy chư thần,
Mãnh linh, Cái Ấy, mười phân chẳng lường.

3. *Rằng: " Hỏa Thần sở-trường-tri-kiến*
Mọi-xuất-sinh hãy biện phân xem
Mãnh linh nào đó thâm huyền",
Hỏa Thần đáp: "Được", sấn liền phăng phăng
4. *Vào Cái Ấy, Ấy rằng: "Ai đó?*
- Ta Hỏa Thần tỏ mọi xuất sinh.
5. *Thế thì hỏi sức trong mình?*
- Lửa ta tận hóa mênh mông khắp trần".
6. *Đặt ngọn cỏ trước thần mà bảo:*
"Thử đốt đi". Như bão nhào băng",
Cỏ nguyên, trở gót than rằng:
"Mãnh linh, Cái Ấy, mười phần chẳng lường".
7. *Nhờ Phong Thần, chư thần mới bảo:*
"Hãy biện phân thâm áo Mãnh linh"
Phong thần đáp: " Được" phân mình,
Xăm xăm tiến tới đưa mình phăng phăng.
8. *Vào Cái Ấy, Ấy rằng: "Ai đó?*
- Ké-tràn-trong-Mẹ-cả-chúng-sinh.
9. *-Thế thì hỏi sức trong mình?*
- Ta cầm nắm hết mông mênh khắp trần".
10. *Đặt ngọn cỏ trước thần mà bao:*
"Cầm lấy đi" như bão nhào băng:
Cỏ nguyên, trở gót than rằng:
"Mãnh linh, Cái Ấy, mười phần chẳng lường".
11. *Nhờ Đế Thích, chư thần mới bảo:*
"Chủ-vạn-toàn hãy thấu mãnh linh"

Đế liền đáp: "Được" phân minh,
Sấn vào Cái Ấy: vụt nhanh biến liền.
12. *Cũng khinh thanh thượng thiên, Đế gặp,*
Nàng Umâ Thần Nữ tuyết sơn
Hóa muôn vạn tướng huy hoàng,
Hỏi nàng "Ai đó, không lường mãnh linh?"

IV

1. *Nàng bảo rằng: "Đích danh Hằng Hữu*
Thắng vinh quang, mỹ diệu chư thiên."
Đế kia mới tỏ thâm huyền.
Nhận ra Phạm Thế vô biên tuyệt vời.
2. *Cũng bởi thế ba ngôi thân ấy,*
Trên chư Thần vì tới gần Chân;
3. *Mà riêng Đế Thích thật gần,*
Đầu tiên biết được cái phần uyên vi.
4. *Chân Ấy hiển: thần thì chớp giật*
Hay như mi chợt chớp – sáng trưng;
5. *Ngã thì như thức chợt bừng*
Mà ghi mãi mãi mấy chừng tâm tư.
6. *Chân Ấy là bao la Lạc Ấy*
Mà kiếp người phải lấy làm nơi;
Ấy ai hiểu được thế thời
Quần sinh sa số trông thời nương theo.
7. *Hỏi Áo Nghĩa*[1], *đã nêu Áo Nghĩa*

(1) Upanishad có nghĩa là minh giác, nội tâm, quán triệt Chân Lý trong cùng và an trụ ở đó (SA)

Tự Hằng Chân, Áo Nghĩa vừa trao
Giác Minh có bản cơ mầu,
Lắng nghe giới hạnh, chở xao lãng mà..

8. *Dầu khổ hạnh, thứ là tự chủ,*
Lại phải lo thiện ở hành vi.
Vệ Đà là mọi phần chi,
Còn nơi trú sở khác gì lẽ chán.

9. *Biết giác này, dứt trần lụy khổ,*
Trời vô biên, cõi đó thênh thang
Đạt nền an trụ huy hoàng,
Bản thân nền đó viên toàn không sai.

BÌNH GIẢI

I

Mười hai bộ *Áo Nghĩa Thư* chính yếu cùng bàn về một hệ thống minh triết cổ xưa nhưng đề cập bằng những phương diện khác nhau. Trong đại giang sơn Giác Minh Phạm Thể, Brahmavidyà, mỗi bộ lại vào bằng những cửa riêng, theo đường riêng, vu khúc riêng, tiến đến đạt điểm riêng. Bộ *Isha* và *Kena Upanishads* cả hai đều có đối tượng là cùng vấn đề rộng lớn, cuộc chinh phục trạng thái Bất Tử, những tương quan của Phạm Thể thần linh chi phối và làm chủ tất cả, với thế gian và tâm thức nhân loại, những phương tiện để ra khỏi thân phận hiện tại của ta là chúng sinh cách biệt, vô minh và khổ sở, để vào nhất như, chân lý, toàn phúc thần linh. *Isha* tận cùng bằng nguyện vọng tới chân phúc tối cao; *Kena* tận cùng bằng định nghĩa, Phạm Thể như Cực Lạc và phán truyền sùng bái cũng tìm kiếm Chân Ấy ở nguyên tính Cực Lạc. Tuy nhiên có khác ở xuất phát điểm mà cả trong quan điểm, một dị đồng rõ rệt trong thái độ.

Chủ đề đích xác của hai *Áo Nghĩa Thư* quả là không giống nhau. *Isha* có chủ đề là toàn bộ vấn đề thế gian, cuộc sống số phận con người trong những tương quan với chân lý tối cao của Phạm Thể.

Nó bao quát trong mười tám tiết hàm súc phần lớn những vấn đề cơ bản của cuộc sống và duyệt qua mau, mà cái chìa khóa mở mọi cánh cửa là ý niệm về Chân Ngã tối cao với những sáng hóa, về Chủ Tể tối cao với những hoạt động. Nhất như của mọi hữu tồn là giọng điệu nổi bật.

Bộ *Kena Upanishad* gắn bó với một vấn đề hẹp hơn, bắt đầu bằng cuộc tìm kiếm đích xác và hạn định chặt chẽ hơn. Nó chỉ lưu tâm đến những tương qua giữa phàm thức và ý thức Phạm Thể và không ra khỏi giới hạn nghiêm ngặt của chủ đề. Vật giới và đời sống xác thân được định là nguyên lý, nên chỉ nói lướt qua. Nhưng vật giới và cuộc sống xác thân chỉ hữu tồn đối với ta theo nội ngã với cuộc sống nội tâm ta. Những khí cụ phàm thức của ta hình dung cho ta ngoại giới ra sao, sinh lực ta tuỳ phàm thức mà phản ứng với những va chạm và đối tượng thế nào thì cuộc đời với sinh hoạt bên ngoài của ta thế vậy. Tùy thức tính ta quyết định mà thành tướng trạng thế gian đối với ta. *Áo Nghĩa Thư* đặt vấn đề: vậy những khí cụ phàm thức đó là gì? Cuộc sống phàm thức sử dụng cuộc sống bên ngoài đó là gì? Chúng phải chăng là những chứng nhân cuối cùng, mãnh lực tối cao và cứu cánh? Phàm thức phải chăng là tất cả, hay hữu tồn này chỉ là một tấm màn che một cái gì vĩ đại hơn, hùng hậu hơn, xa xôi hơn và thẳm xâu hơn nó?

Áo Nghĩa Thư trả lời rằng quả là có sau tấm màn che một hữu tồn như vậy, nó đối với phàm thức và những công cụ, đối với sinh lực và sự vận

dụng chẳng khác nào những cái này đối với thế giới vật chất. Vật Chất không biết được Phàm Thức; Phàm Thức biết được Vật Chất; chỉ khi nào vật được sáng tạo hiện thân trong Vật Chất sinh ra phàm thức, thành thể thức, thì mới biết được ngã thức của nó và, bởi ngã đó, cũng biết được Vật Chất ở thực thể đối với phàm thức. Cũng như thế, Phàm Thức không biết được Cái Ấy đàng sau nó, Cái Ấy biết được Phàm Thức, và chỉ khi nào hữu thể phủ che trong Phàm Thức có thể giải phóng Chân Ngã ra khỏi những giả tướng thì mới có thể thành Cái Ấy, hiểu rằng chính là mình, và nhờ thế cũng biết được Phàm Thức ở thực thể đối với cái thực hơn Phàm Thức. Làm sao vượt lên Phàm Thức với những khí cụ của nó, suốt Nội Ngã, đạt Phạm Thể - điều đó thành mục đích tối cao của con người Phàm Thức, vấn đề chủ yếu trong hữu tồn của nó.

Thực thể, nếu người ta nhận là có một hữu tồn thực hơn là hữu tồn phàm thức, một cuộc sống lớn hơn cuộc sống xác thân thì cuộc sống hạ đẳng với những hình thức của nó, với những thú vui của nó vốn là điều duy nhất để phàm nhân đều sùng bái và theo đuổi, không còn là đối tượng khao khát cho trí giả. Người phải ngưỡng vọng cao hơn; người phải thoát khỏi cái vũ trụ tử diệt với những phù ảnh và siêu việt để thành con người thật của mình trong tình trạng bất tử chân chính. Người chỉ thực hữu khi nơi đây, ngay trong cuộc đời sinh tử, người có thể thoát khỏi ý thức

phàm phu mà hiểu biết và thành đấng bất biệt hằng hữu. Nếu không thì người cảm thấy mình bị tiêu vong, đọa lìa chân phúc.

Nhưng *Áo Nghĩa Thư* không hình dung ý thức Phạm Thể này như một vật hoàn toàn xa lạ với thế giới phàm thức và xác thân, biệt cách hẳn, không quan tâm đến những hoạt động của nó mà chính mình cũng bất động. Trái lại thì Phạm Thể là đấng Chủ Tể và chi phối toàn thế gian; những năng lực chư thần trong ý thức phàm tục là những năng lực của Phàm Thể; khi chư thần "chiến thắng và được hiển dương", là bởi vì Phạm thể đã chiến và đã thắng. Vậy thế gian này là một tác động hạ đẳng, một biểu thị thô phù của một cái gì lớn hơn, toàn hơn, và thực hơn nó vô cùng.

Cái Ấy là chi? Đó là Toàn Phúc tức hữu thể vô cực và mãnh lực bất diệt. Cái mà nhân thế phải sùng bái và kiếm tìm chính là chân phúc thần túy và tuyệt đối chứ không phải những thèm khát và thú vui của thế gian này. Làm cách nào tìm được là vấn đề duy nhất đáng kể; đưa hết mình ra để theo đuổi là chân lý duy nhất và minh triết duy nhất.

II

Phàm thức là tác nhân của ý thức hạ đẳng thuộc hiện tượng giới; sinh lực hay sinh khí, lời nói và năm giác quan là những khí cụ của phàm thức. Chỉ có linh khí *prâna*, sinh lực trong thần

kinh hệ; mới thực là khí cụ chính của phàm thực ta; bởi chính nhờ nó mà phàm thức tri giác những tiếp xúc vật giới qua những cơ quan nhận thức – thị, thính, khứu, xúc, vị - và phản ứng vào đối tượng bằng lời nói và bốn cơ quan khác của tác động; sự vận chuyển của mọi quan năng này phụ thuộc "Sức Sống" thần kinh. Bởi thế cho nên *Áo Nghĩa Thư* bắt đầu bằng cách tìm kiếm cỗi nguồn và phương châm cứu cánh cho những hoạt động của Phàm Thức, Sức Sống, Lời Nói, Quan Năng.

Vấn đề nêu lên là: *Kena*, tự ai, hay tự cái gì? Theo quan niệm cổ xưa về vũ trụ thì cuộc sống vật chất của ta, xuất phát từ năm trạng thái nguyên tố của Vật Chất, tương ứng với khí ê the (dĩ thái) không khí, lửa, chất nước và chất đặc; mọi cái liên quan đến cuộc sống vật chất của ta đều gọi là cái thuộc nguyên tố, *adhibhauta*. Ở đó, trên bình diện vật chất này, hoạt động những mãnh lực phi – vật biểu thị qua Thức lực và Sinh lực tác dụng vào Vật Chất; người ta gọi là Chư Thần hay *devas* ; mọi cái liên quan đến tác dụng của phi – vật nơi ta đều gọi là *adhidaiva* (thuộc về chư thần) Nhưng ở trên những mãnh lực phi - vật mà gồm chứa nó, lớn hơn nó, có Chân Ngã hay Tâm Linh, *átman*, và mọi cái liên quan đến cuộc sống thượng tầng ở ta gọi là thể tâm linh *adhyâtma*. Theo quan điểm *Áo Nghĩa Thư* thì *adhidaiva* là cái vi tế ở ta; đó là cái Phàm Thức với Sinh Hoạt biểu thị tương phản với vật chất thô trọng; bởi tác dụng tiêu biểu của chư thần là ở trong Phàm Thức với Sinh Hoạt.

Áo Nghĩa Thư không quan tâm đến cái thuộc nguyên tố, *adhibauta*; mà bàn đến những tương quan giữa cuộc sống vi tế và cuộc sống tâm linh; *adhidaiva* và *adhyâtma*. Nhưng Phàm Thức, Sinh Hoạt, lời nói, mọi quan năng đều được chi phối bởi những mãnh lực hoàn vũ, bởi chư Thần, bởi Đế Thích Indra, Phong Thần Vâyu, Hỏa Thần Agni. Những mãnh lực hoàn vũ vi tế này phải chăng là khởi đầu của hữu tồn, là những nguyên động lực thực của phàm thức và sinh hoạt, hay đằng sau chúng có một năng lực cao đẳng thống nhất, bản nhiên thuần nhất?

Tự Ai hay tự Cái Gì mà phàm thức lĩnh mệnh được phóng đi khéo đến nỗi trúng đối tượng như một mũi tên được tay thiện xạ phóng vào đích lựa trước, như một sứ giả được chủ cử đến một nơi nhất định, với mục đính nhất định? Vậy cái gì trong ta hay ngoài ta cử phàm thức đi làm tròn sứ mệnh? Ai hướng dẫn nó đến đối tượng?

Cũng có cả sức Sinh Hoạt, linh khí *Prâna*, tác dụng trong con người phàm thức và thần kinh hệ ta. *Áo Nghĩa Thư* nói đến như Khí đầu hay tối cao; mà ở chư Kinh Điển, người ta nói như Khí chính hay là Khí từ miệng, *mukhya, âsânaya*; đó là cái bản nhiên mang theo Lời, biểu thị sáng hóa. Người ta nhận xét rằng trong cơ thể con người có năm hoạt động của sinh lực, gọi là năm linh khí *prânas*. Linh khí đúng với danh hoạt động trong phần trên của thân thể và chuyên là sinh khí vì mang sức Sinh Hoạt hoàn vũ vào hệ

thống xác thân và để đẩy cho nó được phân phối. Trong phần dưới của thân là cái thứ hai gọi là *Apâna*, tử khí, vì sinh lực theo nó mà thoát ra khỏi thân thể. Một cái thứ ba, *Samâna*, chi phối những trao đổi của hai sức này ở giao điểm, làm cho chúng bằng nhau, và đóng vai trò quan trọng nhất trong việc giữ những cơ năng của chúng.

Một cái thứ tư, lưu hành khắp, *vyâna*, phân phối những năng lực sinh hoạt ra toàn thân. Một cái thứ năm, *udâna*, đi suốt thân thể lên tới đỉnh đầu, thực là dòng giao thông giữa cuộc sống xác thân với cuộc sống cao cả hơn ở tinh thần. Không có cái nào là Khí đầu hay tối cao, dầu linh khí *prâna* là biểu thị gần sát; cái khí mà chư *Áo Nghĩa Thư*, cho là rất quan trọng chính là sức sống thuần túy – mà khí này gọi là khí đầu bởi mọi khí đều phụ thuộc đối với nó, sinh tự nó, và chỉ tồn tại như những cơ năng đặc biệt của nó. Nó được biểu thị, trong *Vệ Đa* bằng hình ảnh con Ngựa; những năng lực khác nhau của nó, là những mãnh lực chuyển đoàn xe chư Thần. Hình ảnh Vệ Đà được nhắc nhở vì sự lựa chọn những danh từ dùng trong *Áo Nghĩa Thư*: *yukta* (đóng xe), *praiti* (đi, tiến, như con ngựa được mã phu điều khiển tiến trên đường). Vậy ai đã đóng sức Sinh Hoạt này vào những hoạt động rất nhiều của hữu tồn, hay vì mãnh lực nào cao hơn mà nó tiến trên mọi nẻo đường của chính nó? Bởi nó không phải là đầu, cũng chẳng phải bản nhiên hữu tồn, chẳng phải tác nhân của chính nó. Ta có ý thức về một

mãnh lực sau nó chỉ hướng, dẫn đưa, chế ngự, sử dụng nó.

Sức của sinh khí giúp ta cấu tạo và phát ra khỏi thân thể, cái lời để phô diễn, để phóng vào một thế giới hoạt động và sáng hóa mới những ý muốn với những sắc tướng - tư tưởng của phàm thức. Nó được Phong Thần Vâyu, sinh khí, kích động; nó được cấu thành bởi Hỏa Thần Agni là một lực của ý chí, hỏa lực đào luyện trong phàm thức và xác thân. Nhưng Phong Thần, Hỏa Thần chỉ thừa hành. Mãnh lực bí mật nào ẩn sau họ, chủ tể lời mọi người nói, cái thực sự cấu thành lời, nguồn gốc của cái phô diễn?

Tai nghe tiếng, mắt trông hình; nhưng sự nghe và sự trông là những hoạt động đặc biệt của sinh lực nơi ta được phàm thức sử dụng để giao tiếp với thế giới có con người phàm thức ở trong, để diễn nó trong những hình thức của giác quan. Sinh Lực đào luyện, phàm thức sử dụng nhưng có cái khác với sinh lực và phàm thức làm cho chúng có thể đào luyện và sử dụng những đối tượng với khí cụ của chúng. Thần Linh nào định cơ năng cho mắt với tai? Chẳng phải Thái Dương Thần Sûrya, vị thần của ánh sáng, cũng không phải Dĩ Thái với những không gian của nó, bởi đó chỉ là những điều kiện của sự trông và sự nghe.

Chư Thần, vị nào góp phần này, phối hợp những hoạt động của vật giới mà ta quan sát, cũng như thức giới là phương tiện quan sát của ta, nhưng hoạt động hoàn vũ duy nhất ở tổng thể,

không phải là một tổng số nguyên tử ngẫu thành; nó duy nhất, chính tể ở mọi phần của nó, phối hợp ở những vận chuyển phức tạp theo một hữu tồn ý thức độc nhất không thể tạo thành hay sản ra bởi phối hợp (akrita), nhưng đã có trước mọi hoạt động này. Chư Thần chỉ hành động được bởi mãnh lực này có trước mình, chỉ sống được bởi sự sống của nó, chỉ nghĩ được bởi tư tưởng của nó, chỉ hành động vì những ý hướng của nó. Nhìn vào ta và vào vạn vật, thì ta trở nên ý thức rằng nó ở đó, một "Tôi", một cái "hữu", một Chân Ngã thực khác vì bền vững hơn, rộng lớn hơn bất cứ vật cá biệt nào.

Nhưng bởi vì nó tuyệt không phải là cái mà phàm thức có thể lấy làm đối tượng, mà những giác quan có thể tạo hình thức cho phàm thức vậy là gì? Hay là ai? Thánh Linh tuyệt đối nào? Thần minh duy nhất tối cao và vĩnh cửu nào? *Ko devah?*

III

Vấn đề muôn dời bây giờ đã đặt ra, nó đào mất con người, xa cái hữu hình và bề ngoài, đến cái hoàn toàn nội tâm, xa cái biết cạn hẹp mà hắn đã thành để đến cái chưa biết bao la, mà hắn còn phải nảy nở ở đó và hắn phải vậy bởi vì đó là Thực Tướng hắn, bởi vì Chân Hữu rút cục phải thoát ra hẳn cái trò huyễn hóa của hiện tượng và sinh diệt. Khi đã tuân theo phương châm tối thượng này, linh hồn nhân loại không còn có

thế đành lòng hướng về những sinh tử, những giả tướng, qua những cái cửa phàm thức, và giác quan ma Hằng Thể bản nhiên hữu tồn đã cho mở ra ngoài phía sắc tướng giới: nó được thúc đẩy xoay chiều chiêm niệm vào trong ở một thực tướng giới mới.

Ở đây, trong cái thế giới hằn biết, con người sở hữu vật gì, thì hắn cho là có giá trị, dầu bất toàn hay bấp bênh đến đâu chăng nữa. Bởi hắn nhằm đạt, mà hắn được ở mức độ nào đó, một cuộc mở rộng bản thể, nảy nở hiểu biết, mỗi lúc một thêm vui và mãn nguyện, và những thứ này quý với hắn đến nỗi hắn sẵn sàng báo đáp bằng khổ đau triền miên vì xung đột của những cái tương phản. Vậy nếu hắn phải lìa bỏ cái hắn theo đuổi và ôm ấp ở thế gian này thì hẳn có một sức lôi cuốn mạnh hơn nhiều kéo hắn sang Bên Kia, một cung hiến bí mật vật gì khá lớn để đền bù đầy đủ cho tất cả sự khước từ có thể đòi hỏi hắn ở cõi trần. Cung hiến thế này: không phải một sinh hóa mở rộng mà hữu thể vô cực; không phải những mảnh tri thức bao giờ cũng tương đối được nhất thời lầm coi như tri thức đầy đủ mà sự sở hữu ý thức bản yêu với những thực tướng rạng rỡ dạt dào; chẳng phải những mảy mãn nguyện mà cực lạc. Tất một lời, Bất Tử.

Những danh từ của *Áo Nghĩa Thư* chỉ bảo rõ ràng dứt khoát rằng cái cung hiến cho linh hồn khát vọng không phải là một trừu tượng siêu hình, một tịch mịch rỗng không, một Tuyệt đối

bất định, mà chính là tuyệt đối của mọi cái nó sở hữu nơi đây cõi trần hoàn sống tam. Nơi đây mọi cái trong phàm thức đều là tuệ quang, ý thức và sinh hoạt tăng trưởng; ở đó, trong siêu thức, cái gì cũng là sinh hoạt, tuệ quang và ý thức vô biên. Cái ta có bóng vang nơi đây, thì ở đo hiển thị; cái bất toàn nơi đây, được viên mãn nơi đó. Bên Kia không phải là tịch diệt mà là một biên diện cả hiện trạng của ta ở sắc tướng giới; đó là Thức chủ tế phàm thức này, Nguồn Sinh bí mật của sinh hoạt này, Quan Năng tuyệt đối phù trì và biện chính cho mọi quan năng hữu hạn của ta.

Ta tự khước từ để tìm ra mình; bởi trong cuộc sống phàm thức chỉ có sự kiếm tìm mà chẳng bao giờ có khám phá tối chung – cho tới khi phàm thức bị vượt. Bởi thế cho nên đằng sau cả thức tinh ta có một sự hoàn toàn của chính ta mà đối với ta như xung khắc, tương phản với hiện trạng ta. Bởi nơi đây ta là một sinh hóa triền miên; ở đó ta sở hữu bản thể đời đời của ta. Nơi đây ta coi mình như một ý thức đổi thay, phát triển và bao giờ cũng phát triển ở dòng thời gian bằng một nỗ lực bị ngăn ngại; ở đó ta là một ý thức bất biến mà thời gian không làm chủ như là công cụ cũng như phạm vi của mọi cái nó sáng tạo và giữ gìn. Nơi đây ta sống trong một thế giới phù du; ở đó, được giải thoát, ta vào những hòa hài của một thị lực vô biên về tự ngã hiểu biết toàn triệt thế giới trong tuệ quang của vĩnh cửu, của bất diệt. Bên kia là thực tướng của ta; đó là viên mãn của ta;

đó là mãn nguyện tuyệt đối do cuộc hữu tồn bản nhiên của ta. Đo là bất tử và là "Cực Lạc Ấy".

Nơi đây, trong thức tính tù túng của ta, tiểu ngã có gắng làm chủ và sở hữu tâm trường và ngoại cảnh cũng vô hiệu, nó không thể sở hữu cái là phi ngã đối với ta. Nhưng ở đó, trong tự do của vĩnh cửu, hữu tồn bản nhiên của ta, sở hữu không phải vật lộn vì cái túc lý rằng mọi vật chính là nó. Nơi đây là con người giả tướng, ở đó con người thực tướng, *purusha*; nơi đây là chư thần, đó là Thần Tính; nơi đây là một thử toan hữu tồn, một nảy nở của sinh thoát khỏi một cái chết gồm nuốt, ở đó, chính Thực Hữu và một bất tử đời đời.

Lời giải đáp như thế đã bao hàm ngay trong hình thức câu hỏi mở đầu. Chân Lý đàng sau Phàm Thức, Sinh Hoạt, Quan Năng phải là cái làm chủ bằng cách siêu việt; đó là đấng Thiên Đế, đấng Thần Linh sở hữu tất cả. Đó là kết luận mà *Isha Upanishad* đạt tới bằng cách tổng hợp mọi hữu tồn; *Kena Upanishad* đến bằng cuộc đối chiếu giữa một hữu tồn bản nhiên độc nhất và chủ tể với cả hiện trạng hữu tồn dưới những sắc tướng khác nhau bởi một mãnh lực hữu tồn khác với mãnh lực của chính nó. Bộ nào theo phương pháp của bộ ấy để phân giải mọi vật vào Thực Thể duy nhất, nhưng kết luận như nhau. Chính Cái Ấy sở hữu tất cả, Cái Ấy vui hưởng mọi cái mà người ta đạt được vì khước từ con người riêng biệt, sở hữu riêng biệt, hoan lạc riêng biệt.

Nhưng bộ *Isha* nói với người tìm tòi đã giác ngộ; bởi thế cho nên bắt đầu bằng đấng Chủ Tể trú ngự tất cả, rồi trở về với đấng Chủ Tể chuyển sang Chân Ngã thành tất cả, rồi trở về với đấng Chủ Tể, coi như Chân Ngã của chuyển động hoàn vũ bởi nó muốn biện chính cho những hành nghiệp đối với kẻ kiếm tìm cái Bất sinh và thiết lập một cuộc sống thần linh căn cứ trên hoan hỉ của bất tử và ý thức thống nhất của cá thể nhất như phổ quát. Bộ *Kena* nói với linh hồn còn bị cuộc sống bên ngoài cám dỗ, chưa hoàn toàn giác ngộ cũng như hoàn toàn hiến mình cho cuộc tìm tòi; bởi thế cho nên bắt đầu bằng Phạm Thể như Chân Ngã siêu việt Phàm Thức rồi tự đó đến Phạm Thể như đấng Chủ Tể bí ẩn của mọi hoạt động phàm thức và sinh tồn của ta, bởi nó muốn hướng dẫn linh hồn này siêu việt cuộc hữu tồn phù ảo và bề ngoài. Tuy nhiên hai chương đầu của bộ *Kena* chỉ làm cái việc giải bày bớt rộng, từ quan điểm khác này, giáo lý về Chân Ngã với những sinh hóa của nó giãi bày trong bộ Isha; hai chương cuối nhắc lại với một lối vận dụng khác về tư tưởng, giáo lý được *Isha* giải bày về đấng Chủ Tể và hoạt động của Người.

IV

Ảo Nghĩa Thư thoạt đầu khẳng định sự hữu tồn của cái ý thức sâu xa hơn, rộng lớn hơn, mạnh mẽ hơn ở đằng sau con người phàm thức của ta. Cái Ấy là Phạm Thể. Phàm Thức, Sinh Hoạt, Quan Năng, Lời Nói, tuyệt không phải là

Phạm Thể; chỉ là những hình thái hạ đẳng và khí cụ bên ngoài. Ý thức Phạm Thể là chân ngã và hữu tồn đích thực của ta.

Phàm thức và xác thân không phải là chân ngã ta; chỉ là những tạo tác, những hình ảnh biến di mà ta vừa đi vừa xây dựng ở dòng thời gian như kết quả khối năng lực quá khứ của ta. Bởi vì rằng dầu những năng lực này đối với ta như chết rồi, chôn vùi trong quá khứ vì lịch sử chúng có trước ta, mà chúng vẫn tồn tại ở toàn khối và bao giờ cũng hoạt động trong hiện tại vì vị lai.

Cũng chẳng phải cơ năng – chấp ngã là chân ngã ta. Tiểu ngã chỉ là một năng lực được phàm thức biện phân đặt ra để tập trung quanh nó những kinh nghiệm của phàm thức – quan năng và đóng vai trò một thứ đinh chốt đầu trục bánh xe để giữ cho chuyển động khỏi trật chương. Nó chỉ là một khí cụ - dẫu thực ra khi ta có giới hạn trong một thức tính bình thường thì ta còn phải tùy bản chất của thức tính đó và cả ý hướng của khí cụ nữa mà lầm nhận cơ năng chấp ngã của ta làm chân ngã ta.

Cũng chẳng phải ký ức cấu thành chân ngã ta. Ký ức cũng là một khí cụ, một khí cụ tuyển lựa để giúp cho sự sắp đặt thực tiễn những hoạt động ý thức của ta. Cơ năng chấp ngã dùng nó như chỗ tựa nương, như chỉ trụ để giữ gìn ý thức về liên tục kẻo những hoạt động phàm thức và sinh tồn của ta không phối hợp được cho một cuộc vui

hưởng đầy đủ cá thể. Nhưng chính cái ngã phàm thức của ta gồm có nhiều thứ - mà nó chịu ảnh hưởng – lại không hiện lên ký ức, ở dưới tiềm thức, mà cuộc sống bề mặt có thể thoáng nhận thấy nữa là khác. Ký ức cần thiết cho sự liên tục của ý thức tiểu ngã; nhưng không cấu thành ý thức tiểu ngã; lại càng không phải là nó.

Cũng chẳng phải nhân cách tinh thần là chân ngã ta. Nó chỉ là một tạo tác đổi thay, một cái khuôn mềm dẻo đặt ra và sử dụng bởi cuộc sống chủ quan của ta để làm cho có vẻ cố định cái sinh hóa triền miên biến dịch mà bởi những giới hạn phàm thức ta ngã theo cám dỗ gọi là chính ta.

Cũng chẳng phải toàn thể cuộc sinh hóa ý thức biến dịch, dầu được phong phú vì tất cả cái căn bản tiềm thức là chân ngã ta. Cái mà ta chuyển hóa là một tổng thể sinh hoạt chảy trôi, một dòng kinh nghiệm cuồn cuộn dọc thời gian, một trận sóng của Tự Nhiên mà tâm tinh ta cưỡi trên đầu. Bản thể ta là yếu tính vĩnh cữu của sinh hoạt này, ý thức bất biến mang kinh nghiệm, bản thể bất diệt của Tự Nhiên và thức tính.

Bởi mọi cái đằng sau cái ta chuyển hóa và cảm thấy, mà làm chủ nó có một cái sinh ra, sử dụng, quyết định, vui hưởng, mà lại không biến đổi vì đã sinh ra, không bị xuc nhiễm vì những công cụ của nó, không bị quyết định bởi điều nó quyết định, không bị biến tính vì những cuộc vui hưởng. Nó là gì, ta không thể biết trừ phi nhìn sau tấm màn che của con người phàm thức chỉ

biết được cái bị xúc nhiễm, cái bị quyết định, cái bị biến tính, cái bị đổi thay. Phàm thức chỉ ý thức về nó, như về một cái là trạng thể ta mà không thể định rõ, chứ chẳng như một cái hẳn hiểu biết và định rõ. Bởi, ngay khi phàm thức ta thử thiết định rõ cái đó thì bị hoang mang như đắm trong thủy triều biến động, bám víu lấy những bộ phận, những cơ năng, những giả tưởng, những phù anh như những mảnh bè trong cơn bối rối, hoặc hấn thử cắt lấy trong vô cực một sắc tướng mà nói: "Cái Ấy, là ta". Như *Kinh Vệ Đà* đã dạy: "Khi phàm thức đến gần Cái Ấy mà nghiên cứu, Cái Ấy biến mất".

Nhưng đàng sau phàm thức là cái ý thức khác ấy, ý thức Phạm Thể, Huyền Thức của thức ta, Quan Năng của mọi quan năng ta, Thượng Ngôn của mọi lời ta, Nguồn Sinh của sinh hoạt ta. Đạt tới đó là ta đạt ngã; lúc ấy ta có thể bỏ phàm thức, hình ảnh, để vào Phạm Thể, Thực Thể.

Nhưng cái gì phân biệt chân ngã ấy với giả ngã này? Hay là - bởi ta không thể nói gì hơn cái điều ta đã nói rồi để định nghĩa, bởi ta chỉ có thể nói sơ rằng " Cái Ấy" không cùng thể trạng với "cái này", rằng "Cái Ấy" là tuyệt đối của tất cả hiện hữu này, không thể diễn tả bằng phàm thức – tương quan của hiện tượng này đây với thực thể đó nọ? Bởi *Áo Nghĩa Thư* khởi từ câu hỏi về tương quan này; câu hỏi đầu hàm ý có tương quan và thực thể sản sinh, chi phối hiện tượng.

Hiển nhiên, Phạm Thể không phải là một vật

tùy thuộc phàm thức ta, quan năng ta, lời lẽ ta hay sinh lực ta; không phải là một đối tượng được nhìn, nghe, diễn, nhận, bằng những quan năng, tạo tác bởi tư tưởng, cũng chẳng là bất cứ trạng thái nào của xác thân hay phàm thức mà ta sinh hóa trong chuyển động biến đổi của cuộc đời. Nhưng tư tưởng *Áo Nghĩa Thư* tìm cách khua dậy từ tâm để ta những tiếng vang thẳm sâu hơn là sự phủ định hiển nhiên vai trò đối tượng gán cho Phạm Thể trước phàm thức và quan năng. Nó khẳng định rằng chẳng những Phạm Thể không là một đối tượng cho phàm thức cũng như không là một tạo tác sinh hoạt, mà đến việc hành xử quyền tối thượng với hoạt động của nó cũng lại chẳng tùy thuộc phàm thức ta, sinh hoạt ta, cơ năng ta nữa. Nó là cái không nghĩ bằng phàm thức, không sống bằng sinh hoạt, không tri giác bằng quan năng, không biểu thị bằng lời, mà lại còn làm cho những vật này thành đối tượng cho ý thức ưu việt của nó bao quát tất cả và thấu triệt tất cả.

Phạm Thể quán phàm thức và làm cho nó xuất hiện bằng phương tiện của cái siêu việt phàm thức; nó trông sự trông và nghe sự nghe bằng sự trông; sự nghe tuyệt đối ấy, đối với nó không thuộc về hiện tượng hay công cụ, mà trực tiếp và cố hữu; nó cấu tạo, từ Thượng Ngôn sáng hóa của nó, ngôn ngữ ta phô diễn; nó rút cuộc sống phù du mà chúng ta bám víu, từ tác động vĩnh cửu của năng lực nó không bị cắt xén ra thành những sắc

tướng, mà bao giờ cũng có tự do của vô cực bất tuyệt. *Áo Nghĩa Thư* bắt đầu lời giải đáp cho câu hỏi của chính nó là như vậy. Nó thoạt tả Phạm Thể như Huyền Thức của thức, Thị Giác của thị giác, Thính giác của thính giác, Thượng Ngôn của ngôn ngữ, Nguồn Sinh của sinh hoạt. Rồi nó nhắc lại từng từ ngữ và phóng ra một hình thức rộng rãi hơn để khêu gợi một ý niệm chính xác hơn và phong phú hơn về ý nghĩ của chúng được chừng nào hay chừng nấy với danh ngôn. Tương ứng với từ ngữ "Huyền Thức của thức" là định thức mở rộng "Cái Ấy chẳng nghĩ bằng phàm thức – Mà thức phàm chịu sức quán đây"; và cứ thế với từng từ ngữ diễn tả khởi đầu cho tới định nghĩa cuối cùng về Nguồn Sinh đàng sau sinh hoạt này: "Cái Ấy chẳng thở bằng hơi thở - Mà khí sinh nhờ đó được phóng đi hoạt động".

Và mỗi câu thơ giáo lý này lại được lời răn lặp lại nhấn mạnh: Chính là Phạm Thể không hai – Cái này chẳng phải, kiếm hoài trần gian". Thức, Sinh Hoạt, Quan Năng, Lời Nói, với những đối tượng là biểu thị của chúng đều không phải là Thực Thể mà ta phải biết và theo đuổi. Tri thức chân chính là tự Cái Ấy tạo ra cho ta những khí cụ ấy nhưng chính nó lại độc lập đối với việc sử dụng. Sở hữu chân chính, vui hưởng chân chính là ở kẻ vừa tạo ra những đối tượng cho ta tìm kiếm, vừa không lấy cái gì làm đối tượng cho mình theo đuổi và si mê, mà vĩnh viễn thỏa mãn với mọi điều trong niềm vui của bản thể bất tử.

V

Áo Nghĩa Thư đảo thư tự thường quen của tư tưởng luận lý ta thế nào cũng đặt Thức với những Quan Năng, hoặc Sinh Hoạt lên trước, rồi Lời về cuối như cơ năng phụ thuộc, mà bắt đầu cuộc miêu tả tiêu cực về Phạm Thể bằng giải thích định thức linh diệu "Thần Ngôn của lời ta, biểu thị tuyệt đối mà ngôn ngữ nhân loại chỉ là một vang bóng hay như một mạo tạo nhân vi. Ý niệm nào làm căn bản cho định thức này của *Áo Nghĩa Thư*, cho việc đưa khả năng ngôn ngữ lên trên?

Thường thường, khi nghiên cứu những *Áo Nghĩa Thư*, ta phải tước bỏ ít nhiều quan niệm kim thời và thực hiện việc sử dụng danh từ trong Vệ Đàn Đà xưa nhất. Ta phải nhớ rằng, trong hệ thống Vệ Đà, Lời là cái Sáng Hóa, bởi Thần Ngôn mà Phạm Thể tạo ra những sắc tướng vũ trụ. Hơn nữa, ngôn ngữ nhân loại hạng cao nhất chỉ làm cái việc thứ phục hồi, nhờ thần khải và thần hứng, một biểu thị tuyệt đối của Chân Lý đã tồn tại trong Vô Cực trên sức hiểu của phàm thức ta. Vậy Thượng Ngôn này phải ở trên năng lực xây dựng của phàm thức ta.

Sáng tạo nào cũng là phát biểu do Thượng Ngôn; nhưng hình thức được phát biểu chỉ là một biểu trưng hay tượng hình của vật thực hữu. Ta thấy điều này trong lời nói nhân loại chỉ hiến cho phàm thức một sắc tướng phàm thức của đối tượng; nhưng đối tượng mà nó tìm cách biểu thị cũng lại chỉ là một sắc tướng hay tượng hình của một Thực

Thể khác. Thực Thể này là Phạm Thể. Phạm Thể biểu thị bằng Thượng Ngôn một sắc tướng hay tượng hình của chính mình trong những đối tượng của giác quan và ý thức cấu thành hoàn vũ. Đúng như tiếng nói nhân loại biểu thị một ảnh tượng phàm thức của những đối tượng ấy. Thượng Ngôn này sáng tạo theo một nghĩa sâu xa và nguyên thủy hơn là ngôn ngữ nhân loại, và với một mãnh lực mà khả năng sáng tạo cao nhất của ngôn ngữ nhân loại chỉ phăng phất nhạt mờ và xa xôi.

Danh từ dùng ở đây để chỉ sự phát ngôn có nghĩa là "đưa lên đặt trước mặt" phàm thức. Phạm Thể như *Ảo Nghĩa Thư* nói, là cái không thể đưa lên như thế trước phàm thức bởi ngôn ngữ.

Ngôn ngữ nhân loại như người ta thấy chỉ đưa lên tượng hình của một tượng hình, sự hình dung phàm thức về một đối tượng tự nó chỉ là một hình dung Thực Thể duy nhất, là Phạm Thể. Nó hẳn có một năng lực sáng tạo mới, nhưng chính năng lực này chỉ ra đến sáng tạo những ảnh tượng phàm thức mới, nghĩa là những tạo tác bổ túc căn cứ vào những ảnh tượng phàm thức trước. Một năng lực giới hạn như thế không hiến một ý niệm nào về mãnh lực sáng tạo nguyên thủy mà những nhà tư tưởng xưa gán cho Thần Ngôn.

Tuy nhiên, nếu ta vào sâu hơn chút nữa dưới bề mặt ta sẽ đạt tới một mãnh lực trong ngôn ngữ nhân loại, nó, chính nó, hiến ta một hình ảnh xa xôi của Thần Ngôn sáng tạo nguyên thủy. Ta biết rằng một âm chấn có khả năng

tạo ra – và hủy diệt – những hình thể; đó là một sáo ngữ của khoa học cận đại. Vậy hãy giả thiết ở phía sau mọi hình thể này có một âm chấn sáng hóa.

Và bây giờ ta hãy xét tương quan giữa ngôn ngữ nhân loại với âm thanh nói chung. Ta thấy ngay rằng lời nói chỉ là một ứng dụng đặc biệt của nguyên lý âm thanh, một chấn động tạo ra bởi sức ép của hơi thở khi đi qua cuống họng và miệng. Thoạt đầu, chắc nó được cấu thành tự nhiên và ngẫu nhiên để diễn những cảm xúc gây ra bởi một đối tượng. Vậy thì hình như giá trị của lời nói chỉ có tượng hình, chứ không sang hóa.

Thế mà, thực ra, lời nói sáng hóa. Nó tạo ra những hình thức cảm xúc, những ảnh tượng phàm thức, những xung động. Lý thuyết và thực hành Vệ Đà xưa tăng trưởng tác dụng sáng hóa này của lời nói bằng chân ngôn, mantra. Lý thuyết về chân ngôn coi đó là một tiếng có mãnh lực xuất từ những tầng lớp thẳm sâu bí mật của bản thể ta mà nó đã được ấp ủ bởi một ý thức sâu xa hơn là phàm thức; cấu thành trong tim chứ không phải trí năng, giữ trong phàm thức rồi đối tượng cho phàm thức, linh lợi tập trung, và rút cục phóng ra ngoài lặng lẽ hay bằng lời – tiếng lặng lẽ coi như có lẽ mạnh hơn tiếng nói ra – đích thực là vì một mục đích sáng hóa. Chân ngôn có thể, chẳng những tạo ra ở chính ta những trạng thái chủ quan mới, đổi thay bản thể tâm lý ta, khải thị một tri thức và những năng lực mà ta trước

kia không có; chân ngôn có thể, chẳng những gây ra những kết quả tương tự ở những tâm trí khác với tâm trí kẻ thốt ra, mà còn có thể tạo ra trong không khí sinh hoạt và phàm thức những chấn động có những kết quả là những hiệu lực, những hành động và cả sự xuất hiện những hình thể vật chất trên bình diện vật lý nữa là khác.

Thật ra thì ngay lúc bình thường, ngay đến hàng ngày, giờ khắc nào ta cũng gây ra, bởi lời nơi ta, những chấn động – tư tưởng, những hình thể - tư tưởng có những kết quả là những chấn động tương ứng về những sinh hoạt và vật lý, tác dụng vào ta, vào kẻ khác, và rút cục gián tiếp tạo ra những hành động và những hình thể trong thế giới vật lý. Con người không ngớt tác dụng vào con người vừa bằng lời lặng lẽ vừa bằng lời nói ra, và cũng tác dụng và sáng hóa như thế, dầu kém trực tiếp và kém mãnh liệt, cả đến Tự Nhiên. Nhưng, bởi ta si mê những hình thức bên ngoài với những hiện tướng thế gian và ta không chịu khó xem xét những quá trình vi tế và phi-vật-lý của chúng nên ta hoàn toàn chẳng biết gì về cái phạm vi minh triết sau tấm màn che.

Sử dụng chân ngôn lối Vệ Đà chỉ là khai thác có ý thức cái mãnh lực bí mật của Thượng Ngôn. Và nếu ta xét lý thuyết làm căn bản đồng thời với giả thuyết trước của ta về một âm chấn sáng hóa đằng sau mọi tạo tác thì ta sẽ bắt đầu hiểu ý niệm về những âm chấn nguyên thủy sinh ra những hình thể tương ứng hay những biến đổi

hình thể. Nhưng theo tư tưởng cổ thời thì vật chất chỉ là bình diện hữu tồn thấp nhất. Thế thì ta hãy hiểu rằng có một âm chấn trên bình diện vật chất là đã có trên bình diện sinh hoạt một chấn động tương ứng mà không có thì âm chấn không thể hiện hành; cái này cũng lại phải có trước một chấn động nhân quả tương ứng trên bình diện phàm thức; phàm thức lại có trước một chấn động nhân quả tương ứng trong siêu thức ở ngay cội rễ sự vật.

Nhưng một chấn động phàm thức bao hàm tư tưởng và tri giác. Và một chấn động siêu thức bao hàm một thị kiến và một phân biện tối cao. Vậy âm chấn nào trên bình diện cao tầng này cũng bao hàm phân biện tối cao ấy về một chân lý ở sự vật và cũng là biểu thị của nó; đồng thời lại sáng hóa và bao hàm một mãnh lực tối cao đúc chân lý phân biện trong những hình thể, và rút cục sau khi xuống từng bình diện, nó phóng lại chân lý này trong hình thể vật lý hay vật tạo ra trong vật chất bởi âm thanh dĩ thái. Như thế, ta thấy rằng thuyết sáng hóa bởi Thượng Ngôn là biểu thị tuyệt đối của Chân Lý và thuyết sáng hóa vật chất bởi âm chấn trong dĩ thái hay khí E-the tương ứng nhau và là hai cực hợp lý của một ý niệm. Cả hai đều thuộc về với hệ thống Vệ Đà xưa.

Vậy đây là Thượng Ngôn tối cao, Lời của lời ta. Chính là chấn động thuộc Hữu Tồn thuần tinh, mang theo mãnh lực tri giác và sáng hóa của ý thức vô cực và toàn năng; tiếp nhận của Huyền

Thức đằng sau phàm thức cái hình thể ngôn ngữ không thể khác được của Chân Lý sự vật; về mọi bản thể và trên mọi bình diện thì hình thể hay biểu thị vật lý xuất tự then máy sáng hóa của nó. Siêu thức sử dụng Thượng Ngôn là Chân Nguyên sáng hóa[1].

Thượng Ngôn có những âm thanh – chủng tử - gợi âm tiết muôn đời của Vệ Đà, AUM, và những âm thanh chủng tử của Mật tông – mang trong mình những nguyên lý sự vật. Nó có những hình thể ở mặt sau lời thần khải và thần hứng đến với những năng lực tối cao của con người, và những hình thể này quyết định những hình thể sự vật trong vũ trụ. Nó có những nhịp độ - bởi nó không phải là một chấn động rối loạn, nhưng diễn ra và hòa vào những tiết điệu lớn hoàn vũ – và theo nhịp độ mà được định quy luật, phối trí, hòa hài, quá trình thế giới nó xây dựng. Ngay sinh hoạt cũng là một nhịp độ của Thiên Đế.

Nhưng ở thế gian, cái được phô diễn hay đưa lên trước ý thức bởi Thượng Ngôn là gì vậy? Không phải

---

(1) *Logos créateur*: Theo Platon thì Logos là Thượng Đế làm nguồn gốc cho mọi thực thể. Theo những nhà thần học về sau thì Logos đồng hóa với Thượng Ngôn của Thượng Đế tức Ngôi Hai nên bộ Danh từ thần học và triết học của Liên Chúng Viện Bùi Chu dịch là Thượng Ngôn như Verbe. Đạo sư Aurobindo coi Thượng Ngôn được Siêu Thức sử dụng mà Siêu Thức là Logos, vậy đạo sư muốn dùng Logos theo nghĩa Platon nên chúng tôi dịch là Chân Nguyên.

(T.T.G)

Phạm Thể mà là những sắc tướng với những hiện tượng của Phạm Thể. Phạm Thể không đem phô diễn, không thể phô diễn bởi Thượng Ngôn; không dùng Thượng Ngôn để phô diễn chính mình, nhưng được nhận thức ở tự thức, mà ngay đến những chân lý của chính Nó ở đằng sau những hình thể của sự vật hoàn vũ bao giờ cũng tự lực phô diễn trước thị kiến vĩnh cửu của Nó. Lời sáng hóa phô diễn nhưng chính nó cùng chỉ là một vật được sáng tạo và một biểu thị. Phạm Thể không diễn bằng lời, mà chính lời được Phạm Thể phô diễn.

Bởi thế cho nên không phải những biến cố với những hiện tượng thế gian mà ta rút cục phải nhận làm đối tượng để tìm tòi. Nói cách khác, hữu tồn tối cao ở nguồn gốc tất cả.

Lời nhân loại là một biểu thị hạng nhì, mà ở độ cao nhất cũng chỉ là vang bóng Thượng Ngôn thần linh với những âm thanh chủng tử, những nhịp tiết du dương, những hình thể âm thanh thần khải là những lời toàn tri và toàn năng của đấng Tư Duy Thiên Cổ, đấng Hòa Hài, đấng Sáng Hóa. Lời thần hứng cao nhất mà phàm thức có thể đạt được, lời ý nghĩa nhất không thể phân tích được về chân lý tối cao, âm tiết mãnh liệt nhất, chân ngôn mãnh liệt nhất, chỉ có thể là một tượng hình xa xôi của nó.

VI

Áo Nghĩa Thư khẳng định đằng sau lời này một Thượng Ngôn là phương diện biểu thị của Ý

thức Phạm Thể, thì nó cũng khẳng định, đàng sau phàm thức này, một Huyền Thức là phương diện nhận thức của nó. Và như ta đã tự hỏi căn bản hợp lý của thuyết Thượng Ngôn thần linh siêu việt lời ta có thể là thế nào thì bây giờ ta phải tự hỏi căn bản hợp lý của cái thuyết về một năng lực hay nguyên lý nhận thức siêu việt phàm thức. Ta thực có thể nói được rằng nếu ta chấp nhận một Thượng Ngôn thần linh sáng hoa mọi vật, thì ta cũng phải chấp nhận một Huyền Thức thần linh biết Thượng Ngôn với mọi cái biểu thị. Nhưng không phải một căn bản túc lý; bởi thuyết Thượng Ngôn thần linh chỉ có vẻ như khả hữu trên bình diện hợp lý. Một nhận thức siêu việt phàm thức lại có chiều như một sự tất hữu tự ngay bản tính của chính phàm thức, một sự tất hữu mà, theo đúng lý, ta không thể nào thoát khỏi.

Trong tư tưởng hệ cổ thời chấp nhận sự bất tử của linh hồn đối với xác thân, thì con người là Huyền Thức và định thức được hiểu theo một nghĩa rất sâu xa, triệt để. Chẳng những vì con người là động vật duy nhất trên trái đất có thể lý luận, là giống biết tư tưởng; mà chính vì là thức thể trong một xác phàm, *manu*. Một linh hồn hay một chân ngã duy nhất ở mọi loại chúng sinh có hay không chăng nữa thì xác thân cũng vẫn chẳng là cái ngã đầu thuộc hiện tượng giới của con người; sinh hoạt xác thân cũng vẫn lại chẳng là con người; xác thân với sinh hoạt vật chất có thể tiêu tan cả đời, mà con người vẫn tồn

tại. Nhưng nếu thức thể cũng tiêu tan thì con người thực là con người không còn; bởi thức thể là trung tâm của nó và mối liên kết cơ thể nó.

Trái lại, theo thuyết tiến hóa vật chất mà khoa học cận đại chủ trương thì con người chỉ là vật chất đã làm xuất hiện thức bởi một cảm giác tính nảy nở theo những kích thích tự hoàn cảnh; mà vật chất vốn là căn bản hữu tồn thì không còn cái gì ngoài những nguyên tố vật lý có thể tồn tại sau khi các thân tan tã. Nhưng định thức này giỏi lắm cũng chỉ là mặt trái và phương diện hạ đẳng của một chân lý rộng lớn hơn nhiều. Vật chất không có thể làm xuất hiện thức nếu ở trong hay đàng sau cái mãnh lực làm nảy những hình thể vật lý không có sẵn một nguyên lý của thức cố gắng biểu thị. Ý lực soi sáng và điều khiển có ý thức sự sinh hoạt và hình thể phải nằm sẵn trong cái đối với ta có vẻ vô thức trước khi xuất hiện thức. Nếu trong Vật Chất không nhất định phải có thức, nếu chính bản thể của thức tính không có sẵn đấy và không cả ý lực "thức hóa" thì Thức quả là không có thể nào phát triển. Nhưng trong những nguyên tố hóa học đơn thuần dự vào việc cấu thành những hình thể vật chất hay trong điện, hay trong mọi nguyên nhân thuần túy vật lý khác, dầu cái ý lực hay cảm giác tính vô thức, mà chúng có thể bị làm chủ hay được làm chủ, ra sao chăng nữa thì ta vẫn không tìm thấy cái gì có thể giải thích được sự nổi lên của cảm giác ý thức, cái có thể cấu thành một ý lực phát triển tư tưởng hay có thể bắt vật chất

vô tri nhất định phải tiến hóa như thế. Vậy tuyệt không phải trong hình thể của chính Vật Chất mà ở cái Lực hoạt động Vật Chất mà ta phải tìm kiếm nguồn gốc của Thức. Lực này phải, hoặc tự nó có ý thức, hoặc mang mầm mống ý thức cố hữu với bản thể nó và như vậy mang tiềm năng tính và thực sự mang tất hữu tính của việc nổi lên. Cái ý thức tù hãm này, dầu khởi nguyên thâu hút vào việc tạo hình thể đã, rồi những tương quan với phản ứng vật lý giữa những hình thể vật lý, mà vẫn phải chứa sẵn trong nó – hẳng là phải kìm giữ và dồn nén lâu dài, nhưng đã có từ đầu – một ý lực đạt giác ngộ tối chung về những tương quan này bằng cách sáng tạo những giá trị ý thức hay phàm thức tương ứng. Vậy Thức là điều tất hữu ẩn tàng mà tiềm thức chứa trong mình từ khởi thủy sự vật; đó là cái phải nổi lên ngay khi những sức hút và sức đẩy của Vật Chất bắt đầu thiết định; đó là cái bí mật dồn nén và nguyên nhân những phản ứng sinh hoạt trong kim loại, cỏ cây và động vật.

Nếu trái lại ta nói rằng Thức dưới hình thức bí mật và dồn nén ấy chưa nằm sẵn trong Vật Chất thì ta hãy giả thiết rằng nó có ngoài Vật Chất và bao quát Vật Chất hoặc vào trong nó. Ta phải giả thiết một bình diện hữu tồn của thức gây áp lực với bình diện vật lý và muốn làm chủ nó. Trong trường hợp này, thức thể ở nguyên thủy hẳn là một thực thể được kết thành bên ngoài vật giới; nhưng nó sửa soạn ở thế giới này những vật thể lần lần có khả năng

giả tăng để dung chứa và biểu thị Thức. Ta có thể tưởng tượng nó tạo thành, lọt vào và làm chủ xác thân, ùa vào ta, nếu người ta có thể nói được – như thần ngã *purusha* mà bộ Aitareya *Upanishad* nói rằng nó tạo thành xác thân, rồi nhập vào bằng cách phá vỡ một cái cửa ở Vật Chất. Theo quan niệm này, con người là một thức thể nhập sinh thể và khi nó tan rã thì bỏ mà giữ nguyên thức tính của mình.

Hai thuyết này thực không tương phản; người ta có thể coi chúng như những nguyên lý bổ túc cho nhau để thành một chân lý duy nhất. Sự nội bao của Thức, cuộc hữu tồn tiềm ẩn trong cái Lực vật chất của vũ trụ vật lý và trong mọi tác động quả là không loại trừ sự hữu tồn của một thức giới ở ngoài và ở trên vật giới. Thực ra thì sự nổi lên của cái thức tiềm ẩn này rất có thể được gây ra và chắc chắn được mau thành, vì sự hỗ trợ và áp thúc của những mãnh lực đến tự một cõi siêu vật lý, một bình diện hữu tồn của thức.

Bao giờ cũng có hai quan niệm hợp lý về vũ trụ. Cái này giả thiết khoa học cận đại rằng Vật Chất là khởi nguyên sự vật, và nghiên cứu tất cả như một tiến hóa tự Vật Chất, hay ít ra nếu người ta không nhận Vật Chất (như trong trường hợp triết học Số Luận) thì cũng tự một Lực hoạt động, bất định và vô thức, hay Tự Tính Prakriti, mà cả thức với lý trí nữa cũng chỉ là những biểu thị tác dụng – còn tuệ hồn, nếu có, cũng chỉ là một thực thể khác hẳn và bất hoạt động dầu có

ý thức. Quan niệm kia giả thiết rằng tuệ hồn, Purusha, cấu thành vật chất cũng như nguyên nhân vũ trụ, và Prakriti chỉ là Shakti của nó, hay Lực của tuệ thể tác dụng vào chính mình với tư cách là vật chất làm gốc cho mọi hình thể sáng hóa[1]. Quan niệm sau này là của chư *Áo Nghĩa Thư*. Hẳn là, nếu ta chỉ nghiên cứu vật giới mà bác bỏ như mộng huyễn hay ảo giác mọi chứng cứ về việc có những bình diện khác, nếu ta cũng gạt bỏ cả mọi chứng cứ về việc có trong thức những tác dụng vượt giới hạn vật chất, ta chỉ nghiên cứu thể thức thông thường về những tương quan của thức với Vật Chất, thì tất nhiên ta phải chấp nhận cái thuyết coi vật chất là nguồn gốc và cũng là bản địa cần thiết. Nếu không thì ra phải đến những kết luận của Vệ Đàn Đà xưa nhất.

Sao chăng nữa, cả trong giả thuyết về vật giới độc hữu, thì Con Người ở bản thể nhân loại của nó, cũng là một tâm thức ngụ trong xác thân và sử dụng sinh hoạt xác thân này- một tâm thức lớn hơn Vật Chất mà nó đã ngoi lên. Nó là biểu thị cao nhất của Ý Lực trong vũ trụ vật chất: Mãnh Lực đã dựng lên những thế giới - ở mực độ mà ta có thể phán đoán về ý định của Lực theo những tác động hữu hiện như ta nhìn thấy trên cõi trần ở thể thức hiện tại của chúng – đạt tới ở

(1) Thử đối chiếu *Aitareya Upanishad* chẳng hạn, cho ta hay Chân Ngã Atman dùng Thần Ngã Purusha như cái làm nền cho mọi tác động của Tự Tính.

đó chính cái điều mà Lực tìm cách biểu thị. Lực làm xuất hiện nguyên lý tiềm ẩn của Thức bây giờ tác dụng ý thức và sáng suốt vào sinh hoạt xác thân. Ngay từ khởi đầu mọi sự nghiệp, Tự Tính mang trong mình một cái tất hữu bí ẩn, mà con người là trọn vẹn; trên hành tinh này nó là cái *Thượng Ngôn* hay *Mãnh Lực* cao nhất có thể hữu tồn; nó là thần linh cõi trần thực hiện.

Nhưng mọi điều này chỉ đúng khi nào ta chấp nhận rằng với những hoạt động trần gian của Tự Tính, Thức là thể thức tối chung. Thực ra, nếu ta nghiên cứu sâu xa hơn về những hiện tượng ý thức sự thức của thức tính, khuynh hướng, khát vọng và cái thiết yếu bí ẩn của bản chất con người thì ta thấy rằng con người không phải là chung cục cao nhất. Nó là cái cao nhất đáng thực hiện nơi đây và thời đại ta; nó không phải là cái dưới nó, thì cũng có cái ở trên nó dầu chỉ là một khả năng tính. Thực đúng như Tự Tính vật lý ẩn chứa một bí mật vượt mình mà nó đã giải phóng khi tạo ra người, thì người cũng ẩn chứa một bí mật vượt mình mà đến lượt hắn phải giải phóng ra ngoài ánh sáng. Thiên chức hắn là thế.

Cần phải như vậy thì thức nữa cũng chẳng là nguyên lý tối sơ của sự vật và bởi thế không là khả năng tính cuối cùng. Cũng như Vật Chất chứa Sinh Hoạt trong mình, chứ nó như tất hữu tính bí mật của chính mình và phải sản nó ra và cũng như Sinh Hoạt chứa thức trong mình, chứ nó như tất hữu tính bí mật của chính mình và phải sản cái cưu mang, thì Thức cũng chứa trong

mình cái vượt mình và cũng lại cố gắng cho xong cái cảnh sinh đẻ tối cao này.

Lẽ nào ngăn ta không được giả thiết rằng Thực là sinh đẻ cuối cùng của Tự Tính, bắt ta phải cầu đến một cái vượt nó mà chính nó là dấu hiệu? Xét bản chất và sự vận dụng của thức tính là ta tìm được lời giải đáp. Thực vậy, thức tính gồm có ba yếu tố chính: tư tưởng, ý lực, cảm giác. Người ta có thể tả cảm giác như một tính toan của ý thức cách biệt để chiếm lấy đối tượng và vui hưởng, tư tưởng như tính toan chiếm lấy chân lý của đối tượng và làm chủ, ý lực như tính toan chiếm lấy tiềm năng tính của đối tượng và sử dụng. Ít ra ba thứ này cũng là tính toan này ở bản thể, bản năng và ý hướng tiềm thức. Nhưng hiển nhiên là tính toan này bất thành ở điều kiện và sự thành công; ngay những điều kiện của nó cũng chỉ vạch một giới hạn, một cái vực, một bất lực. Cũng như Sinh Hoạt bị giới hạn và ngăn ngại vì những điều kiện của cuộc tổng hợp với Vật Chất, thì thức bị giới hạn và ngăn ngại vì những điều kiện của cuộc tổng hợp với Sinh Hoạt trong Vật Chất. Vật Chất cũng như Sinh Hoạt đều không tìm thấy ở thể thức của chính mình cái có thể giúp để vượt qua hay đủ gạt đi những giới hạn. Cái nào cũng phải đưa vào một nguyên lý mới, Vật Chất bản nhiên phải cần đến Sinh Hoạt; Sinh Hoạt bản nhiên phải cần đến Thức. Cả Thức nữa cũng chẳng tìm thấy gì, ở thể thức của chính mình vượt qua nổi hay đủ gạt đi những giới hạn cho cuộc vận dụng, Thức cũng phải đưa

vào một nguyên lý mới ở ngoài nó, tự do hơn nó và mạnh mẽ hơn.

Nói cách khác, Thức không khai thác được hết những khả năng của tính của ý thức và như vậy không thể là biểu thị cuối cùng và cao nhất cho nó. Thức thử toan đạt Chân Lý mà chỉ mới chạm sơ sơ qua một tấm màn che; phải có trong bản tính sự vật một năng lực hay nguyên lý nhìn Chân Lý không ẩn che, một năng lực nhận thức vĩnh cửu tương ứng với sự thực vĩnh cửu của Chân Lý. Một nguyên lý như vậy, Vệ Đà bảo rằng có; đó là Ý Thức – Chân Lý trực kiến chân lý, tự nhiên sở đắc Chân Lý. Thức cố gắng làm tròn ở mình cái ý lực hiện hành mà chỉ làm được phần nào, với nỗi khó khăn và bấp bênh, cái tiềm năng tính mà nó chuyên chú: phải có một khả năng hay nguyên lý mãnh lực hữu hiệu ý thức tương ứng trong Tự Nhiên với nguyên lý tự động vô thức thành tựu bản thân, và nguyên lý này phải tìm trong hình thái ý thức vượt Thức. Nói rút lại, Thức khao khát nắm lấy cái phẩm tính căn bản tạo hoan lạc, cái *rasa*, nhựa sống, của sự vật, và hưởng dụng, nhưng chỉ có thể gián tiếp đạt tới, cầm không trọn, chỉ hưởng dụng bề ngoài và từng mảnh, phải có một nguyên lý có thể đạt trực tiếp, nhắm đúng, hưởng dụng thâm mật và chắc chắn. Vệ Đà bảo có một Ý Thức – Cực Lạc đời đời tương ứng với rasa vĩnh cửu (hay phẩm tính căn bản tạo hoan lạc) cho mọi kinh nghiệm và không bị giới hạn

vì những phồng đạc bấp bênh của những quan năng trong Thức.

Vậy nếu có một nguyên lý ý thức ấy, sâu xa hơn, thì chính là nó, chứ không phải thức, nó là ý hướng nguyên thủy và căn bản ẩn trong Tự Nhiên và thế nào cũng có ngày nổi lên ở đâu đó. Nhưng liệu có lý nào để giả thiết nó phải nổi lên ở đây và trong Thức, cũng như Thức đã nổi lên ở Sinh Hoạt và Sinh Hoạt ở Vật Chất? Ta trả lời bằng khẳng định bởi Thức có trong nó, dầu u uẩn đến đâu chăng nữa, khuynh hướng này, khát vọng này và ở căn để, cái tất hữu này. Có một định luật duy nhất, từ chỗ thấp nhất lên cao nhất. Vật Chất, nếu ta xét gần hơn thì thấy thấm nhuần bản thể của Sinh Hoạt – những chấn động, tác dụng và phản ứng, sức ép và sức đẩy, co thắt và khuếch trương, khuynh hướng phối hợp với nhau, kết thành và nảy nở, là bản thể của Sinh Hoạt; nhưng nguyên lý Sinh Hoạt rõ ràng chỉ có thể nổi lên khi đã sửa soạn xong những điều kiện vật chất cần thiết cho nó kết thành trong Vật Chất. Sinh Hoạt cũng thấm nhuần như vậy bản thể của Thức nên dồi dào một cảm giác tính[1] nhưng nguyên lý rõ ràng của Thức chỉ có thể nổi lên khi đã sửa soạn xong những điều kiện sinh hoạt cần thiết cho nó kết thành trong Vật Chất sống. Thức cũng thấm nhuần bản thể Siêu Thức – những thông cảm,

---

[1] Tôi dùng thuật ngữ của nhà duy vật Haeckel dầu hình thức có vẻ nghịch lý.

những duy nhất, trực giác, tri thức sẵn có nổi lên, những khả năng trợ tạo cố hữu với ý lực và giả dạng dưới một sắc tướng phàm thức; những nguyên lý rõ ràng của siêu thức chỉ có thể nổi lên khi sửa soạn xong những điều kiện phàm thức cần thiết cho nó kết thành ở người, giống loài phàm thức sinh hoạt.

Cuộc sửa soạn cần thiết này diễn ra trong cuộc phát triển con người cũng như những sửa soạn tương ứng phát triển trong những giai đoạn dưới của tiến hóa – với những cái tiệm tiến, chậm trễ, không đều như nhau – nhưng sáng suốt hơn, mỗi lúc một ý thức về mình, mỗi lúc một chắc chắn có ý thức hơn. Mà ngay cái việc sự tiến bộ này đỡ phải cẩn thận ở chi tiết, đỡ phải lo lắm lỡ, đỡ phải bảo thủ đối với giai đoạn đã đạt, cũng đã cho ta hi vọng và hầu như chắc chắn rằng khi nguyên lý mới nổi lên thì không phải vì tạo ra một loại mới và khác hẳn để nhân loại đối với nó như giống vật đối với người, mà đưa toàn thể nhân loại đến một trình độ cao đẳng. Bởi người, kẻ đứng đầu những đứa con của Tự Nhiên, đã tỏ khả năng tự biến đổi bằng nỗ lực chính mình với khát vọng ý thức tự vượt mình.

Những nhận xét này biện chính trước lẽ phải cho ý niệm về một Huyền Thức siêu việt phàm thức ta, nhưng chỉ một cuộc tiến hóa chung cục khởi từ Vật Chất. Tuy nhiên, *Áo Nghĩa Thư* cũng tán tụng là đấng sáng hóa và chi phối, đã có rồi, của phàm thức; nó đối với Vật Chất là một

nguyên lý bí ẩn đã ý thức chứ không phải chỉ bao hàm vô thức ngay trong bản thể sự vật. Vả lại cũng là một kết luận tự nhiên – dầu chẳng để kinh nghiệm tâm linh nữa – khi đã được biết bản tính của nguyên lý siêu thức. Bởi ở tột đỉnh nó là tri thức, ý lực, phúc lạc và hữu thể ý thức – dầu ta không có ý thức về nó – và nó là nguồn gốc vũ trụ, chứ không phải đời đời vô thức và trở nên ý thức trong Thời Gian chẳng qua như kết quả của vũ trụ. Cái việc mà ta không ý thức về nó chẳng phải là một chứng cứ rằng nó bất thức về ta; mà chính nỗi bất lực của ta lại là cái lẽ xác đáng duy nhất về việc ta phải nhận một Huyền Thức đời đời ở bên kia phàm thức, siêu việt mọi sáng hóa của nó, và phát sinh hoàn vũ.

Mọi lẽ để bác minh triết cổ thời này đã tiêu diệt hay đương tiêu diệt trước ánh sáng gia tăng của kiến thức cận đại.

VII

Như thế ta đến chỗ khẳng định một nguyên lý toàn tri ở trên phàm thức và vượt nó ở bản tính, ở tầm mức, ở khả năng. *Ảo Nghĩa Thư* quả là có khẳng định như kết quả trực giác và kinh nghiệm tâm linh, một Huyền Thức vượt phàm thức, và sự hữu tồn của nó cũng là kết luận tất hữu do những sự trạng tiến hóa hoàn vũ. Vậy cái Huyền Thức vượt phàm thức là gì? Nó vận chuyển ra sao? Bằng những cách nào hiểu biết được nó, bằng những cách nào làm chủ nó?

Về nguyên lý nhận thức tối cao này, *Áo Nghĩa Thư* khẳng định, một là nó ở ngoài tầm phàm thức và những quan năng; hai là chính nó không nghĩ bằng phàm thức; ba là nó là cái mà chính phàm thức nhờ thế được quán tưởng và thành thức; bốn là no chính là bản tính của Ý Thức Phạm Thể.

Tuy nhiên, khi ta nói "Huyền Thức của phàm thức" là bản tính của Ý Thức Phạm Thể thì ta không được quên rằng Phạm Thể tuyệt đối bản nhiên bất khả tri và như vậy ở ngoài mọi miêu tả. Nếu nó bất khả tri, thì chẳng phải vì nó là một trống không, không thể miêu tả gì khác với hư vô, cũng chẳng phải vì tích cực ở hữu tồn nhưng lại không có nội dung với phẩm tính, mà chính vì siêu việt mọi cái mà nhận thức ta có thể quan niệm và bởi vì những phương pháp tạo tưởng và biểu thị thích hợp với phàm thức ta không khớp(1) với nó. Đó là cái tuyệt đối của mọi vật mà ta biết, tuy nhiên không vật nào cũng như không một tổng số nào của vật có thể biểu diễn đủ hay phơi bày nổi bản thể thâm yếu của nó. Bởi trạng thái của nó khác với cái mà ta gọi là hữu tồn; sự duy nhất của nó không làm sao phân tích nổi, những vô cực tạp đa của nó vượt mọi tổng hợp. Bởi thế cho nên không phải ở yếu tính tuyệt đối mà no được miêu tả như Huyền Thức của phàm thức, nhưng ở tính chất căn bản với hữu tồn phàm thức

(1) rắp

của ta. Ý Thức Phạm Thể là cái nhìn vĩnh cửu của Tuyệt Đối về phía tương đối.

Nhưng ngay về quan niệm này thì ta cũng có thể nói rằng nó ngoài tầm mức phàm thức, ngôn ngữ và quan năng. Mà phàm thức, ngôn ngữ với những quan năng hình như là những phương tiện độc nhất mà ta sử dụng để đạt tới và biểu thị tri thức. Thế thì liệu ta có phải hỏi rằng Ý Thức Phạm Thể này cũng bất khả tri và ta không có thể ở xác thân này, hi vọng gì hiểu nó và sở hữu? Ấy thế ma *Áo Nghĩa Thư* truyền ta phải hiểu Phạm Thể này và lấy hiểu biết mà sở hữu nó – bởi hiểu biết gọi bằng những tiếng *viddhi, avedit,* là một hiểu biết khám phá và sở hữu nó và sách lại nói tiếp rằng ngay nơi đây, trong xác thân này và trên cõi trần này, ta phải sở hữu Phạm Thể ở hiểu biết, nếu không thì tiêu vong thực lớn. Người ta đã đưa nhiều điều lầm lẫn vào việc giải thích *Áo Nghĩa Thư* này bằng cách bàn đến quá dứt khoát những phân biệt tế nhị của Phạm Thể. Vậy ta phải thử quan sát đúng cái điều *Áo Nghĩa Thư* nói và đặc biệt nắm vững đường hướng toan thể bằng một trực giác tổng hợp là cắt xén lấy nghĩa để đạt dưới thức tính luận lý của ta.

Áo Nghĩa Thư bắt đầu bằng nói rằng đấng Chi Phối phàm thức, quan năng, ngôn ngữ và sinh hoạt là Huyền Thức của phàm thức ta, Nguồn Sinh của sinh hoạt ta, Quan Năng của mọi quan năng ta, Thượng Ngôn của lời ta, sách lại giải

thích cái điều sách muốn nói với những định thức linh diệu này. Nhưng sách đưa vào giữa miêu tả với giải thích, lời cáo trước rằng cả lời tả với lời giải đều không được thúc ra quá mức đúng cũng như không được coi như khác với những trụ chỉ đường cho ta tới đích. Cả Huyền Thức lẫn Thượng Ngôn với cái Quan Năng quả là không thể du hành tới Phạm Thể; vậy Phạm Thể là cái siêu việt mọi thứ này ở tự tính, nếu không sẽ bị chúng thấu đạt với cơ năng chúng. Ngay cái lúc truyền dạy về Phạm Thể, mà *Áo Nghĩa Thư* còn khẳng định: "Ta không biết được và không thể phân biện thế nào để dạy về nó"[1]. Lý do sự bất lực hoàn toàn này được đưa ra liền ngay: "bởi nó không phải được biết mà lại ở trên cái không được biết", vì nó sở hữu và có thể coi như chi phối. Cái được biết là mọi điều ta nhận thấy và sở hữu bằng thức tính hiện tại của ta; là mọi cái hữu tồn, chẳng phải Phạm Thể đối với những quan năng và nhận thức lực của phàm thức ta. Cái không được biết không phải là không thể biết nếu ta có thể mở rộng những năng lực ta hay đạt tới những năng lực mà ta chưa có.

Tuy nhiên lời lẽ tiếp theo của *Áo Nghĩa Thư* xác nhận và giải thích điều miêu tả thứ nhất và

---

[1] Hai tiếng Phạn dùng ở đây, *vidmah* và *vijânîmah*, như muốn bảo, cái thì một cuộc làm chủ toàn thể, bằng tri thức; cái thì một quán triệt trong toàn thể và chi tiết, bằng tổng hợp và phân tích.

truyền cho ta hãy hiểu biết Phạm Thể tả như vậy. Mâu thuẫn này không giải quyết ngay; mà chỉ ở chương hai sự khó khăn mới giải, và ở chương tư mới vạch những phương tiện nhận thức. Mâu thuẫn này phát sinh tự bản tính của nhận thức là một đối chiếu giữa ý thức tìm tòi và ý thức được tìm tòi; khi đối chiếu này mất thì nhận thức thành đồng nhất thuần túy. Trong cái mà ta gọi là hữu tồn thì nhận thức cao nhất không thể là gì hơn sự đối chiếu cao nhất cái tìm tòi với cái được tìm tòi và nó cốt tại một sự đồng nhất biến tướng mà qua đó ta có thể vượt nhận thức tới đồng nhất tuyệt đối. Sự phân biệt siêu hình này đáng kể bởi nó làm ta không nhận lầm là tuyệt đối mọi đối chiếu trong nhận thức, và khỏi bị kinh nghiệm của chính mình ràng buộc đến nỗi mất hay không biết đến ý thức căn bản về tuyệt đối vượt qua ngoài mọi diễn tả và ở đằng sau mọi kinh nghiệm biểu minh được. Nhưng nó không làm cho thành vô dụng và vô giá trị sự đối chiếu cao nhất trong nhận thức, sự đồng nhất biến tướng trong kinh nghiệm. Mà trái lại chính đó là điều mà ta phải mưu cầu coi như là đã thành tựu cuộc đời ta ở cõi trần này. Bởi nếu ta làm chủ sự đồng nhất biến tướng này, không bị nó giới hạn – mà nếu ta bị nó giới hạn, ta không thực sự làm chủ - thì ở nó và bởi nó, ngay khi còn trong thân xác này, ta cũng được ở tình trạng tiếp xúc với Tuyệt Đối. Phương tiện đạt tới nhận thức tối cao này là thường hằng sửa soạn phàm

thức bằng cách đưa vào nó một hoạt động cao hơn hoạt động của nó, cho tới khi nó có thể biến mình cho hoạt động siêu thức vượt nó mà rốt cục sẽ thay thế. Thực ra, cả phàm thức cũng đi theo định luật tiến triển tự nhiên đã chi phối cuộc tiến hóa của ta ở thế gian nay – vật chất thành sinh hoạt, sinh hoạt thành phàm thức. Quả vậy, thực đúng như ý thức sinh hoạt vượt ra ngoài hữu thể vật chất bị tù hãm và không thể đạt tới những khí cụ sử dụng, thì ý thức siêu thức này cũng vượt ra ngoài bản tính bị phân chia và phân chia của phàm thức và làm cho nó không thể đạt với những phương tiện sử dụng. Nhưng, thực đúng như Vật Chất được Thường Hằng sửa soạn cho cuộc biểu thị của Sinh Hoạt cho tới khi Sinh Hoạt có thể chuyển trong nó, làm chủ nó, tác dụng và phản ứng của nó theo cách riêng; thực đúng như Sinh Hoạt được Thường Hằng sửa soạn cho cuộc biểu thị của Phàm Thức cho tới khi Phàm Thức có thể sử dụng, soi sáng cho những tác dụng và phản ứng của nó bằng những giá trị của phàm thức mỗi lúc một cao thì tất nhiên cũng thế vậy với Phàm Thức và cái vượt ra ngoài Phàm Thức.

Và tất cả sự tiến triển này có thể được là bởi những thứ này chỉ là những tạo tác khác nhau của một bản thể và một ý thức duy nhất. Sinh Hoạt chỉ khai thị ở Vật Chất cái đã "nội bao" ở vật chất, cái là mật nghĩa và yếu tính của Vật Chất. Nó khai thị, có thể nói như vậy, cho hữu tồn vật chất chính linh hồn của nó, cứu cánh nó.

Phàm Thức cũng khai thị như thế ở Sinh Hoạt tất cả ý nghĩa của Sinh Hoạt, tất cả cái nó u uẩn ở yếu tính mà không thể thực hiện được vì bị cuốn hút vào tác động thực tiễn của chính nó và sắc tướng tiêu biểu của chính nó. Siêu Thức cũng phải can thiệp theo tác động thực tiễn chính nó với sắc tướng tiêu biểu của nó và làm cho thức thể có thể thực hiện cái bí ẩn ở tất cả hoạt động và vận chuyển sắc tướng của nó. Cứ như thế mà con người sẽ đạt nhận thức về đấng ngự trị trong mình, ra mệnh lệnh cho phàm thức nhằm đích, phát ra lời, đưa đẩy hình thể sinh hoạt trên đường và vạch nhiệm vụ cho mọi quan năng...

Nguyên lý nhận thức tối cao này không nghĩ bằng phàm thức. Phàm thức đối với nó là một tác động hạ đẳng và phụ thuộc chứ không thực là hình thái của nó. Bởi Phàm Thức căn cứ vào hạn định và phân chia chỉ có thể tác dụng từ một trung tâm được biết trong hữu tồn hạ đẳng và tối tăm; nhưng Siêu Thức được căn cứ trên sự duy nhất và bao gồm, thấu suốt; tác dụng của nó là ở phổ quát và thông đồng ý thức với một nguồn vĩnh cửu siêu việt vượt ra ngoài những sắc tướng vũ trụ. Siêu Thức nhìn cá thể trong phổ quát và không bắt đầu bằng cá thể cũng như làm cho nó thành một vật tách biệt. Nó khởi từ Siêu Việt và nhìn phổ quát với cá thể đúng thực tướng của chúng đối với Siêu Việt, như những phân hạng, như những thể thức của cái này; nó không thể tự cá thể và phổ quát tới Siêu Việt. Phàm thức thấu

hoạch nhận thức và làm chủ nó; nó đạt chúng vì một công trình thức hóa bền bỉ: Siêu Thức sở hữu nhận thức và làm chủ; sở hữu chúng, Siêu Thức tự phóng quang tự do thành những sự muốn khác nhau và nhận thức lực khác nhau. Phàm Thức đi dò dẫm bằng cảm giác phân chia; nó đạt một thứ duy nhất bằng phương tiện thông cảm: Siêu Thức sở hữu bằng một quan năng tự do và hoàn triệt; nó sống trong duy nhất này mà mọi yêu thương và thông cảm chỉ là một cuộc vận dụng biểu thị phụ thuộc. Siêu Thức khởi tự toàn thể và nhìn những bộ phận với những đặc tính ở đó, nó không xây dựng nhận thức toàn thể bằng một nhận thức gia tăng những bộ phận với những đặc tính; mà ngay đến toàn thể đối với nó cũng chỉ là một sự duy nhất do cộng hợp, một phần hạng hạ đẳng của sự duy nhất cao nhất ở bản thể vô cực.

Vậy ta thấy rằng hai nguyên lý nhận thức này khởi tự hai cực đối lập và tác dụng ở những đường hướng đối lập với những phương pháp đối lập. Tuy nhiên chính bởi cái trên mà cái dưới được tạo thành và điều khiển. Phàm Thức được quán bởi cái siêu việt phàm thức; ý thức phàm thức hóa đào luyện và hướng dẫn tác động của nó theo tri thức và sức thúc đẩy nhận được tự Siêu Thức cao hơn này, và ngay cái bản thể cấu tạo nó cũng thuộc về nguyên lý này. Có thức tính bởi vì cái vượt ra ngoài phàm thức đã tự nơi mình sinh ra một tác dụng nghịch chiều dựa trên sự tập trung vào những điểm khác nhau trong tự

thể và ở những sắc tướng khác nhau của tự thể. Siêu Thức ấn định những điểm này, xem ý thức, khi khởi tự chúng, phải tác dụng như thế nào vào những sắc tướng khác của chính mình và khi tuân theo áp lực của những sắc tướng khác này, vừa lúc đã cho biết một định luật hay nhịp tiết đặc biệt của tác dụng hoàn vũ; nó điều khiển toàn bộ tác dụng của thức theo cách ấn định như thế, và nó xem. Ngay đến vô minh của ta cũng chỉ là tác dụng biến tướng của một chân lý phóng ra tự Siêu Thức và chỉ hữu tồn như biến tướng; cả mọi đối tính của ta về nhận thức, cảm giác, cảm xúc, năng lực cũng đã xuất từ thị lực cao siêu ấy, tuân theo nó và là một tác dụng chuyển hóa và, có thể nói được rằng suy hóa của chính Siêu Thức, của Siêu Thức bí ẩn bao giờ cũng điều khiển tác dụng hạ đẳng hòa điệu với quan niệm đầu của nó về một ý thức bị hạn định, thực sự bị phân chia và bởi vậy không làm chủ được thế giới của mình cũng như bản thân, nhưng dò dẫm tìm đến cuộc làm chủ sự duy nhất đó mà nhờ Siêu Thức nơi nó, ta hiểu bằng linh tính tuy lờ mờ rằng chính là bản tính và quyền năng của nó.

Nhưng chính vì lẽ đó mà khát vọng với thử toan thâu hoạch chỉ có thể thành công được chừng nào con người phàm thức bỏ thức tính tiêu biểu của nó với những giới hạn thức tính đó để vượt lên khỏi nó tới Huyền Thức của phàm thức và nguồn gốc và nguyên lý bí mật chi phối nó. Thức tính nó phải chấp nhận siêu thức tính cũng

như Sinh Hoạt đã chấp nhận phàm thức. Khi nó còn sùng bái, mưu cầu, ôm ấp mọi cái này mà nó đang chấp nhận như đối tượng để theo đuổi, phàm thức với những mục đích của nó, những phương pháp đầu Ngộ mình Sở, những xây dựng do ý lực và quan niệm với cảm giác căn cứ trên ngã chấp, phân chia và vô minh thì nó không thể vượt cái chết này đến bất tử mà *Áo Nghĩa Thư* hứa hẹn cho kẻ tìm tòi. Chính Phạm Thể là cái ta hiểu biết và mưu cầu, chứ không phải cái này mà phàm nhân sùng bái và mưu cầu.

VIII

Áo Nghĩa Thư không vừa lòng với định nghĩa Ý Thức Phạm Thể như Huyền Thức của phàm thức. Đã miêu tả nó như Thượng ngôn của lời, sách cũng tỏ nó như Mắt của mắt, Tai của tai. Chẳng phải là một nhận thức lực tuyệt đối sau vận dụng của biểu thị không thôi, mà còn là một Quan Năng tuyệt đối sau tác dụng mọi giác quan. Mỗi phần của bản thể ta tìm thấy sự trọn vẹn ở cái vượt ra ngoài những sắc tướng hiện hành của cuộc vận động của nó chứ không ở ngay những sắc tướng ấy.

Quan niệm này về ý thức tối cao chi phối tất cả không phù hợp với những thuyết thông thường của ta về quan năng, phàm thức và Phạm Thể. Ta chỉ biết về những quan năng một tác dụng những cơ quan mà qua đó phàm thức ở trong một xác thân thông giao với Vật Chất bên ngoài – những cơ quan đã phát triển riêng rẽ trong cuộc tiến

hóa, vậy quan năng không phải là những vật cơ bản, mà chỉ là những tiện ích phụ thuộc và khí cụ nhất thời cho phàm thức nhập thể. Ta quan niệm Phạm Thể thực trái lại bằng cách loại đi mọi cái không cơ bản, loại cả phàm thức nữa là khác. Đó là một thư số không dương, một X hay bất khả tri không tương ứng với bất cứ phương trình khả hữu nào về những lượng vật lý hay tâm lý. Ở căn bản, có thể đúng; nhưng bây giờ ta xét chẳng phải cái Bất Khả Tri, nhưng mà những biểu thị cao nhất của nó trong ý thức; và đó là cái mà ta đã tả như cái nhìn Tuyệt Đối vào tương đối, như cái làm nguyên nhân và mãnh lực chỉ huy tất cả thực trạng của ta, ta với vũ trụ. Ngay đấy, ở nguyên nhân chi phối này, cũng có một cái bản yếu và tối cao mà mọi hoạt động cơ bản của ta ở cõi trần này chỉ là một sự diễn tả theo một ý thức nhập thể.

Những quan năng quả là không mà cũng chẳng có vẻ như cơ bản; chỉ là khí cụ của phàm thức sử dụng thần kinh hệ. Lại cũng chẳng là một cơ năng thuần thức nữa, mà chính là một cơ năng tùy thuộc những luồng Sinh Lực, điện năng chấn động từ đầu này đến đầu kia thần kinh, đến nỗi trong chư *Áo Nghĩa Thư* những quan năng được gọi là *pranas*, những mãnh lực hay cơ năng của Sinh Lực. Hẳn là phàm thức biến những ấn tượng thần kinh này thành những giá trị phàm thức khi chúng được truyền đến, nhưng chính tác dụng quan năng hình như

thuộc thần kinh hơn là phàm thức. Dù sao mặc lòng thì thoạt xét cũng thấy không lí do nào để gán một Quan Năng của mọi quan năng cho cái không nhập thể, cho một ý thức siêu việt không cần gì đến một khí cụ như vậy.

Nhưng không phải lời nói cuối cùng về những quan năng; chỉ là cái vẻ bề ngoài mà ta phải quán triệt. Vậy, không phải ở vận dụng mà ở bản thể, thì cái ta gọi là quan năng chính là gì? Ở vận dụng của nó, nếu ta thúc đẩy đến cùng sự phân tích thì chính là sự tiếp xúc của phàm thức đối với một phóng chất xuất chất[1] dầu là một ám chấn, ảnh tượng sáng của một hình thể, một luồng vi tỉ bốc tự đất gây một khứu giác, một ấn tượng về *rasa* (nhựa) gây một vị giác, mà cũng cả cái cảm giác trực tiếp về nhiễu loạn ở bản thể thần kinh mà ta gọi là xúc giác. Hẳn sự tiếp xúc với vật chất là nguyên nhân đầu của những cảm giác này; nhưng cái động nhiễm trực tiếp phàm thức, thì chỉ là cái phóng xuất chất tỷ dụ như ảnh hưởng của hình thể đập vào thị giác ta. Bởi phàm thức tác dụng vào vật chất không trực tiếp nhưng qua sinh lực, vốn là năng lực thần kinh ở ta chứ không phải một cái thuộc vật chất, chỉ có

---

[1] *Simulacre*: chữ này không thể dịch sát mà chỉ dịch ý vì ngay những học giả Pháp khi nhắc đến khái niệm này của cổ triết Hi Lạp cũng thường ghi cả Hi tự vào vì nó không có mọi nghĩa thường của chữ *simulacre*. Về điểm này Hi triết gặp Ấn triết nên S.A. dùng như khái niệm chung tuy Ấn có tiếng chính xác là *tanmâtra*, tế chất (T.T.G).

thể lĩnh hội vật chất qua những ấn tượng thần kinh hình thể, qua những ảnh tượng "tiếp xúc", nếu có thể nói được như vậy, tạo ra những giá trị tương ứng ở ý thức – năng lực gọi là *prâna* trong chư Áo Nghĩa Thư. Phàm Thức nắm lấy những ấn tượng này và đáp lại bằng một giá trị phàm thức tương ứng, những ấn tượng – hình-thể phàm thức tương ứng, khéo đến nỗi đối tượng do quan năng tri giác đến với ta sau quá trình diễn tả ba tầng: thoạt tiên phóng xuất chất, thứ đến ảnh tưởng thần kinh hay ảnh tượng năng lực, sau rốt là ảnh tượng phóng lại trong thức thể.

Quá trình phức tạp này chớp nhoáng nên ta không nhận thấy – chớp nhoáng trong những ấn tượng thời gian của ta, bởi theo một cách ghi nhận khác về thời gian ở một sinh linh được cấu tạo một cách khác thì mỗi phần của cuộc tác dụng lại có thể phân biệt rõ ràng. Nhưng bao giờ cũng có sự diễn tả ba tầng bởi thực ra ở ta có ba lớp ý thức: vật thức, *annakosha*, nơi thâu nhận và cấu tạo sự tiếp xúc và ảnh tượng của vật lý; sinh thức hay thần kinh thức, *prânakosha*, nơi có tiếp xúc thần kinh, cấu tạo thần kinh; phàm thức, cấu tạo một ảnh tượng phàm thức. Ta tập trung vào cái lớp phàm thức, nên kinh nghiệm về vật giới phải lọt qua hai lớp kia trước khi có thể tới ta.

Vậy căn bản giác quan là tiếp xúc, và tiếp xúc chính yếu là tiếp xúc phàm thức, không có nó là không có giác quan. Tỷ dụ như cái cây cảm giác bằng thần kinh, cảm giác theo năng lực sinh

hoạt, đúng như một thần kinh hệ con người, và cũng có những phản ứng đúng như vậy; nhưng chỉ khi nào cái cây có một phàm thức thô sơ thì ta mới giả thiết được là nó có thể có những ấn tượng và phản ứng thần kinh hoặc sinh hoạt ấy. Bởi trong trường hợp này, nó cảm giác chẳng những bằng thần kinh mà còn trên bình diện phàm thức. Vậy người ta có thể tả tác dụng giác quan ở yếu tính như tiếp xúc phàm thức với một đối tượng và phóng lại ảnh tượng ở phàm thức.

Mọi thứ này ta quan sát và suy luận theo quan niệm tâm trí nhập thể trong Vật Chất; bởi những lớp bao hay *koshas* này đều là những cái cấu thành tự một bản thể mỗi lúc một vi tế có căn bản là Vật Chất thô sơ. Thử tưởng tượng có một thức giới ma căn bản là thức chứ không phải vật, thì những quan năng có tác dụng khác hẳn. Chúng cảm giác một cách tâm thức một ảnh tượng trong thức và phóng ra thành một hình thức bản thể mỗi lúc một vật chất; và mọi cái có thể đã có tự những tạo tác vật lý ở một thế giới như vậy hẳn là đáp ứng phàm thức mau lẹ và tuân theo những dẫn khởi biến hóa. Thức ắt là chủ tể, sáng hóa, phát sinh chứ không như ở ta, hoặc phải tuân theo vật chất và hạn trong việc mô phỏng nó, hoặc còn phải vật lộn với no và hết sức vất vả mới biến đổi được vật chất tiền định cứ trơ trơ đối với cuộc tiếp xúc. Tuy nhiên vẫn còn những quan năng bởi sự tiếp xúc trong ý thức phàm thức, và việc cấu tạo những ảnh tượng còn là thành phần của cái pháp hữu tồn.

Thực ra, phàm thức hay ý thức hoạt động nói chung có bốn cơ năng thiết yếu không thể thiếu được dầu nó tác dụng nơi nào và bằng cách nào chăng nữa – bốn cơ năng mà chư *Áo Nghĩa Thư* gọi bằng những danh từ *vijnâna, prajnâna, sanjnâna, âjnâna*. Vijnâna là ý thức nguyên thủy quán triệt bao hàm ảnh tượng, sự vật ở bản thể, toàn thể, các phần với các đặc tính; đó là thị lực nguyên thủy, tự nhiên, chân thực và đầy đủ chính thuộc về siêu thức mà phàm thức chỉ là một vang bóng trong những tác dụng cao nhất của trí năng quán triệt. Prajnâna là ý thức bao hàm ảnh hưởng sự vật như một đối tượng phải giao tiếp, phải sở hữu bằng sức lĩnh hội và nhận thức phân tích và tổng hợp. Sanjnâna là tiếp xúc của ý thức với ảnh tượng sự vật, tiếp xúc làm cho sở hữu bằng giác quan ảnh tượng ấy ở bản thể của nó; nếu prajnâna có thể coi như ý thức lĩnh hội hướng ra ngoài để sở hữu đối tượng trong năng lực ý thức, để hiểu nó thì sanjnâna có thể coi như động tác hướng vào trong của ý thức lĩnh hội keo đối tượng đặt trước mình lại mình để sở hữu nó ở bản thể ý thức, để cảm giác nó. Âjnâna là tác dụng mà ý thức chiêm niệm ảnh tượng sự vật để chế ngự và sở hữu trong tiềm thể. Vậy bốn tác dụng này là căn bản mọi hoạt động ý thức.

Đã được biết cơ cấu tâm lý nhân loại thì ta bắt đầu bằng sanjnâna, tri giác một đối tượng ở ảnh tượng của nó; rồi đến lĩnh hội đối tượng trong nhận thức; thứ nữa là ta thử đạt lý giải đối tượng trong tiềm thể. Còn có ở ta, trong bản thể tiềm

thức và bản thể siêu thức những tác dụng bí ẩn đi trước hoạt động này nhưng ta không có ý thức ở bản thể nông cạn của ta nên nó không có đối với ta. Nếu ta mà biết được thì cả then máy ý thức ta hẳn biến đổi.

Sự thực cái xảy ra là một quá trình mau lẹ mà ta dùng những quan năng bắt lấy một ảnh tượng và có về nó một tri giác và một quan niệm cầm giữ và một quá trình chậm hơn của trí năng mà ta gắng hiểu ảnh tượng và sở hữu. Quá trình thứ nhất là tác dụng tự nhiên của phàm thức hoàn toàn phát triển nơi ta; cái thứ hai là một tác dụng hậu thiên, một tác dụng của trí năng và ý lực thông tuệ biểu thị trong phàm thức cho một nỗ lực của thức thể để làm cái chỉ có thể làm một cách thành thạo và tự nhiên hoàn toàn do một cái cao hơn phàm thức. Trí năng với ý lực thông tuệ tạo thành một cái cầu để thức thể thử nối kết ý thức với siêu thức và sửa soạn cho linh hồn nhập thể đón nhận một tác dụng siêu thức giáng xuống. Bởi thế cho nên quá trình thứ nhất dễ dàng, tự nhiên, mau lẹ, hoàn toàn; cái thứ hai chậm chạp, vất vả, bất toàn. Chừng nào mà một tác dụng siêu thức thô sơ kết hợp với tác dụng trí năng và làm chủ nó – và đó là cái tạo hiện tượng thiên tài – thì quá trình thứ hai cũng trở nên mỗi lúc một dễ dàng, tự nhiên, mau lẹ và hoàn toàn.

Nếu ta giả thiết một ý thức tối cao, chủ tể thế gian, thực sự hướng dẫn tự đàng sau tấm màn che mọi tác dụng mà những thức thần tự gán cho

mình, thì hiển nhiên là ý thức ấy thành đấng Minh Giác và Chủ Tể tối cao.

Căn bản để người tác dụng, ngự trị thế gian sẽ là *vijnâna* và *ajnana*, hoàn toàn, nguyên thủy và sở hữu tất cả. Nó bao gồm mọi vật ở năng lượng nhận thức ý thức, chi phối mọi vật ở năng lượng mãnh lực ý thức. Những năng lượng này sẽ là tác dụng tự nhiên cố hữu với bản thể ý thức của nó sáng tạo và làm chủ những sắc tướng vũ trụ. Vậy còn phận vụ gì cho ý thức lĩnh hội của những giác quan? Chúng sẽ không phải những cơ năng độc lập, mà là những tác dụng phụ thuộc bao hàm ngay trong tác dụng của ý thức quán triệt. Thực ra, bốn tác dụng đó sẽ thành một động tác mau lẹ duy nhất. Nếu chúng tác dụng ở ta với sự mau lẹ hợp nhất của *prajnâna* và *sanjnâna* thì ta ắt có trong cách ghi nhận Thời Gian một thứ ảnh tượng không tương đương về sự duy nhất ở tác dụng tối cao của năng lượng tối cao.

Nếu xét vấn đề thì ta thấy rằng phải như vậy. Ý thức tối cao không phải chỉ hiểu biết về sở hữu ở bản thể ý thức của nó những ảnh tượng sự vật mà nó tạo ra như biểu thị bản thân, nó còn phải đặt những cái đó trước mình – bao giờ cũng trong tự thể chứ không phải bên ngoài – và có với chúng một sự đối chiếu nào đó bằng hai phần hạng của ý thức cầm bắt. Nếu không thì vũ trụ không mang sắc tướng như nó đảm đương đối với ta; bởi ta chỉ làm cái việc phản chiếu, theo cơ chất ta, những động của Năng lực tối cao.

Nhưng chính vì những ảnh tượng sự vật được

trình bày trước một ý thức cầm bắt ở trong một ban thể ý thức quán triệt chứ không ngoại giới hóa như phàm thức cá thể ta ngoại giới hóa nó mà Huyền Thức tối cao và Quan Năng tối cao sẽ hoàn toàn khác với thức tinh và những hình thức cảm giác của ta. Chúng sẽ là những phân hạng của một vô minh và một giới hạn cố gắng hiểu biết và làm chủ.

Ở ý nghĩ chính yếu là tổng quát, mọi quan năng ta phải phản chiếu Quan Năng tối cao này và tạo ra bởi nó. Nhưng *Áo Nghĩa Thư* nói đến một Thị Giác sau thị giác ta và một Thính Giác sau thính giác ta – và điều này không đại khái như một Quan Năng sau mọi quan năng ta. Mắt với tai, không còn hồ nghi gì nữa, chỉ kể đến như những mẫu giác quan ta nói chung, được lựa chọn vì là những cái cao nhất và tế nhị nhất. Tuy nhiên sự phân hóa những giác quan tạo thành một phần thức tính ta hiển nhiên là phải tương ứng với một phân hóa nào trong Quan Năng tối cao. Sao có thể được? Đó là điều bây giờ phải gỡ ra bằng cách xét bản tính và nguồn gốc cuộc vận dụng trực tiếp theo năng lực sinh hoạt xác thân ta. Trong Huyền Thức có cái gì căn bản cho thị giác và thính giác? Tại sao ta thấy và nghe chứ không chỉ cảm thấy với phàm thức?

IX

Những nhà tâm lý học Ấn Độ gọi Huyền Thức là quan năng thứ mười một và coi nó như Quan Năng tối cao. Trong hệ thống phân loại quan

năng cổ thời – năm giác quan và năm tác quan – thì nó là quan năng hành tác thứ 6. Cuộc vận dụng hữu hiệu của những giác quan không thành nếu không có thức phù trợ, điều này là sáo ngữ của tâm lý học – mắt có thể thấy, tai có thể nghe, mọi giác quan vận chuyển – mà thức không chú ý thì con người đã không nghe, thấy, ngửi, sờ, nếm. Cũng như thế, theo tâm lý học, những tác quan chỉ vận chuyển vì mãnh lực phàm thức tác dụng với tư cách ý lực, hay về mặt sinh lý, vì mãnh lực phản ứng thần kinh xuất tự óc, mà theo những quan niệm duy vật, phải là hữu thể chân chính và yếu tính của mọi ý lực. Dù thế nào nữa, những quan năng – mọi quan năng, nếu có những cái khác với mười cái này, và theo một bản văn *Áo Nghĩa Thư* thì phải có ít nhất mười bốn, tức là bảy với bảy – mọi quan năng hình như chỉ là những cơ cấu, vận chuyển, khí cụ của ý thức phạm thức, những thứ thiết bị đã tạo ra ở cuộc tiến hóa trong Vật Chất sinh hoạt.

Tâm lý học hiện đại đã mở rộng tri thức ta và đưa ta tới một chân lý cổ nhân đã hiểu nhưng diễn bằng lời lẽ khác. Bây giờ ta biết hay lại tìm chỉ là một hoạt động bề mặt. Có một tiềm thức rộng lớn và hùng hậu hơn nhiều không bị mất đi chút nào về những cái quan năng đưa lại; nó giữ tất cả sự phong phú trong một cái kho dự trữ bất tận là ký ức, *akshitam shravah*. Phạm Thức bề mặt có thể không lưu ý chút nào ấy thế mà tiềm thức có thể lắng nghe tiếp nhận, lượm thâu chính

xác không thể lẫn được. Chị đầy tớ vô học hàng ngày nghe thấy ông chủ đọc tiếng hy bá lai trong phòng làm việc; cái phạm thể bề mặt không chú ý đến thứ tiếng lóng bí hiểm, nhưng tiềm thức lắng nghe, ghi nhận và, trong một trường hợp không bình thường, làm nổi lên trên mặt nhắc lại những lời ngâm tụng thông thái này đúng đến mức độ kinh ngạc có thể làm cho một nhà bác học có trí nhớ đúng nhất và rộng nhất phải thèm thuồng. Con người, phạm thức, đã không nghe bởi nó không chú ý, con người lớn hơn, cái thức trong nó, đã nghe vì bao giờ cũng chú ý hay đúng hơn, bao giờ cũng ghi giữ với một khả năng vô biên. Cũng như người bị mổ được đánh thuốc mê không cảm thấy gì cả; nhưng nếu bạn dùng thôi miên giải phóng cho tiềm thức hắn thì hắn sẽ kể lại thực đúng mọi chi tiết của việc mổ cùng những nỗi đau đớn đặc biệt. Bởi việc đánh thuốc mê cơ thể không thể ngăn cái thức lớn hơn trong hắn quan sát và cảm xúc.

Ta cũng lại thấy một phần lớn hoạt động xác thân ta là do bản năng và hướng dẫn không bởi cái thức bề mặt, mà tiềm thức. Và bây giờ ta hiểu rằng chính là hoạt động của một cái thức chứ không phải chỉ là một phản ứng thần kinh ngu si xuất tự bộ óc hoàn toàn vật chất.Tiềm thức ở ít nhiều giống côn trùng biết rõ cơ thể con bọ tiêu địch sắp phải tê liệt để ăn thịt nên trâm độc đưa đúng chỗ như nhà giải phẫu lành nghề nhất, với điều kiện là cái thức hời hợt nhỏ

hẹp hơn, không lấy tác động thần kinh dò dẫm bấp bênh ra mà làm rối, làm sai nhận thức bên trong, ý lực bên ngoài.

Những tỷ dụ này đưa ta đến những chân lý mà tâm lý học Tây phương, bị ngăn ngại vì sự không hiểu biết xưa – tự coi là chính thống khoa học – nên còn không biết hay không chịu thừa nhận. Tâm linh ở ta, như chư *Áo Nghĩa Thư* nói, thực vô cực, nó hiểu biết chẳng những cái đã thấy, mà còn cái chưa từng thấy; chẳng những cái đã nghe, mà còn cái chưa từng nghe; chẳng những cái được tư tưởng phân biện, mà còn cái chưa từng được tư tưởng phân biện. Vậy hãy nói bằng những danh từ của kiến thức cận đại rằng con người hời hợt ở ta bị giới hạn bởi những kinh nghiệm xác thân của nó; nó chỉ biết cái mà sinh hoạt thần kinh trong xác thân mang đến cho phàm thức nhập thể, mà ở ngay trong cái đưa tới ấy, nó cũng chỉ hiểu biết, chỉ có thể giữ lại và sử dụng cái mà quan năng phàm thức hời hợt cầm bắt và ghi lại ở ký ức ý thức hấn; nhưng ở hắn có một ý thức tiềm tàng lớn lao hơn không bị những giới hạn đó. Ý thức này tri giác cái không được hời hợt với những cơ quan của nó tri giác, và lại còn hiểu biết cái phàm thức hời hợt không thể biết được bằng tư tưởng hậu thiên. Chính nó ở côn trùng, biết được cơ thể con mồi; chính nó ở con người có bề ngoài vô tri giác, chẳng những lại cảm thấy và nhớ lại đường dao của nhà giải phẫu, mà còn biết những phản ứng đặc biệt về đau đớn bị

kìm hãm ở xác thân vì thuốc mê nên không có; chính nó, ở người đầy tớ võ học, đã nghe và ghi thực đúng những tiếng của một ngôn ngữ lạ, và cũng như những du già sư, có thể hiểu được bằng tác dụng cao đẳng của mình những âm thanh như vô nghĩa.

Muốn nói lại những từ ngữ của Vệ Đàn Đà mà chúng tôi đã dùng, thì có một tác dụng rộng lớn hơn của *sanjnâna* không bị giới hạn bởi tác dụng cơ quan xác thân của những quan năng; chính cái đó hiểu được hoàn toàn và ghi nhớ, bằng tai, những tiếng của ngôn ngữ lạ, bằng xúc giác những đường dao giải phẫu không đau đớn, bằng phàm thức – quan năng hay quan năng thứ sáu đích nơi có những trung tâm vận động của con bọ tiêu địch.

Cũng lại có, phối hợp với tác dụng này của *sanjnâna* một tác dụng tương ứng rộng hơn của *prajnâna, âjnâna* và *vijnâna*, không bị giới hạn vì những khả năng nhỏ kém, cầm bắt và quán thông của thức bên ngoài. Chính cái *prajnâna* rộng lớn hơn này nhận thấy tương quan đúng của những tiếng với nhau, tương quan đúng của đường dao giải phẫu với nỗi đau đớn mà thần kinh nhận thấy, tương quan đúng của những liên hệ kế tiếp trong không gian giữa những khớp của con bọ tiêu địch. Thị giác gắn liền với sự phát lại đúng những tiếng, tả đúng những nỗi đau đớn, những tác động đúng kế tiếp của trăm độc. Ajinâna hay Ý-Lực-nhận-thức, phát sinh mọi tác dụng, cũng rộng lớn, không bị giới hạn bởi sức mạnh ngập

ngừng điều khiển những tác động dưới cái thức hời hợt hướng dẫn. Và, mặc dầu trong những tỷ dụ này, tác dụng của *vijnâna* rộng lớn hơn không lộ rõ như vậy, nhưng hẳn là có trong những tác động ấy và giữ gìn sự chính đốn.

Nhưng bây giờ trở lại với *sanjnâna*. Thoạt tiên hãy ghi nhận rằng ở nó có một tác dụng của thức – quan năng vượt lên tác dụng đặc biệt của những quan năng và ý thức về sự vật mà chẳng cần khoác cho chúng những hình thức thị giác, thính giác, xúc giác; nhưng cũng lại, như một thứ tác dụng phụ thuộc – phụ thuộc nhưng cần thiết cho cuộc biểu thị đầy đủ - nên thực ra khoác cho chúng những sắc tướng ấy. Điều này hiển nhiên trong những hiện tượng siêu linh học. Những người nghiên cứu và thực nghiệm khá sâu về mặt này đã khám phá ra rằng ta có thể thấy bằng giác quan những sự vật chỉ có trong tâm trí người khác, những sự vật thuộc về một bình diện khác với bình diện địa cầu, nhưng tạo ra hiệu lực ở đây; ta có thể vừa tri giác những sự vật này ở ảnh tượng và cũng cảm thấy nếu có thể nói được như vậy, mọi trạng thái của chúng ta mà không có một ảnh tượng chính xác nào thuộc về năm giác quan.

Điều này chứng tỏ, thứ nhất là thị giác với những giác quan khác không phải chỉ là những kết quả cuộc phát triển những cơ quan xác thân trong cuộc tiến hóa ở địa giới. Huyền Thức, tiềm thức ở mọi Vật Chất và tiến hóa ở nó, đã làm xuất hiện những cơ quan xác thân này để ứng dụng khả năng cố hữu

của nó về tri giác, thính giác ... trên bình diện vật lý bằng những phương tiện vật lý cho cuộc sống vật lý; nhưng chính là những khả năng cố hữu không tùy thuộc trường hợp ấy là tiến hóa địa giới; người ta có thể sử dụng chúng mà không cần những quan năng tác dụng qua một xác thân – và đó là điều mà những hiện tượng tâm linh này giải thích cho ta; ấy thế mà tác dụng này cũng chỉ là một kết cấu của sự vận chuyển cố hữu của quan năng chính yếu, *sanjnâna*, bản nhiên có thể tác dụng không cần những cơ quan xác thân. Quan năng chính yếu này là khả năng nguyên thủy của ý thức cảm giác bản nhiên mọi đặc tính và tác dụng chính yếu của cái có hình thể - dầu biểu thị vật chất là một âm chấn, một ảnh tượng ánh sáng hay mọi biểu tượng trưng vật lý nào khác.

Trào lưu khoa học đưa ra mỗi lúc một gần kết luận rằng chẳng cứ gì những đặc tính của hình thể, cả những cái hiển linh nhất, như màu sắc, ánh sáng v.v. chỉ là những biểu thị hoạt động của Lực, mà chính hình thể cũng chỉ là một biểu thị hoạt động của Lực. Chính cái Lực này tỏ ra như mãnh lực tự nhiên của hữu thể ý thức[1] ở tình trạng năng lượng và hoạt động. Thực tế mà nói thì mọi hình thể như vậy chỉ là một tác dụng của ý thức in lên mình những biểu thị của những hoạt động của chính mình. Ta thấy màu sắc là

---

[1] *Devâtmashaktim svagunair nigûdham*, mãnh lực tự nhiên của Hữu Tồn thần linh bị những hình thái của chính mình ngăn che *(Shevetâshvatara Upanishad)*.

bởi vì chính đó là biểu thị của ý thức tự cho mình về một trong những hoạt động của chính mình; nhưng màu sắc chỉ là một tác dụng của Lực dưới hình thức Ánh Sáng, mà chính Ánh Sáng cũng chỉ là một chuyển động, nghĩa là một tác dụng của Lực. Vấn đề là thế này: cái gì là chính yếu để cho tác dụng ấy của Lực khoác lấy phương diện, hình thể nó? Bởi chính cái ấy phải quyết định tác dụng của *sanjnâna*, của Quan Năng, trên bình diện hoạt động nào cũng vậy.

Cái gì cũng bắt đầu bằng một chấn động, một chuyển động, cái *kshobha* hay nhiễu loạn đầu. Nếu không có chuyển động của hữu thể ý thức thì nó chỉ có thể biết được hữu tồn tịnh thuần túy của nó mà thôi. Không chấn động[1], không chuyển động của hữu thể trong lực thì không thể có đối tượng giác quan. Chuyển động của hữu thể ý thức với tư cách là nhận thức trở nên khả tri giác đối với mình như chuyển động của Lực, nói cách khác là nhận thức tách ra khỏi hoạt động của chính mình để quan sát và lấy nó lại về mình bằng cách cảm giác nó – đó là căn bản của *sanjnâna* phổ quát. Điều này đúng với những tác dụng bên trong cũng như bên ngoài của ta.

Tôi thành giận dữ vì một chấn động của lực ý thức tác dụng như cảm xúc thần kinh, và tôi

[1] Danh từ được dùng ở đây, không phải vì nó hoàn toàn tương đương, hoàn toàn chính xác – không một danh từ vật lý nào có thể - nhưng bởi vì nó khêu gợi hơn cả về xuất phát đầu của ý thức tự đi tìm mình.

cảm thấy mình giận dữ vì một chuyển động khac của lực ý thức tác dụng như tuệ quang. Tôi có ý thức về xác thân tôi vì chính tôi thành xác thân; cũng cái lực ấy của hữu thể ý thức đã làm thành cái hình thể ấy của tôi, cuộc biểu thị những hoạt động của nó nhận biết nó dưới sắc tướng ấy, ở biểu thị ấy. Tôi không thể hiểu gì ngoài trạng thái của chính tôi; nếu tôi hiểu những người khác là bởi vì chính họ cũng là tôi, bởi con người tôi đã khoác những tượng hình có bề ngoài khác lạ của họ chẳng kém gì cái gần cận với trung tâm phàm thức của tôi nhất. Như thế cảm giác nào, tác dụng nào của những quan năng cũng là một ở bản thể, dầu nó ở bên ngoài hay bên trong, vật lý hay tâm linh.

Nhưng chấn động này của hữu thể ý thức diễn ra với chính nó bằng những hình thức quan năng khác nhau tương ứng với những tác dụng kế tiếp của chuyển động đã giúp nó thành hình. Bởi, thứ nhất, có một cường độ chấn động tạo ra một nhịp tiết đều đặn làm căn bản hay thiết định mọi tạo tác sáng hóa; thứ nhì, sự tiếp xúc hay hỗn hợp những chuyển động của hữu thể ý thức cấu thành nhịp tiết; thứ ba, sự tập hợp những chuyển động tiếp xúc tự định rõ đặc tính, cái hình trạng của những động tác này; thứ tư là sự nổi lên bền bỉ của chủ lực để phù trì cho được liên tục chuyển động đã được xác định như vậy; năm là sự thắt buộc và sự nén ép thực sự của cái lực ở chuyển động của chính nó để duy trì hình thể khoác lấy.

Những người phái Số Luận nhận xét rằng trong vật chất, năm tác dụng cấu thành này được hình dung như năm trạng thái nguyên tố của bản thể - dĩ thái, êthe, không khí, lửa, lỏng, và đặc; đối với họ, nhịp chấn động là *shabda*, âm thanh làm căn bản cho thính giác; hỗn hợp là tiếp xúc (sparsha), làm căn bản cho xúc giác; hình trạng rõ rệt như sắc tướng (rūpa), làm căn bản cho thị giác; lực dâng lên, *rasa*, chất nhựa, làm căn bản cho vị giác; sự phóng xuất sức nén nguyên tử, gandha, mùi, làm căn bản cho khứu giác. Hẳn là điều này chỉ khẳng định về vật chất thuần túy, tế vi; chứ vật chất thế giới này vốn là một tác dụng phức tạp của lực, người ta chỉ thấy năm trạng thái nguyên tố riêng biệt này dưới một hình thức rất biến đổi. Nhưng tất cả cũng chỉ là những hoạt động hay biểu trưng vật lý. Ở bản thể thì mọi tạo tác, dù vi tế nhất, dù thoát ra khỏi giác quan ta nhiều nhất, như hình thức – phàm thức, hình thức - tâm tinh, hình thức – linh hồn, nếu xét cho thực sát, thì cũng rút vào tác dụng năm tầng này của cái lực – ý thức chuyển động. Vậy sanjnâna hay Quan Năng chủ yếu phải hiểu nổi tất cả cuộc vận động của những tác dụng này, làm cho nó thành của mình bằng sự kết hợp – đặc biệt của nó – giữa Năng Tri với Sở Tri. Cảm giác của nó về nhịp tiết, về cường độ những chấn động chứa đựng tất cả ý nghĩa của hình thể, sẽ là căn bản thính giác chủ yếu mà sự lĩnh hội của ta về âm thanh vật lý hay lời thốt ra chỉ là kết quả hết

sức bề ngoài; cũng như cảm giác của nó về tiếp xúc hay hỗn hợp giữa lực ý thức với lực ý thức phải là căn bản của xúc quan chủ yếu; cảm giác của nó về hình trạng rõ rệt hay sắc tướng của lực phải căn bản của thị giác chủ yếu; cảm giác của nó về sự dâng lên của hữu thể chủ yếu trong sắc tướng, ngay cái bí quyết để nói tự hưởng dụng, phải là căn bản của vị giác chủ yếu; cảm giác của nó về sự nén ép của lực và về sự tự phóng xuất bản thể hữu tồn của nó phải là căn bản của sự hít vào chủ yếu biểu thị thô sơ trong bản thể vật lý bởi khứu giác.Ở bất cứ bình diện nào, ở thứ tạo tác nào mà nó áp dụng chăng nữa thì những bản thể tính này của cảm giác cũng hành xử và ở mỗi trường hợp chúng tự tìm một kết hợp thích nghi, một vận chuyển thích nghi. Trong ý thức cao nhất, quan năng đa trùng này hiển nhiên là một duy nhất phức tạp; cũng hệt như, trong ý thức cao này, tác dụng đa trùng của nhận thức, như ta đã thấy, là một duy nhất phức tạp. Mà nếu ta xét đến những quan năng xác thân – tỷ như thính quan – nếu ta quan sát xem phàm thức đệm dưới tiếp nhận tác dụng của chúng như thế nào thì ta cũng thấy những quan năng tự bản thể, tất cả đều ở trong từng cái. Phàm thức đệm dưới này chẳng phải chỉ ý thức về chấn động mà ta gọi là âm thanh; nó còn ý thức về sự tiếp xúc và trao đổi giữa cái lực trong âm thanh với những tiếp xúc hay tương quan phức tạp tạo thành âm thanh; nó ý thức về bản thể - hay phóng xuất

của lực ý thức – cấu thành và bảo trì âm thanh cùng là kéo dài những âm chấn trong con người thần kinh của ta; nó ý thức về sự thần kinh hấp của chính ta về phóng xuất chấn động này cho sự ép nén của lực tạo thành cố tính của âm thanh, nếu ta có thể nói được vậy. Mọi cảm giác này có trong tiếp nhận giác quan và niềm vui âm nhạc là hình thức vật lý cao nhất của biểu thị lực hoạt động này; chúng cấu thành cảm giác tính vật lý và niềm vui của con người thần kinh ở ta đối với âm nhạc; bỏ một thứ trong đó là niềm vui với cảm giác tính cùn nhụt theo.

Sự duy nhất phức tạp này phải có hơn nữa trong một ý thức cao hơn ý thức vật lý, và nhất là trong cái cao nhất, phải có duy nhất. Nhưng quan năng chủ yếu cũng phải hiểu nổi yếu tính bí ẩn của mọi hữu thể ý thức tác động, hiểu ở bản nhiên chứ không phải chỉ qua những kết quả của tác động; sự thẩm định của nó về những kết quả này không thể là gì hơn sản phẩm do cảm thức sâu xa hơn của nó về Cái Ấy ẩn sau những phù tướng.

Nếu ta xét những sự vật này một cách tế nhị như vậy, với ánh sáng của tâm lý học sâu xa hơn của ta, và theo dõi chúng qua những phù tướng vật lý che phủ, thì ta đạt một quan niệm sáng láng về Quan Năng của mọi quan năng ta, Thị Quan của thị quan ta, Thính Quan của thính quan ta. Ý thức Phạm Thể mà *Áo Nghĩa Thư* nói đến không phải là Tuyệt Đối rút vào trong mình,

nhưng chính Tuyệt Đối ấy ở Siêu Việt và Tổng Thể Tính tối cao, Cái Ấy cấu thành và điều khiển hoạt động chư thần trên những bình diện khác nhau của bản thể ta. Bởi do nó cấu thành nên mọi hoạt động của ta không thể là gì khác những kết quả và biểu thị tâm lý và vật lý của cái chủ yếu riêng của thị kiến sáng hóa tối cao của Nó, những quan năng ta một cái bóng của Quan Năng thần linh, thị quan ta một cái bóng của Thị Quan thần linh, thính quan ta một cái bóng của Thính Quan thần linh. Mà thị quan với thính quan thần linh này không giới hạn vào những sự vật vật lý chút nào, những trải ra khắp mọi sắc tướng và biểu thị hoạt động của hữu thể ý thức.

Ý thức tối cao không vì thị kiến va thính giác chu yếu của chính nó mà tùy thuộc cái ta gọi là thị quan và thính quan. Nó dùng một Quan Năng tối cao, sáng hóa và quán triệt mà thị quan với thính quan vật lý và tâm lý chỉ là những kết quả bề ngoài và hoạt động bộ phận. Nó không phải không biết và cũng chẳng loại bỏ chúng; bởi nó cấu thành và điều khiển chúng, thì nó phải có ý thức về chúng, nhưng tự trên một bình diện tối cao *param dhama*, bao gồm mọi vật trong thị kiến của nó; bởi tác dụng nguyên thủy của nó là hoạt động tối cao này của Vishnu mà, theo Vệ Đà, thì những bậc siêu tri chiêm niệm như một con mắt mênh mang trên cõi thiên. Chính bởi thế mà linh hồn thấy những thị kiến và nghe những thính cảm của mình; nhưng quan năng

nào đó chỉ mang giá trị thực của nó và đạt tuyệt đối của nó, đạt thực thể bất diệt của nó, khi ta hết theo đuổi cuộc thỏa mãn những quan năng hoàn toàn bề ngoài và vật lý để vượt cả con người tâm lý nữa đến cái tâm linh, cái chủ yếu này là cỗi nguồn, là năng tri, cấu thành và thẩm định mọi cái kia với chân giá trị của chúng.

Chính quan năng tâm linh về sự vật, bí mật và siêu thức ở ta là cái duy nhất cho những quan năng tâm lý cái bản thể, giá trị và thực tính; tự chúng không có. Khi ta đạt quan năng tâm linh này thì những tác dụng hạ đẳng ấy có thể nói được rằng thâu hút vào nó, và cả thế gian với mọi vật biến đổi đối với ta và giữ một giá trị khác không vật chất. Cái Ý Thức – chủ tể nơi ta nhận tri những cảm giác của ta về đối tượng, thấy thị giác ta, nghe những thính cảm của ta, chẳng còn vì lợi lạc cho mọi giác quan với những thèm khát của chúng nhưng trong sự bao quát Cực Lạc bản nhiên hữu tồn, không nguyên nhân cũng như không đầu cuối, vĩnh cửu trong bất diệt của chính mình.

X

Nhưng ý thức Phạm Thể chẳng phải chỉ là Huyền Thức của phàm thức ta, Thượng Ngôn của lời ta, Quan Năng của mọi quan năng ta; mà còn là Nguồn Sống của sinh hoạt ta. Nói cách khác, nó là một năng lực hữu tồn tối cao và phổ quát mà sinh hoạt vật chất với năng lực duy trì chỉ là

một kết quả hạ đẳng; một biểu trưng vật lý, một vận dụng bề ngoài và giới hạn. Cái chi phối cuộc sinh tồn với hoạt động của ta không sống cũng như không tác dụng vì chúng và nguyên lý siêu sinh hoạt mà chúng được đào tạo và bị chế ngự.

Tiếng "sinh hoạt" dùng cho nhiều sắc thái ý nghĩa khác nhau; nhưng tiếng *prâna*, thường dùng trong *Áo Nghĩa Thư* và thuật ngữ Du Già, chỉ áp dụng cho sinh lực, xét ở tự thể hay trong sự vận dụng. Thực ra, *prâna*, theo nghĩa vật chất và thông dụng nhất là sinh hoạt hay sinh khí; nhưng không phải nghĩa triết học của danh từ như được dùng trong *Áo Nghĩa Thư*. *Prâna* của chư *Áo Nghĩa Thư* chính là sinh lực mà người ta nghĩ rằng nó choán khắp xác thân và tác dụng theo một chuyển động năm tầng, cái nào cũng có tên riêng và cái nào cũng hoàn toàn cần thiết cho vận hành của sự sống trong xác thân như hành vi hô hấp. Thực ra, hô hấp chỉ là một tác dụng của chuyển động chính của sinh lực, của cái đầu trong năm – tác dụng thường rất cần thiết không thể tránh được cho sự duy trì và phân phối năng lực trong cơ cấu xác thân, tuy nhiên có thể ngừng lại mà sự sống không hẳn vì thế tiêu diệt.

Khoa học Tây phương đã nghi ngờ sự thực tại của một sinh hoạt lực, một năng lượng sinh hoạt, bởi nó chỉ xét đến những tác dụng bề ngoài nhất của Tự Nhiên và mới có hiểu biết chân chính về bề ngoài và vật lý chứ không gì khác. *Prâna* này, sinh hoạt lực này, bản nhiên không vật lý,

không phải là một năng lượng vật chất, mà là một nguyên tố khác phù trì cho Vật Chất và giấn vào thì đúng hơn. Nó phù trì và choán mọi hình thể, và không có nó, thì không hình thể vật lý nào có thể có được cũng như tồn tại. Nó tác dụng ở mọi lực vật chất như điện lực và chính ở những cái gần nhất với biểu thị đặc thù của nó, không một lực vật chất nào có thể tồn tại hoặc tác dụng mà không có nó vì phải rút năng lượng và chuyển động tự nó, mà lại là môi vật cho nó. Nhưng tất cả mọi phương tiện vật chất chỉ là môi trường và hình thức của *prâna* tự bản nhiên là một năng lượng thuần túy, nguyên nhân của chúng chứ không phải kết quả. Vậy không phân tích vật lý nào có thể phát lộ được nó; sự phân tích vật lý chỉ có thể giữ cho ta những sự phối hợp của những hiện tượng vật chất này là những kết quả của nó và những dấu hiệu và biểu trưng bề ngoài cho sự hiện diện và hoạt động của nó.

Vậy ta có ý thức về sự thực tại của nó bằng cách nào? Bằng sự tẩy tinh phàm thức với xác thân ta, sự tinh vi hóa những phương tiện tri giác và nhận thức của ta thực hiện được bằng Du Già. Ta trở nên có khả năng phân tích khác với lối phân giải những hình thể ra thành những yếu tố vật lý thô kệch; ta có thể phân biệt những tác dụng của nguyên lý phàm thức thuần túy với những tác dụng của nguyên lý vật chất, và phân biệt hai loại này và phù trì cho cả hai. Lúc đó ta có thể phân biệt những tác động của những luồng linh khí *prâna* chẳng những trong xác thân là tất

cả cái ta vẫn thường ý thức, mà còn trong cơ cấu tế vi ấy của con người ta mà Du Già phát lộ cho ta, là đệm dưới xác thân và phù trì cho nó. Người ta thường đạt tới bằng quá trình *prânâyâma* là phép chế ngự hay làm chủ hô hấp. Bằng prânâyâma người luyện phép du già là *hatha* có thể làm chủ, làm ngưng và vượt tác dụng đều đặn quen thuộc của năng lượng *prâna* là cái mà Tự Nhiên cần cho sự vận chuyển bình thường của xác thân, sinh hoạt và phàm thức vật lý; người ấy thành ý thức về những mạch dẫn năng lượng phân phối khắp mọi hoạt động, và bởi thế có thể dùng xac thân làm những sự như phép lạ đối với người không hiểu biết, đúng như nhà vật lý vì hiểu biết vận dụng của những lực vật chất mà có thể làm những sự ma thuật đối với ta nếu những định luật với quá trình của chúng không được tiết lậu. Bởi chính tất cả những hoạt động của sự sống trong xác thân được *prâna* chi phối, mà chẳng riêng gì những cái bình thường và hằng hữu với những cái bao giờ cũng ở trong tiềm thế, có thể gọi ra dễ dàng và khiến vận dụng, nhưng còn những cái mà tiềm năng tính xa xôi hơn và như khó khăn hay bất khả đối với thực nghiệm thông thường của ta.

Nhưng năng lượng *prâna* là cái phù trì chẳng những cho những tác dụng của sinh hoạt xác thân ta, mà cũng cho những tác dụng của phàm thức trong cơ thể sống. Bởi thế cho nên việc làm chủ năng lượng *prâna* khiến cho ta chẳng những làm chủ then máy xác thân và sinh hoạt của

ta và vượt lên sự vận chuyển bình thường mà còn làm chủ then máy phàm thức và vượt lên những tác dụng bình thường. Thực ra phàm thức bao giờ cũng tùy thuộc lực *prâna* liên lạc nó với xác thân mà nó biểu thị qua đó, và chỉ có thể triển khai lực của chính mình ở mực độ khiến cái năng lượng này sẵn sàng cho những cứu cánh của chính mình, làm cho nó phục vụ những ý tưởng của chính mình.

Vậy theo mực độ mà người luyện du già lấy lại được sự làm chủ *prâna* – và nhờ cuộc vận dụng những diệu thuật mở những trung tâm thần kinh (chakras) mà *prâna* hiện đương dở thức dở ngủ và chỉ tác dụng từng phần – mà người ấy có thể biểu thị một số năng lực phàm thức, quan năng và ý thức vượt kinh nghiệm thông thường của ta. Những năng lực gọi là huyền bí của Du Già chính là những năng lực mở ra như vậy theo mực độ người luyện du già tiến bộ trong việc làm chủ lực *prâna* và tẩy tịnh những đường dẫn *prâna* mở cuộc giao thông giữa ý thức của con người vi tế tiềm thức và ý thức của cuộc sống thô trọng, xác thân và hời hợt.

Bởi thế *prâna* là lực sinh hoạt hay thần kinh phù trì cho những tác dụng của phàm thức và xác thân và được chúng đóng vào, có thể gọi là như một con người đóng vào xe và được phàm thức hướng dẫn trên những con đường nó muốn du hành tới đối tượng sở cầu. Bởi thế *Kena Upanishad* tả nó như được đóng xe và tiến bước,

và ngoài ra như được hướng dẫn ở bước tiến lên – những hình ảnh này nhắc nhở biểu trưng Vệ Đà của Con Ngựa thường dẫn chỉ lực *prâna* trong kinh *Rig Vệ Đà*. Thực ra chính cái ấy thực hiện hoạt động ở khắp thế gian dưới những mệnh lệnh của phàm thức ý thức và tiềm thức, trong những điều kiện vật chất và hình thể vật chất.

Trong khi phàm thức là chuyển động của Tự tính nơi ta biểu thị trong khuôn khổ cuộc hữu tồn vật chất hiện tượng của ta, và dưới phạm trù ba tầng của vô minh, phương diện – tri thức của Phạm Thể, và ý thức của năng tri – xác thân là biểu thị bản thể của cái hữu tồn sau mặt nạ của bản thể hiện tượng khả phân – thì *prâna* hay năng lượng sinh hoạt biểu thị trên dòng hiện tượng dập dồn cái lực hoạt động của Thiên Đế chi phối cuộc hiển tướng của tự thể Người và vui hưởng. Đó là một năng lượng phổ quát có trong nguyên tử, từng phần nhỏ của vũ trụ, tác dụng ở từng chuyển động, từng luồng của dòng ấy, của cuộc trao đổi hỗ tương thường hằng cấu thành thế giới.

Nhưng, cũng như phàm thức chỉ là một chuyển động hạ đẳng của Hằng Hữu Ý Thức tối cao và trên phàm thức có một nguyên lý ý thức, ý lực với tri thức thần linh và vô cực chi phối hoạt động vô minh của phàm thức, và chính bởi nguyên lý cao siêu này chứ không phải vì phàm thức mà Phạm Thể nhận biết tự thể ở bản nhiên hay trong biểu thị - thì về cái sinh hoạt lực này cũng vậy. Những

tính cách của sinh hoạt lực cứ như nó biểu thị ở ta là thèm muốn, đói khát, một vui hưởng tìm ra được đối tượng, và một chuyển động, một hoạt động u mê tìm kiếm sự sở hữu và cố gắng thấu đạt, ôm ghì, kết nhập đối tượng khao khát vào mình[1]. Cái khi dục vọng và hưởng thụ không thể là nơi trụ của cuộc sống thực, chỗ tác dụng của cái cao hơn tức năng lượng thần linh; cả cái tri thức tối cao cũng không thể tư duy trong những giới hạn được phàm thức vô minh, dò dẫm, hữu hạn và phân chia sử dụng. Cũng như những tác động của phàm thức chỉ là những tượng hình, theo đối tính và vô minh, những trầm tư của một ý thức và nhận thức tối cao, thì những tác động của sinh lực này cũng chỉ là những tượng hình của một năng lượng tối cao biểu thị một hữu tồn cao hơn và thực hơn, làm chủ cái ý thức và nhận thức này nên thoát khỏi dục vọng, đói khát, hưởng thụ phù du mà hoạt động bị ngăn ngại. Cái là dục vọng ở đây phải là Ái Tình bản nhiên hữu tồn ở đó; cái ở đây là đói khát phải là thỏa mãn không dục vọng ở đó; cái là hưởng thụ ở đây phải là cực lạc bản nhiên hữu tồn ở đó; cái là hành động dò dẫm ở đây phải là năng lượng tự chủ ở

---

[1] Mọi nghĩa này đều có trong tâm trí những bậc tiền bối siêu trí Vệ Đà khi các ngài dùng tiếng *ashva*, ngựa, để chỉ *prâna* bởi ngữ căn áp dụng cho tất cả như người ta có thể thấy với những tiếng: *ashva*, hi vọng; *ashanâ*, đói; *ash*, ăn; *ash*, hưởng thụ; *âshu*, mau lẹ; *ash*, vận động, đạt, thấu, v v

đó – Nguồn Sinh của sinh hoạt ta mà hành động hạ đẳng này được phù trì dẫn đưa tới đích phải là thế vậy. Phạm Thể không thở bằng hơi thở cũng không sống bằng sinh lực này với đối tính sinh tử của nó.

Vậy Nguồn Sinh của sinh hoạt ta là gì? Là Năng Lượng tối cao không là gì khác cái lực vô cực hoạt động của Hằng Hữu tối cao ở tự ngã giác ngộ. Hữu tồn bản nhiên ý thức rực rỡ về mình và tràn trề cực lạc tự mình ; và ý thức này về Nội Ngã là một tự chủ ngoài thời gian tỏ ra, ở hoạt động, như một mãnh lực ý thức vô cực, toàn năng cũng như toàn tri ; bởi nó tồn tại giữa hai cực, cái này về bất chuyển vĩnh cửu và đồng nhất của Tất Cả với nó, bất chuyển vốn phù trì mãi mãi cho năng lượng. Chính cái ấy là hữu tồn đích thực, Nguồn Sinh cho sinh hoạt ta ; chính cái ấy là bất tử, còn cái ta bám víu gọi là sự sống, chỉ là « đói khát là cái chết ». Bởi thế hiền giả phải có mục đích vượt qua, ở ý thức giác ngộ, những giới hạn hư giả thuộc hiện tượng giới sinh diệt để đạt bất tử đó.

Ấy thế mà cái lực Sinh Hoạt này, dầu hoàn toàn hạ đẳng ở những hoạt động, nhưng vẫn thấm nhuần bản thể, ý chí, tuệ quang của cái nó biểu thị, của cái vượt nó; nó được Cái Ấy « dẫn tiến lên » trên đường tới một đích mà chính cuộc đời nó bao hàm bởi ngay những sự bất toàn ở những tác động và chuyển vị của nó.

Cái chết ấy là sự sống không phải chỉ là một mặt u tối của ánh sáng này, mà chính là quãng

đường đưa tới vì một chuyển hóa bản thể ta, từ giấc ngủ miên trường của Vật Chất đến bất tử vô cực Tâm Linh.

XI

Vậy tư tưởng *Áo Nghĩa Thư* như đã trình bày trong phần thư nhất đây ở những câu hàm súc và phong phú của bút pháp *Áo Nghĩa Thư*, rút lại như thế này : rằng cuộc sống phàm thức, quan năng, tác động sinh hoạt mà ta sở trụ chẳng phải là tất cả cũng như phần chính cuộc đời ta, chẳng phải là phần cao nhất, chẳng phải bản nhiên hữu tồn, chẳng phải tự chủ; chỉ là một vành ngoài, một kết quả hạ đẳng, một vận dụng hạ đẳng của một cái siêu việt; một hữu tồn siêu thức đã làm xuất hiện, phù trì, và chi phối ý thức này, hoạt động này của phàm thức, của sinh hoạt với những quan năng từng phần và từng mảnh, bất toàn và không thỏa mãn. Ra khỏi cái ý thức bề ngoài và hời hợt này đi tới siêu thức ấy và nhập vào, đó là tiến bộ của ta, mục đích ta, thiên chức viên thành và thỏa nguyện của ta.

Áo Nghĩa Thư không bảo hữu tồn này của ta là hư ảo nhưng chỉ nói tính cách bất toàn và hạ đẳng. Mọi cái ta tìm kiếm ở cõi đời này chỉ là một biểu thị không tương đương, một vận chuyển che vụn, phân ra của hữu tồn. Phàm thức ta, không thể làm chủ được đối tượng của mình, dò dẫm, thiển cận, u hãm trong sai lầm và bất lực, tác dụng của nó dựa trên một thị kiến bề ngoài về sự vật chỉ là

cái bóng hắt ra tự một siêu thức làm chủ, sáng tạo và tác dụng chắc chắn chân lý sự vật bởi không có gì ngoài nó, không có gì khác là nó, không có gì phân chia hoặc xung đột trong lòng của ý thức tự nội bao quát tất cả. Cái đó chính là Huyền Thức của phàm thức ta. Lời ta, hữu hạn, máy móc diễn không hoàn toàn về bề ngoài sự vật, gò bó trong vòng kiềm tỏa của phàm thức, căn cứ trên những phù trướng của những quan năng, chỉ là một đáp lại xa xôi và yếu ớt, tiếng vang chấn động mà vô minh của một Thượng Ngôn sáng hóa và thần khải đã dựng lên mọi hình thể mà phàm thức với lời ta tìm hiểu và diễn tả. Những quan năng ta, chuyển động ngay trong bản thể của ý thức rung động với những kích thích bên ngoài thử bắt lấy chúng không hoàn toàn, bằng những phản ứng tập trung, riêng rẽ và cần mẫn, chỉ là hình ảnh sai lệch của một Quan Năng tối cao kết hợp và thấy vui thú ngay tức khắc, đầy đủ, hài hòa với mọi cái Huyền Thức và Thượng Ngôn tối cao sáng hóa trong hoạt động bản nhiên hoan hỉ của hữu tồn thần linh và vô cực. Cuộc đời ta, hơi thở, mãnh lực, chuyển động, và sở hữu, dính liền với một hình thức phàm thức và xác thân và gò bó bởi hình thức, giới hạn ở năng lực, ngăn ngại ở chuyển động, bị vây hãm ở sở hữu, và bởi thế làm vật bất hòa xung đột với chính mình và hoàn cảnh mình, thèm khát và bất mãn đi bất định từ đối tượng này đến đối tượng khác và không thể bao quát và giữ lại sự tạp đa của chúng, ngấu nghiến những đối tượng hưởng thụ - đời ta chỉ

là một chuyển động chia mảnh của cuộc Đời duy nhất, không phân chia, vô cực, sở hữu tất cả và mãi mãi thỏa mãn bởi, ở tất cả, nó vui hưởng bản ngã vĩnh cửu không bị tù túng vì những phân chia của không gian, không bị dụ hoặc vì những kế tiếp nhân duyên và cảnh huống.

Hữu tồn siêu thức này, duy nhất, tự thức, ý thức và an nhiên vĩnh cửu cùng năng lực toàn trì và toàn năng của mình, cũng lại ý thức về hữu tồn hoàn vũ của ta mà nó hàm chứa, sử linh bí mật và chi phối tuyệt đối. Nó là Thiên Đế của *Isha Upanishad* lấy Thần Lực mà tru ngự mọi sáng hóa, mọi hình thức chuyển động trong nguyên lý bao giờ cũng chuyển động của hoàn vũ. Nó là chân ngã ta, nó là cái xây dựng và dùng để xây dựng, ở mỗi người chúng ta, bản thể ta và những hoạt động của ta – nó là Phạm Thể. Cuộc sống có chết là một biểu thị hai tầng của Cái Đó, với hai yếu tố tương phản ở nó, một âm, một dương. Những yếu tố âm như chết chóc, khổ đau, bất lực, vật lộn, phân chia, giới hạn, là một mặt u tối ngăn che và giúp cho sự phát triển của cái mà những yếu tố dương còn chưa thực hiện được – bất tử ẩn giấu đối với cuộc sống bằng vẻ chết, cực lạc ẩn giấu đối với khoái lạc bằng vẻ đau khổ, năng lực vô biên ẩn giấu đối với nỗ lực hữu hạn bằng vẻ bất lực, kết hợp yêu thương ẩn giấu đối với dục vọng bằng vẻ phấn đấu, nhất như ẩn giấu đối với thù đấc bằng vẻ phân chia, vô cực ẩn giấu đối với nảy nở bằng vẻ giới hạn. Những yếu tố

dương gợi ý niệm về Phạm Thể, dầu vinh quang của chư thần, bao giờ cũng là vinh quang của Phạm Thể thắng những phủ định của chính nó về tự thể, bao giờ cũng là khẳng định của chính nó về sự bao la của nó chống với những phủ định do bộ mặt u tối và hữu hạn của sự vật.

Tuy nhiên chẳng phải chỉ cái bao la ấy, mà chính vô cực tuyệt đối là Phạm Thể. Và bởi thế, ở bên này cái bộ mặt nhị nguyên của sự vật thì ta không thể đạt chân ngã, đạt tột đỉnh, ta phải vượt qua để đạt. Cuộc theo đuổi của ta về những yếu tố dương của cuộc sống tồn sinh này – sự sùng bái của ta về chư thần phàm thức, sinh hoạt, quan năng – chỉ là một sơ bộ cho cuộc sáng tác thực sự cho linh hồn; là phải dời bỏ Phạm Thể hạ đẳng và phân biệt cái tối cao nếu ta muốn thực hiện cuộc viên thành chính ta. Tỷ dụ, ta theo đuổi này nở phàm thức thì ta thành những con người phàm thức đầy đủ một mãnh lực tư tưởng, một thủ đắc tư tưởng trọn vẹn, *dhīrâh*, để có thể, bằng tư tưởng của phàm thức vượt qua cả phàm thức và đạt Hằng Hữu. Bởi sinh hoạt phàm thức và quan năng bao giờ cũng là phạm vi của tử diệt và giới hạn; ở bên kia là bất tử.

Bởi thế cho nên những hiền giả, những linh hồn an trụ và viên thành ở mãnh lực tuệ quang của tư tưởng, chối bỏ những đòi tính của phàm thức ta, của sinh hoạt và những quan năng và tiến lên, bỏ lại thế gian này sau mình; họ vượt lên tới nhất như và bất tử. Danh từ dùng để diễn

tả cuộc đi qua bằng cái chết; mà cũng là danh từ *Ảo Nghĩa Thư* dùng để diễn tả vận động tiến lên, trên những nẻo đường đời của năng lực Sinh Hoạt đóng vào xe phàm thức và mọi quan năng nhập thể. Và ta có thể thấy ở sự phù hợp này một khơi gợi hai tầng và thuộc loại phong phú nhất.

Chẳng phải vì rời bỏ cuộc sống trên cõi trần để theo đuổi bất tử trên những bình diện sinh hoạt khác thuận lợi hơn mà người ta làm cho cuộc trọn vẹn lớn có thể thành. Mà chính ở đây, *ihaiva*, ở cuộc đời và xác thân có diệt này mà bất tử phải được chinh phục. Chính ở đây, ở Phạm Thể hạ đẳng này và bởi linh hồn nhập thể này, mà cái Cao Siêu phải được nhận thức và sở hữu. "Nếu người ta chưa đạt nhận thức này ở cõi trần thì sự tiêu vong thực lớn lao". Cái sức sống ở ta, được sức hấp dẫn của nguồn Sinh tối cao, tiến lên trên con đường thú đắc thường hằng qua những quan niệm dị tạp về Phạm Thể tới khi đạt tới một điểm mà nó phải cứ thế mà tiến lên trọn vẹn, vượt khỏi cuộc sống có chết, thị kiến phàm phu về sự vật đi tới một cõi nào Bên Kia. Khi mà cái chết chưa chinh phục được hoàn toàn thì cuộc đi sang bên kia được biểu thị dưới hình thức tử diệt và như một cuộc đi sang những thế giới khác mà cái chết không quanh quất, mà người ta thường thức một thứ bất tử tương ứng với điều ta đã thực nghiệm trên cõi đời này ở linh hồn ta; nhưng sự hấp dẫn của tử diệt và giới hạn không thể vượt nổi bởi tử diệt và giới hạn còn ẩn tàng

một cái gì của bất tử và vô cực chưa thực hiện; vì thế phải quay lại, một cần thiết dai dẳng của cuộc sống tiếp tục trong xác phàm mà ta vượt trước khi đạt xong chính bản thể của Vô Cực, Duy Nhất và Bất Diệt siêu việt mọi sắc tướng.

Những thế giới *Áo Nghĩa Thư* nói tới, thực thể là những tình trạng linh hồn chứ chẳng phải những miền địa dư của hoàn vũ. Mà chính cái vũ trụ vật chất này cũng chỉ là cảnh hữu tồn như ta thấy khi linh hồn trụ trên bình diện chuyển động và thực nghiệm vật chất mà ở đó Tâm Linh dấn mình vào hình tướng và bởi vậy tất cả khuôn khổ sự vật mà ở đó nó vận động vì sinh hoạt và bao quát bằng ý thức được quyết định bởi lý chia rẽ và tập hợp vô tận, hợp với Vật Chất, với bản thể của hình tướng. Đó là cái lúc ấy thành thế gian của nó, thị kiến của nó về sự vật. Và nó vươn lên đến tình trạng nào thì thị kiến sự vật của nó lại đổi theo để tương ứng với tình trạng đó, và chính ở khuôn khổ đó mà nó phải vận động trong đời, chính cái khuôn khổ đó mà nó phải bao quát trong ý thức. Những thế giới theo truyền thuyết xưa là thế vậy.

Nhưng linh hồn đã thực hiện viên mãn sự bất tử siêu việt mọi thế giới và thoát khỏi mọi khuôn khổ. Nó vào trong bản thể đấng Chủ Tể ; cũng như Phạm Thể này, Chân Ngã tối cao siêu thực này, nó không lệ thuộc sinh tử. Nó không còn phải luẩn quẩn trong vòng luân hồi, không phải đi lại triền miên giữa những đối tính tù hãm

– tử với sinh, khẳng định với phủ định ; bởi nó đã vượt danh sắc. Vinh quang này, bất tử tối cao này, nó phải thực hiện ở cõi trần này, với tư cách linh hồn nhập thể trong khuôn khổ sinh diệt của sự vật. Sau đó, cũng như Phạm Thể nó vượt qua và bao quát hữu tồn vũ trụ mà không bị lệ thuộc. Tự do cá nhân, sự viên thành cá nhân lúc đó được thực hiện vì sự giải thoát linh hồn tù túng trong hình thức cá tính đổi thay này và bởi sự vươn lên tới Nhất Chân là Tất Cả. Nếu sau đó còn khoác cái vẻ sinh diệt thì là một tè độ cầu ở đời; là một cuộc giáng phàm của hữu tồn siêu thức khoác lấy một linh hồn chẳng phải vì cần thiết riêng tư, nhưng vì nhu cầu hoàn vũ, cho những kẻ chưa giải thoát, chưa thực hiện, được lãnh thụ tế độ và năng lực của chính cái năng lực đã trải qua con đường này tới đích và thành tựu Hành Nghiệp với Hy Sinh ở tình cảnh như nhau.

XII

Trước khi ta có thể bàn tới vấn đề lớn – cứ như hiện trạng của Phạm Thể thì làm sao ta có thể đi từ tình cảnh phàm thức, sinh hoạt, và quan năng hợp với người đến tình cảnh hợp với Ý Thức tối cao chủ tể phàm thức, sinh hoạt và quan năng – thì một vấn đề khác, sơ bộ, đặt ra. *Áo Nghĩa Thư* không minh thị đặt ra chưng bao hàm và đáp lại bằng cách nhấn rất mạnh vào lời giải lặp đi lặp lại với lối biến hóa tế nhị nhất cái có vẻ như nghịch lý ở đó.

Y Thức – chủ tể của Phạm Thể là Cái Ấy mà vì nó ta phải lìa bỏ cái tình cảnh hạ đẳng này của phàm phu lệ thuộc vào chuyển động của Tự Tính trong vũ trụ: nhưng, nói chung, cái Ý Thức chủ tể này dầu cao cả đến đâu chăng nữa thì cũng có một liên quan với vũ trụ và chuyển động hoàn vũ; nó không thể là Tuyệt Đối hoàn toàn, Phạm Thể trên mọi tương đối. Hữu Thể Ý Thức này sinh ra, phù trì và chi phối phàm thức, sinh hoạt, quan năng ta, là đấng Chủ Tể, nhưng dầu không có vũ trụ tương đối thì cũng không thể có đấng Chủ Tể, bởi không có chuyển động để vượt qua và chi phối.

Thế thì đấng Chủ Tể ấy lại chẳng là – như người ta nói bằng những danh từ của một triết lý sau này[1] - vật bị sáng tạo hơn là đấng sáng tạo Huyễn Hóa Mâyâ hay sao? Đấng Chủ Tể với hoàn vũ chẳng biến cả hai khi ta vượt qua mọi hoàn vũ? Mà thực thể duy nhất chân chính lại chẳng ở chỗ siêu việt mọi hoàn vũ hay sao? Cái thực thể duy nhất chân chính này, chứ không phải Huyền Thức của phàm thức ta, Quan Năng của mọi quan năng ta, Nguồn Sinh của mọi sinh hoạt ta, Thượng Ngôn sau lời ta, lại chẳng là cái ta phải nhận thức và sở hữu hay sao? Cũng như ta phải khám phá ra, sau mọi kết quả cái Nguyên Nhân, thì ta há lại không phải vượt qua Nguyên

[1] Đạo sư Aurobindo muốn nói Pháp Môn Vô Nhị của Shankara chủ trương tuyệt đối siêu việt thế gian là Huyễn Hóa Mâyâ.

Nhân đến cái không có nhân quả gì ở đó? Ngay đến sự bất tử nói trong *Vệ Đà* với chư *Áo Nghĩa Thư* há chẳng là điều vô nghĩa phải vượt qua lìa bỏ? Mà ta há chẳng phải vươn tới Bất Khả Tư Nghị tuyệt đối mà từ diệt với bất tử thành vô nghĩa? Tự *Áo Nghĩa Thư* không đặt vấn đề dưới hình thức ấy và với những danh từ ấy – chỉ có thể được sau khi "hư vô chủ nghĩa Phật giáo" và "huyễn hóa luận" Vệ Đàn Đà đã qua trên cục diện tư tưởng và đổi thay ngôn từ với những quan niệm triết lý của ta. Nhưng *Áo Nghĩa Thư* chẳng phải không biết Tuyệt Đối bất khả tư nghị này là thực thể cuối cùng và tuyệt đối của đấng Chủ Tể cũng như đấng Chủ Tể là tuyệt đối của mọi cái hữu tồn trong hoàn vũ. Chính vì Cái Đó mà nó bắt đầu nói tới bằng cách duy nhất mà phàm thức con người có thể nói được.

Lời giải đáp của nó về vấn đề là Cái Ấy đích thực Bất Khả Tri Lượng mà ta không thể nói gì về bất cứ phương diện nào và bởi vậy trí năng ta phải yên lặng mãi mãi. Bảo nhận thức cái tuyệt đối Bất Khả Tri Lượng thì hẳn là vô nghĩa hay thiếu biểu minh thực tế. Chẳng phải cái ấy là một Hư Vô, một Phủ Định thuần túy nhưng nó không thể diễn bằng bất cứ danh từ đích xác nào mà phàm thức, lời lẽ hay trì giác ta có thể mà chỉ sơ bằng bất cứ cái nào cũng không thể nốt. Ta biết không được bao nhiêu; ta chỉ có thể đưa hiểu biết của mình vào những phạm trù của cái vốn ít ỏi này. Mà nếu suốt qua tới thực tướng của Phạm

Thế không phải là vũ trụ này chăng nữa thì ta cũng chỉ phác qua chứ không thực sự tả được. Vậy nếu ta nghĩ rằng ta biết hoàn toàn thì chính ta lại phơi bày cái ngu tối của mình; ta tỏ ra rằng sự thực ta biết rất ít, không có cả cái ít mà ta có thể khoác những hình thức hiểu biết. Bởi vũ trụ, chính là cái bề nhỏ, cái phân chia, chính là cái cắt vụn hữu tồn và ý thức mà ở đó ta hiểu biết và diễn tả sự vật bằng những mảnh và ta không bao giờ có thể thực sự lồng thể vô cực vào trong những giả tưởng của trí năng và ngôn từ ấy. Ấy thế là lại qua những nguyên lý biểu thị trong vũ trụ ta mới đạt Cái Ấy, qua sinh hoạt, phàm thức và cái nhận thức ấy cầm bắt lấy những Ý Niệm căn bản như những cái ngăn che Phạm Thể mà lại như khải thị Nó.

Nếu ta chỉ có thể hiểu Ý Thức chủ tế là sắc tướng Phạm Thể thì ta lại càng ít mong hiểu biết thực tướng hoàn toàn và bất khả tư nghị của nó siêu việt mọi nhận thức. Nhưng, nếu không có cái gì khác thì chẳng có một hy vọng gì cho linh hồn, và minh triết rút cục là một thứ bất khả trì luận khàm nhẩn. Sự thực là đấng Tối Cao – dầu bởi vậy mà siêu việt thức tính và nhận thức ta – vẫn tự hiến cho nhận thức cũng như thức tính ta bằng con đường hợp với từng thứ, và ta có thể nương theo đường ấy mà đạt tới Người nhưng chỉ với điều kiện là không lấy làm chân trị cái việc thấy được bằng phàm thức và hiểu biết bằng tư tưởng thượng đẳng của ta và không an trụ trong niềm thỏa mãn sở hữu.

Đường phải theo là sử dụng phàm thức ta đúng cách để đạt thứ nhận thức mở ra cho những khả năng thanh tịnh hóa cao nhất. Ta phải hiểu hình thức Phạm Thể, cái Ý Thức chủ tể của Thiên Đế, xuyên qua mà lại siêu việt vũ trụ ta sống. Nhưng thoạt tiên ta phải gạt cái trong vũ trụ chỉ là sắc tướng và hiện tượng; bởi cái ấy không có tương quan nào với sắc tướng Phạm Thể, cái xác thân của Chân Ngã, bởi không phải sắc tướng Nó mà chỉ là mặt nạ hết sức bề ngoài của nó. Vậy bước đầu tiên của ta phải vượt qua những hình thức Vật Chất, những hình thức Sinh Hoạt, những hình thức Phàm Thức và quay trở lại cái chủ yếu, thực hơn, gần chân thể hơn cả. Và cứ loại bỏ mãi như thế, cứ phân tích mãi như thế mọi sắc tướng để gỡ ra những chân thể căn bản của vũ trụ, ta khám phá ra rằng những căn bản này thực ra chỉ có hai, chính ta và chư thần.

Người ta đã giả thiết rằng chư thần của *Áo Nghĩa Thư* là những biểu trưng của những quan năng; nhưng dầu tác dụng trong của những quan năng mà chư vị lại vượt hẳn những quan năng. Chư vị biểu diễn mãnh lực thần linh trong những hiển thị hoàn vũ lớn căn bản, dầu trong con người hay nói chung trong phàm thức, sinh hoạt và vật chất; chư vị không hẳn là những biểu thị này, nhưng một cái gì của Thần Linh cần thiết cho cuộc vận dụng của chúng, làm nguyên nhân và sở hữu chủ trực tiếp. Chư vị là – như những *Áo Nghĩa Thư* khác bày tỏ – những biểu thị tự ngã

tích cực của Phạm Thể đưa tới thiện, hoan, minh, từ ái, bất tử, đối lập với mọi hủy thể tối tăm của những sự vật này. Và tất nhiên trong phàm thức, sinh hoạt, quan năng và lời lẽ của người ma cuộc giao phong tới cực điểm và đến gần ý nghĩa đầy đủ. Chư thần tìm cách đưa phàm thức, sinh hoạt quan năng, ngôn ngữ của người tới thiện với tuệ; những Khổng Lồ con cháu u minh tìm cách đâm qua bằng vô minh và ac lực[1]. Sau chư thần là Ý Thức chủ tể mà các người là những biểu thị hoàn vũ và tích cực về tự thể.

Thực thể kia biểu thị Phạm Thể trong vũ trụ là bản ngã của vật sinh hoạt và tư tưởng, con người. Bản ngã này cũng chẳng phải một mặt nạ bề ngoài; không phải là một sắc tướng phàm thức, một sắc tướng sinh hoạt, một sắc tướng xác thân nó. Chính là một cái gì phù trì những sắc tướng này và làm cho chúng khả hữu, một cái gì có thể nói quyết như chư thần rằng "Ta thực tại" chứ không chỉ "Hình như ta có". Vậy ta phải xét hai thực thể này và xem chân tướng của chúng trong những tương quan đối với nhau và với Phạm Thể; hay như *Áo Nghĩa Thư* nói, "Cái gì của Nó là ngươi, cái gì của Nó ở trong chư thần. Cái Đó ngươi phải gắng hiểu". Vậy cái gì của Phạm Thể là ta? Và vậy cái gì của Phạm Thể mà ở trong chư thần? Lời giải đáp thực hiển nhiên. Ta là một biểu thị trong vũ trụ – một biểu thị thực, bởi không có chư vị thì vũ trụ không thể

[1] Chhandogya Upanishad và Brihadâranyaka Upanishad.

tồn tại – một biểu thị của đấng Chủ Tể.Chân ngã tối cao duy nhất là yếu tính mọi hữu tồn cá thể nay; đấng Chủ Tể tối cao duy nhất là Thần tính trong chư thần.

Chân ngã với đấng Chủ Tể là một Phạm Thể duy nhất mà ta có thể thực hiện qua bản thân ta hay được thực hiện qua cái chủ yếu trong tác động hoàn vũ. Cũng như bản ngã ta xây dựng phàm thức ta, xác thân ta, sinh hoạt ta, quan năng ta, thì Chân Ngã này xây dựng mọi phàm thức, mọi xác thân, mọi sinh hoạt, mọi quan năng, nó là nguồn gốc và thực thể mọi sự vật. Cũng như chư thần được bản ngã ta phù trì, cai quản vũ trụ của con người cá thể ta, tác dụng của phàm thức ta, quan năng ta và sinh hoạt ta, thì đấng Chủ Tể, Huyền Thức của phàm thức, Quan Năng mọi quan năng, Nguồn Sinh của sinh hoạt, cai quản mọi vũ trụ và mọi hình thức hữu tồn, khi phù trì thần tính hoạt động của Người với tự thể lặng lẽ chủ yếu. Cũng như ta đã suốt qua mọi sắc tướng hoàn vũ mà đạt tới cái chủ yếu ở bản thể với tác động của chúng và khám phá bản ngã ta với chư thần thì ta cũng phải suốt qua bản ngã ta với chư thần mà khám phá Chân Ngã tối cao duy nhất với thần tính tối cao duy nhất. Lúc đó ta có thể nói "Tôi nghĩ rằng Nó được tôi nhận thức".

Nhưng ta phải dè dặt ngay một điều: tôi không nghĩ rằng tôi hiểu hoàn toàn, bởi điều này không có thể, như đã biết được về những công cụ nhận thức của ta. Không giây phút nào tôi lại nghĩ

rằng có thể hiểu cái Bất Khả Tri, rằng người ta có thể làm cho nó vào trong những hình thức mà tôi phải suốt qua để đạt Chân Ngã, đấng Chủ Tể; tuy nhiên tôi không còn trong vô minh nữa, tôi hiểu Phạm Thể theo cách duy nhất mà tôi có thể, ở khải thị về tự thể nó cho tôi với những sắc tướng không ngoài tầm mức tâm lý học của tôi, biểu thị như Chân Ngã và Chủ Tể. Bí mật của hữu tồn được khải thị một cách thỏa mãn con người tôi bởi nó đầu tiên là giúp tôi hiểu nó qua những hình ảnh đó theo mực độ nó có thể được tôi hiểu, và thứ là suốt qua, sống trong Phạm Thể, nhất như ở pháp và ở thể với Nó mà còn hòa nhập với Nó nữa là khác.

Nếu ta hiểu rằng ta đã thấu hiểu với phàm thức Phạm Thể đó và tự hoặc như vậy mà ta ấn định nhận thức ta về nó trong những giới hạn mà thức tính ta khám phá thì nhận thức ta không phải là nhận thức chỉ là nhận thức thâu hẹp biến thành sai lầm. Khi ấy những kẻ thử toan lồng nó vào quan niệm ta về những ý niệm căn bản mà ta dùng để phân biện bằng tư tưởng vượt lên tri giác phàm thức, cũng không có phân biệt thực về Phạm Thể bởi họ lấy ít nhiều ý niệm tượng trưng làm Thực Tướng. Trái lại nếu ta nhận rằng những tri giác phàm thức cũng chẳng qua như những đường dây đưa ta vượt lên tri giác phàm thức, và nếu ta sử dụng những ý niệm – tượng trưng này với sự phối hợp do tư tưởng ta để siêu việt tượng trưng mà đạt tới thực tướng thì ta đã

sử dụng đúng phàm thức với phản biện siêu việt theo ý đồ tối cao của chúng. Phàm thức với phản biện thượng đẳng được hài lòng vì Phạm Thể bởi chính lẽ bị nó vượt qua.

Phàm thức chỉ có thể phản ánh trong một thứ lý giải và giác ngộ siêu việt, cái sắc tướng, cái ảnh tượng của tối cao đúng như nó hiện ra với thức tính ta. Qua phản ánh này ta khám phá, ta hiểu biết, ý đồ của nhận thức được trọn vẹn bởi ta thấy bất diệt; ta vào trong chân pháp, hữu thể, cực lạc của ý thức Phạm Thể. Khi thực hiện Phạm Thể như chân ngã ta, ta thấy sức mạnh, năng lượng thần linh đưa ta lên khỏi giới hạn, yếu đuối tối tăm, phiền não, cái chết rải khắp cuộc hữu tồn phàm tục; vì hiểu biết Phạm Thể duy nhất ở vạn vật và ở khắp chuyển động biến hóa của vũ trụ, ta siêu việt mọi thứ này, đạt tới vô cực, hữu thể toàn năng, tuệ quang toàn tri, cực lạc thuần túy của hữu tồn thần linh này.

Và cuộc trọn vẹn lớn này phải thực hiện ngay đây, ở cõi phàm trần, ở xác thân hữu hạn này; bởi lúc đó ta sẽ đạt tới cuộc sống thực của ta và sẽ không bị ràng buộc và giới hạn trong cuộc sinh hóa phù tướng của ta nữa; nhưng nếu ta không đạt tới ở ngay cõi trần này, thì sự mất mát và vong tiêu thực lớn lao; bởi ta cứ ở mãi trong tình trạng đắm chìm trong cuộc sống phù tướng của phàm thức và xác thân mà không thể vượt lên để tới hữu tồn siêu thức chân chính. Và nếu ta không thực hiện cuộc trọn vẹn ấy dưới cõi trần này thì cái chết cũng không đem nó cho ta với

cuộc đi sang một thế giới khác dễ dàng hơn. Chỉ những kẻ dùng tư tưởng tinh táo và sáng suốt để phân biệt và khám phá cái Nhất Chân ấy, Bất Diệt ở mọi hữu tồn, chân ngã phát sinh tất cả, đấng Chủ Tể trú ngự tất cả, chỉ những kẻ đó mới có thể băng qua lối thực siêu việt tử sinh, có thể ra khỏi thân phận phàm tục này, tiến vượt lên và vượt tới một bất diệt ngoài thế gian.

Vậy đó là phương tiện nắm lấy và mục đích đạt tới mà không còn cách khác. " Không còn lối nào khác cho cuộc hành trình lớn". Chân Ngã và đấng Chủ Tể là Phạm Thể Tối Cao bất khả định, bất khả tri, bất bất khả thuyết; và khi ta lại chỉ tìm cái đối với ta bất khả định và bất khả thi thì ta cũng vẫn chỉ thấy Chân Ngã và Chủ Tể đầu hởi một nỗ lực không phải là con đường trực tiếp cũng như con đường duy nhất khả hữu để cho linh hồn nhập thể tìm cái thực hiện cuộc sống chân chính ở cõi trần này. Chân Ngã với Chủ Tể là Thực Thể biểu thị bản thân hiện ra trước con người như đối tượng khát vọng cao nhất và thực hiện mọi hoạt động của nó.

XIII

Sau khi khẳng định khả tri tính tương đối của Phạm Thể bất khả tri và biện chính cho khát vọng của linh hồn vươn tới cái siêu việt khả năng và tình trạng hiện hữu của nó, *Áo Nghĩa Thư* ban tới những phương tiện mà khát vọng cao cả này có thể dùng để giao hội với đối tượng tìm kiếm.

Làm sao vượt qua được tấm màn che? Làm sao mà ý thức chủ tể của đấng Tối Linh? Cái cầu nào trên vực đó? Nhận thức đã được chỉ định như phương tiện tối cao hiến cho ta, một nhận thức bắt đầu bằng một thứ phản chiếu hữu tồn chân chính vào trong sự lý giải của phàm thức giác ngộ. Nhưng Huyền Thức là một trong chư thần; Tuệ Quang ẩn sau người thực ra là vị thần lớn nhất, Đế Thích. Rồi cuộc tỉnh thức của mọi vị thần, bởi vị lớn nhất, trước thực thể của chính cái là chư vị, Thần Tính duy nhất mà chư vị biểu thị. Thức tính mở ra đón Tuệ Linh của phàm thức ta, mọi quan năng với ngôn ngữ cũng sẽ mở theo đón Quan Năng của mọi quan năng ta, đón Thượng Ngôn sau ngôn ngữ ta, và sinh hoạt sẽ mở ra đón Nguồn Sinh của sinh hoạt ta, Áo Nghĩa Thư bèn khai triển kết quả sự khêu gợi căn bản của mình bằng một tỉ dụ, một ngụ ngôn linh động.

Chư thần những quyền năng khẳng định cho Thiện, cho Tuệ, cho Hoan, cho Mỹ, cho Lực và cho Chủ Tể, thấy mình thắng trong cuộc chiến đấu miên trường với những quyền năng hủy diệt. Chính Phạm Thể đứng sau chư thần và chiến thắng cho chư vị; bậc Chủ Tể tất cả hướng dẫn tất cả đã ném vào bàn cân ý lực quyết định của Người hạ thấp những đứa con u minh và phấn khởi những đứa con Minh Tuệ. Ở cuộc chiến thắng này của đấng Chủ Tể tất cả, chư thần ý thức về một phát triển mình mãnh liệt, một nảy nở rực rỡ sự cao cả của họ nơi người, sự

hoan hỉ, tuệ giác, vinh quang, quyền năng và khoái lạc. Nhưng thị lực của họ còn chưa mở ra, còn đóng kín đối với chân lý sâu xa của chính họ; họ hiểu mình mà không hiểu Hằng Hữu; họ hiểu những thần linh mà không hiểu Thiên Đế. Bởi thế cho nên họ coi chiến thắng như chiến thắng của họ, sự cao cả như cao cả của họ. Sự nảy nở phong phú này của họ chính là sự tiến bộ của con người tới lý tưởng bình thường của một thức tính hoàn toàn sáng suốt, một sinh lực lành mạnh, một xác thân với những quan năng điều hòa, một cuộc sống nhịp nhàng, phong phú, hoạt động và sung sướng, lý tưởng Hi Lạp mà thế giới kim thời coi như khả năng cao nhất của ta. Khi một cuộc nảy nở như vậy phát sinh, trong cá thể hay trong tập thể, thì chư thần nơi người thành sáng láng, mạnh mẽ, sung sướng; họ cảm thấy họ đã chinh phục thế gian, và họ liền chia xẻ cho nhau vui hưởng.

Nhưng đó không phải là ý đồ trọn vẹn của Phạm Thể trong vũ trụ cũng như tạo vật. Sự cao cả của chư thần là chiến thắng của chính Nó, cao cả của chính Nó; và chỉ đem ban phát để cho người đến gần điểm mà những năng lực của hắn phải khá mạnh để tự vượt mình và thực hiện Siêu Việt. Bởi thế cho nên Phạm Thể hiển thị trước chư thần đương mừng rỡ trong thế giới thực chỉnh đốn của họ và lấy yên lặng của Mình đặt cho họ câu hỏi rung chuyển trái tim, rung chuyển thế giới:

"Nếu tất cả các ngươi là hiện hữu thì ta là chi?

Bởi, hãy xét xem, Ta hiện hữu, Ta đây này". Dầu hiển thị mà Nó không tỏ lộ, nên Nó chỉ được thấy và cảm nhận bởi họ như một hiện diện kinh khủng mơ hồ, vị Yaksha, vị Mãnh Linh, Thần Linh, cái quyền năng bí mật, vị Khủng Khiếp siêu việt thiện ác, mà đối với vị ấy thiện ác chỉ là những khí cụ cho cuộc biểu thị trọn cùng của mình. Thế là kinh dị và hoang mang trong thần hội; chư thần cảm thấy một đòi hỏi và một đe dọa; họ cảm thấy, về phía ác, những quyền năng khủng khiếp và ma quỷ, còn chưa từng được biết và chưa từng bị chế ngự, không chừng đến phá hủy cái thế giới đẹp đẽ mà họ đã xây dựng, nhấc lên và đánh vỡ sự hài hòa rực rỡ của trí năng, của tinh thần thẩm mỹ, của bản tính đạo đức, của những dục vọng sinh hoạt, của xác thân và của quan năng mà họ đã công phu thiết lập; và về phía thiện, những đòi hỏi chưa được biết vượt những thứ ấy, mà vì thế cũng lại là một đe dọa, bởi chút ít đã thực hiện không thể chống lại với cái nhiều không thực hiện, không thể cản đường cái rộng lớn, cái vô cực dồn phá những bức tường mỏng manh mà ta đã dựng lên để ấn định và chở che bản thể với khoái lạc hữu hạn của ta. Phạm Thể hiện ra với chư thần như đấng Khôn Lường; chư thần không hiểu Mãnh Linh này là chi.

Bởi thế cho nên Hỏa Thần đứng dậy đầu tiên theo lời mời của họ để khám phá bản tính Nó, giới hạn Nó, chân tướng Nó. Chư thần *Áo Nghĩa Thư* khác chư thần *Rig Vệ Đà* về một điểm thực

quan trọng; những vị xưa chẳng những là năng lực của Nhất Chân, mà con ý thức về nguồn gốc và chân tướng của mình, họ hiểu Phạm Thể, họ ở trong Thần Linh tối cao; nguồn gốc, trú sở và bình diện riêng của họ là Chân Lý siêu thức. Quả thật họ biểu thị ở người dưới sắc tướng những năng lực phàm nhân và khoác vẻ giới hạn phàm nhân; quả là họ biểu thị trong vũ trụ hạ tầng và vào khuôn khổ những tác dụng hoàn vũ; nhưng chỉ là chuyển động nhỏ của chư vị, chuyển động hạ tầng của chư vị, mà ở ngoài cái đó họ bao giờ cũng là Nhất Chân Siêu Việt và Huyền Diệu, Chúa Tể của Mãnh Lực Cực Lạc Nhận Thức và Hằng Hữu. Nhưng trong chư *Áo Nghĩa Thư*, ý niệm về Phạm Thể đã lớn mạnh và làm cho chư thần mất thế ưu việt này đến nỗi họ chỉ xuất hiện trong cuộc vận dụng phàm tục thuộc vũ trụ hạ tầng. Họ còn giữ nhiều sắc thái Vệ Đà khác của họ. Ba vị thần Đế Thích, Phong Thần, Hỏa Thần biểu thị trong *Áo Nghĩa Thư* Thần Linh hoàn vũ trên mỗi thứ của ba bình diện, Đế Thích trên bình diện thức, Phong Thần trên bình diện sinh hoạt, Hỏa Thần trên bình diện vật chất. Bởi thế cho nên theo thứ tự ấy, bắt đầu bằng bình diện vật chất mà họ đến gần Phạm Thể.

Hỏa thần là sức nóng và ngọn lửa của sắc tướng ý thức trong Vật Chất, đã dựng lên vũ trụ; chính người đã làm cho sinh hoạt và phàm thức khả hữu và đã khiến chúng xuất hiện trong vũ trụ vật chất mà người là thần linh lớn nhất. Người

đặc biệt là kẻ đầu tiên phát khởi lời lẽ mà Phong Thần là phương tiện và Đế Thích là Đế Chủ. Cái nhiệt năng ý thức lực trong vật chất là hỏa thần Agni Jatavedas. Đấng-tỏ-mọi-xuất-sinh; về mọi vật sinh ra, mọi hiện tượng hoàn vũ, người biết cái pháp, với quá trình, giới hạn, tương quan. Vậy nếu là một xuất sinh mãnh liệt nào trong vũ trụ này xảy ra trước chư thần, cái bất định mới nào hiện ra trong cuộc triển diễn và chiến đấu hoàn vũ thì ai phải biết nó, định những giới hạn, mãnh lực với những khả năng tính của nó nếu không phải Hỏa Thần Agni Jatavedas?

Tự tin nên người lao tới đối tượng khảo sát và vấp phải thách thức: "Ai đó? Thế thì hỏi sức trong mình?" Tên người là Agni Jatavedas, mãnh lực căn bản mọi xuất sinh, mọi chuyển động trong vũ trụ vật chất, bao quát và hiểu những hoạt tác của chúng, và sức trong mình người mạnh đến mức có thể nuốt tiêu mọi cái xuất sinh như thế vì người là lửa Thời Gian và Tử Thần.

Mọi vật đều là thức ăn của người, người tiêu hóa thành những chất liệu cho một tạo tác mới, một xuất sinh mới. Nhưng Kẻ Nuốt Tiêu tất cả dùng hết sức mà cũng không thể nuốt tiêu nổi một ngọn cỏ tơ mành bởi ngọn cỏ có đằng sau mãnh lực của Hằng Hữu. Hỏa Thần đành phải thoái lui, không tìm ra được. Chỉ một điều chắc chắn là Mãnh Linh này không phải là một Xuất Sinh của Thời gian; vì nó quá lớn đối với Hỏa Thần.

Một vị thần khác đứng lên theo tiếng gọi. Ấy là Phong Thần Vâyu Matarishvan, nguyên lý sinh hoạt lớn, hoạt động, hô hấp tràn lan đến vô tận trong nguyên tố – mẹ. Mọi vật trong vũ trụ là tác động của Sinh Hoạt mãnh liệt này; chính người đã kích thích Hỏa Thần và bí mật đặt vào trong mọi hữu tồn; chính vì người mà những thế gian đã được thiết lập để cái Sinh có thể được hoạt động vẫy vùng và vui hưởng ở đó. Nếu Mãnh Linh này chẳng phải một Xuất Sinh Vật Chất, mà là Mãnh Lực Sinh Hoạt phi thường nào đó trong chỗ thẳm sâu cũng như cao siêu của hữu thể, thì ai phải hiểu nó, nếu chẳng phải Phong Thần Vâyu Matarishvan?

Và cũng lại bước tiến tự tín đến đối tượng, cũng lại lời thách thức kinh khủng: "Ai đó? Thế thì hỏi sức trong mình?" Chính là Phong Thần Vâyu Matarishvan, và mãnh lực ở người lớn đến nỗi người, sự Sinh Hoạt, trong cuộc nảy nở, có thể nắm lấy như chơi mọi vật và chiếm hữu để chế ngự và vui hưởng. Nhưng đến cái tơ mành chẳng đáng chi cũng không cầm bắt và chế ngự nổi bởi cái khiên của đấng Toàn Năng ngăn giữ. Phong Thần cũng lại đành trở lui không tìm ra được. Chỉ một điều chắc chắn là Cái ấy không phải là một thứ sắc tướng hay mãnh lực Sinh Hoạt vũ trụ chuyển động trong giới hạn của thúc đẩy sinh hoạt có thể cầm nắm tất cả; nó quá lớn đối với Phong Thần.

Lúc đó Đế Thích đứng lên. Đấng hùng mạnh, đấng Phong Phú Đế Thích là quyền năng của

Thức; những quan năng mà Sinh Hoạt sử dụng để vui hưởng là những tác dụng do Đế Thích điều khiển để nhận thức và mọi vật mà Hỏa Thần đã dựng lên và đương phù trì cùng tiêu hủy trong vũ trụ là lãnh vực của Đế Thích và lý do hoạt động của người. Vậy nếu hữu tồn bí ẩn này là vật mọi quan năng có thể hiểu nổi, nếu là vật mà mọi phàm thức có thể hình dung thì Đế Thích phải hiểu và thâu nhập vào những sở hữu phong phú của người. Nhưng tuyệt không phải là thứ mà quan năng hiểu nổi hoặc phàm thức hình dung nổi bởi ngay khi Đế Thích tới gần thì nó biến mất. Phàm Thức có thể hình dung cái giới hạn bởi Thời Gian và Không Gian, mà Phạm Thể này lại – như đã nói trong *Rig Vệ Đà* – là cái không là hôm nay cũng như ngày mai, và, dầu nó hoạt động và có thể đến gần ở bản thể ý thức của mọi hữu tồn ý thức, mà khi phàm thức thử toan đến gần nghiên cứu nó ở tự thể thì nó biến khỏi tầm phàm thức. Cái Biến Tại không thể bị các quan năng thấu đạt, cái Toàn Tri không thể bị phàm thức nhận tri.

Nhưng Đế Thích không bỏ cuộc tìm tòi như Hỏa Thần và Phong Thần; người tiếp tục con đường qua thượng thanh khí của thức tính thuần tinh, và ở đó người gặp Thần Nữ, Umā Haimavati huy hoàng vạn tướng; nhờ nàng mà người hiểu rằng Mãnh Linh này là Phạm Thể mà chư thần của thức, của sinh hoạt và xác thân đã chỉ có nhờ đó mà chiến thắng và biểu minh mà họ được cao cả

cũng chỉ ở đó. Umâ là Tự Tính tối cao mà mọi tác dụng hoàn vũ bắt nguồn; nàng là đỉnh thanh tịnh và quyền năng cao nhất của Nhất Chân rực rỡ nơi hạ giới với những sắc tướng biến hóa. Chính nhờ Tự Tính tối cao này cũng là Ý Thức tối cao mà chư thần phải hỏi ra chân lý của chính mình, và như thế bằng cách phản chiếu nó ở bản thân chứ không phải tự giới hạn ở tác động hạ đẳng của chính họ. Bởi nàng có nhận tri và ý thức về Nhất Chân còn tự tính hạ đẳng của phàm thực, sinh hoạt và xác thân chỉ hình dung nổi thiên sai vạn biệt. Bởi thế dầu Đế Thích, Phong Thần và Hỏa Thần là những vị thần lớn nhất – vị thứ nhất đạt tới mực biết có Phạm Thể, những vị kia tới gần, mới đụng – tuy nhiên chỉ khi nào tiếp xúc với ý thức tối cao và phản ảnh bản tính của nó, chỉ loại bỏ ngã chấp về sinh hoạt, phàm thức và xác thân thể nào mà tất cả nhiệm vụ của họ chỉ là phản ảnh Nhất Chân và Tối Cao thì chư thần mới có thể nhận tri và sở hữu Phạm Thể. Mãnh lực ý chí phù trì cuộc sống nhập thể của ta phải trở thành vô điều kiện một tấm gương phản chiếu Ý Thức tối cao này, quyền năng tối cao mà tác dụng bình thường lớn nhất chỉ là một hình ảnh mập mờ; Sinh Hoạt phải thành một phản chiếu, cảm ứng mãnh liệt, một hình ảnh thuần túy của Nguồn Sinh tối cao này lớn hơn tất cả sinh lực hiện hành và tiềm tàng của ta; thức phải chịu phận không là gì khác tấm gương thực mặt cho hình ảnh Hữu Tồn siêu thức. Bởi sự dàng hiến ý thức này về phàm thức, sinh hoạt và

mọi quan năng cho Chủ Tể mọi quan năng, sinh hoạt và phàm thức ta, đấng duy nhất thực sự điều khiển tác động của chúng bằng cuộc biến đổi cuộc hữu tồn hoàn vũ thành tấm gương thực mặt cho Hằng Hữu, mà ta có thể hi vọng nhận thức – và, bởi nhận thức, thấu đạt – cái đối với ta là siêu thức; lúc đó ta bước vào Yên Lặng là chủ một hoạt động vĩnh cửu vô biên, tự do và cực lạc.

XIV

Phương tiện để hiểu Phạm Thể, như ta đã thấy, đã trở lui sau những sắc tướng hoàn vũ đến cái chủ yếu trong hoàn vũ – mà cái chủ yếu hai tầng: chư thần trong Tự Nhiên và Chân Ngã trong cá thể – rồi khám phá ra đằng sau chư thần và Chân Ngã cái Siêu Việt mà chúng biểu thị. Tương quan thực sự của chư thần đối với Phạm Thể ở quá trình nhận thức thần linh đã định rồi. Những then máy hoàn vũ mà qua đó chư thần với phàm thức, sinh hoạt, ngôn ngữ, quan năng, xác thân tác dụng, phải ý thức về cái siêu việt điều khiển chúng, mà chúng hữu tồn và hoạt động vì đó, mà chúng tiến hóa, phát triển và đạt mãnh lực hoan hỉ, khả năng vì sức đó; chúng phải quay về cái đó, bỏ những tác dụng bình thường; bỏ những cái này, bỏ những ý niệm sai lầm về một hành động tự độc lập và tự xử trí – đó là một ngã chấp của phàm thức, sinh hoạt và mọi quan năng – chúng phải thành cảm ứng có ý thức, tùy thuộc mãnh lực, tuệ quang và hoan hỉ của cái gì

trên chúng. Khi ấy rút cục thần linh Bất Khả Mệnh Danh phán chiếu rõ ràng trong chư thần. Tuệ quang của Người làm chủ phàm thức tư duy, mãnh lực và hoan hỉ của Người làm chủ Sinh Hoạt, tuệ quan và hoan hỉ của người làm chủ phàm thức đa cảm với những quan năng. Một cái gì của hình ảnh Phạm Thể tối cao rơi xuống tinh phàm và biến thành thần tính.

Chẳng phải vì một phép lạ đột nhiên mà mọi điều ấy thành tựu. Nó đến bằng những lần chớp, thần khải, cảm kích đột nhiên và tia sáng chợt qua; cũng như một chớp giật thần khải vụt lóe trên trời rồi trở về nguồn bí mật, như một mí mắt mở ra với một thị kiến nội tâm rồi nhắm mau bởi con mắt không thể ngắm lâu và chăm chăm vào ánh sáng tuyệt đối.

Những cảm kích, những cuộc viếng thăm cõi bên kia diễn đi diễn lại làm cho chư thần chuyên định vào cuộc chiêm niệm, vào cuộc kỳ vọng những thượng giới, sự diễn đi diễn lại bền bỉ làm cho nó chuyên định vào một cảm ứng bền bỉ; phàm thức, sinh hoạt và quan năng, thôi hướng ngoại để cầm bắt những sắc tướng vũ trụ sẽ càng ngày càng thêm chuyên định vào ký ức, lý giải, hoan hỉ vì tiếp xúc và thị kiến vinh quang siêu việt mà họ quyết định từ nay là coi như đối tượng duy nhất; chỉ với cái ấy mà họ sẽ tập cảm ứng chứ không phải với những tiếp xúc ngoại vật. Cái yên lặng buông xuống họ và bây giờ là căn bản và thân phận họ sẽ thành nhận thức của họ

về yên lặng thiên cổ là Phạm Thể; cảm ứng của hoạt động họ đối với một tuệ quang, một mãnh lực, một hoan hỉ tối cao, sẽ thành nhận thức của họ về hoạt động thiên cổ là Phạm Thể. Thân phận khác, cảm ứng khác, hoạt động khác, họ không biết. Phàm thức sẽ chỉ biết có Phạm Thể, chỉ nghĩ có Phạm Thể, Sinh Hoạt sẽ chỉ bị lôi cuốn vì Phạm Thể, sẽ ấp ôm có Phạm Thể, vui hưởng có Phạm Thể, con mắt sẽ chỉ thấy, lỗ tai sẽ chỉ nghe, những quan năng khác chỉ tri giác có Phạm Thể.

Vậy mục đích có phải là hoàn toàn lãng quên ngoại vật? Phàm thức với những quan năng phải rút vào nội tâm và rơi vào một trạng thái xuất thần bất tận chăng? Cuộc sống phải mãi mãi thành bất động chăng? Có thể vậy, nếu muốn nhưng không nhất định phải thế cũng như không cần thiết. Thức phổ quát hoàn vũ, duy nhất ở khắp cả; cũng như thế là Sinh Hoạt, cũng như thế là mọi quan năng, cũng như thế là Vật Chất của xác thân; và khi chúng chỉ hữu tồn nơi Phạm Thể và cho Phạm Thể thì chẳng những chúng hiểu điều đó mà còn tri giác, cảm giác và sống cuộc sống nhất như phổ quát này. Bởi thế cho nên dầu cái vật mà chúng quay về ra sao và vật đó bây giờ như ở bên ngoài đối với những giác quan, phàm thức và sinh hoạt cá thể - thì lúc đó cái chúng sẽ nhận thức, tư duy, tri giác, ôm ghì, cái chúng sẽ vui hưởng, không phải là hình thức sự vật mà bao giờ cũng chỉ là Phạm Thể. Hơn nữa,

cái bên ngoài không còn tồn tại đối với chúng, bởi sẽ không có gì bên ngoài nữa, mọi vật đối với ta thành bên trong, ngay đến cả thế gian với mọi thứ hữu tồn ở thế gian này. Bởi giới hạn của tiểu ngã, bức tường của cá tính sẽ bật vỡ; Thức cá thể thôi không nhận mình như cá thể; nó sẽ chí ý thức về Thức phổ quát duy nhất ở khắp cả, ở đó những cá thể chỉ là những nút dây của thức tính độc nhất; cũng như cuộc sống cá thể sẽ mất ý thức phân ly và chỉ sống trong Sinh Hoạt duy nhất và ở nguyên tính Sinh Hoạt duy nhất mà mọi cá thể chỉ là những con xoáy của luồng sóng hoạt động linh khí *prâna* không thể phân chia; ngay xác thân với những quan năng cũng không ý thức về một hữu tồn phân biệt, nhưng chân thân mà con người cảm thấy cụ thể sẽ là tất cả Địa Giới và tất cả vũ trụ với tất cả hình thể, không thể phân chia, của vạn vật hữu tồn khắp nơi; và những giác quan cũng sẽ chuyển hóa theo nguyên lý cảm giác này, đến nỗi ngay ở cái ta gọi là bên ngoài thì mắt cũng chỉ thấy Phạm Thể ở mọi hình ảnh, tai chỉ nghe thấy Phạm Thể ở mỗi âm thanh, thân bên trong hay bên ngoài chỉ cảm thấy Phạm Thể ở mỗi tiếp xúc lại còn cảm thấy mọi tiếp xúc như nội tại ở cái thân lớn hơn nữa là khác. Linh hồn của kẻ mà chư thần chuyển hóa theo pháp, theo đạo lý tối cao ấy, sẽ thực hiện ngay trong vũ trụ và ở khắp thiên sai vạn biệt cái chân lý của Duy Nhất không có cái gì khác, không có cái thứ hai bên nó. Hơn nữa,

thành nhất như với cái Không Hình Tướng và Vô Cực, nó sẽ vượt cả vũ trụ và thấy mọi thế giới không phải bên ngoài, không phải cùng tầm mức với nó nữa là khác, mà như ở trong nó.

Thực ra, trong thực hiện cao nhất, sẽ không phải về Huyền Thức, Sinh Hoạt, mọi Quan Năng mà chính phàm thức, sinh hoạt, quan năng thoạt nảy ý thức, nhưng về cái cấu thành chúng thì đúng hơn. Vì quá trình thăm viếng bền bỉ, đụng chạm và ảnh hưởng thiêng liêng này mà Thần Linh của phàm thức, nghĩa là siêu thức sẽ làm chủ sức lý giải của phàm thức và bắt đầu biến đổi tất cả thị kiến và tư duy thành tuệ thể và quang chấn của siêu thức. Những quan năng cũng biến đổi vì những viếng thăm của Quan Năng siêu việt mọi quan năng, và ngay đến tất cả quan niệm về cơ năng – giác quan của vũ trụ sẽ biến đổi đến nỗi cái sinh chất, cái thức chất và cái siêu thức chất sẽ hiển thị đối với mọi quan năng, cái vật lý chỉ còn là kết quả cuối cùng, cái nhỏ nhất và bề ngoài nhất. Sinh hoạt cũng sẽ thành một tác động ý thức của Mãnh Lực ý thức vô biên; nó sẽ thành không riêng tư, không bị giới hạn vì những hành vi đặc biệt hay một hưởng dụng đặc biệt, không bị ràng buộc vì những kết quả hay động chạm của tội lỗi và khổ đau, mà rạng rỡ, không giới hạn, bất diệt. Ngay đến thế giới vật chất đối với chư thần này cũng sẽ thành một hình ảnh của Siêu Thức vô cực, sáng láng và cực lạc. Sự biến diện chư thần là như vậy; nhưng còn gì xảy đến cho ngã? Bởi ta đã thấy hai thực

thể căn bản là chư thần với ngã; và cái ngã ở ta lớn hơn những quyền năng vũ trụ, sự hiến mình dâng Thiên Đế trọng yếu hơn mọi biến diện của thần linh hạ đẳng này cho sự hoàn toàn và thực hiện bản thân ta. Bởi thế cho nên chẳng những chư thần phải tìm thấy Thần Linh duy nhất của chư vị và tiêu nhập vào Người nghĩa là chẳng những mọi nguyên lý hoàn vũ tác dụng nơi ta phải tiêu nhập vào hoạt động của Nhất Chân, nguyên lý mọi nguyên lý, để chỉ hình thành một hữu tồn thống nhất, một tác dụng duy nhất của Cái ấy mặc mọi trò phân hóa – nhưng cũng lại cần thiết sâu xa hơn nữa là cái ngã ở ta phù trì cho tac dụng của chư thần phải khám phá và thấu đạt Chân Ngã duy nhất của mọi hữu tồn cá thể, Thần Linh không thể phân chia mà mọi linh hồn chỉ là trung tâm tối tăm hoặc sáng láng, của chính ý thức nó.

Bởi cái ấy là phần chủ yếu của một hữu thể phàm thức nên ngã của người sẽ thực hiện bằng phương tiện phàm thức. Ở chư thần, sự biến diện bởi chính Siêu Thức thăm viếng bản thể họ và lấy những làn chớp mở thị kiến của họ tới mực biến đổi; nhưng phàm thức có thể gây một tác dụng khác chỉ là một tác động phàm thức ở bề ngoài, mà thực ra là tác động của ngã trở về với thực thể chính mình. Phàm thức như đi đến Cái Ấy và đạt đáo; nó được nâng lên khỏi mình với một cái gì vượt nó, và, dầu nó ngã nhưng cái ý chí nhận thức trong tư tưởng phàm thức, nhờ phàm thức, vẫn nhớ lại không nguôi và rốt cục,

theo cách bất đoạn, nó tới cái đã thấu suốt. Bằng phương tiện phàm thức, Chân Ngã chiếm lấy cái đó và trụ trên đó, cứ thế, cứ thế cái ấy đến mực rốt cuộc nhập thể với nó thanh có thể an trụ nơi siêu việt này. Cái đó vượt phàm thức, vượt sự cá thể hóa do phàm thứccủa chính nó về hữu thể mà nay nó biết là mình; nó lên và lấy Chân Ngã của tất cả làm căn bản, lấy tình trạng vô cực hoan hỉ bản nhiên là biểu thị tối cao của Chân Ngã. Bởi bất diệt siêu việt là hữu tồn tâm linh mà chư *Áo Nghĩa Thư* bảo là mục đích con người và do đó con người ra khỏi cảnh sinh tử để vào những tầng trời tinh thần.

Lúc đó ra sao chư thần và hoàn vũ với mọi cái mà đấng Chủ Tể cho xuất hiện ở bản thể người? Mọi cái đó không biến tiêu chăng? Sự biến diện của chính chư thần há chẳng phải là một trạng thái phụ thuộc thôi mà qua đó ta đi đến chỗ siêu việt này và ta lột bỏ đi ngay khi đạt tới? Và với sự biến mất của chư thần với hoàn vũ, thì ngay đấng Thiên Đế, Ý Thức chủ tể há chẳng biến nữa hay sao đến nỗi không có gì tồn tại trừ cái duy nhất, cái thuần túy Hữu Tồn – bất định thể, cực lạc bản nhiên, trong một vô vi thiên cổ, một bất sáng hóa thiên cổ.

Đó là kết luận của *Vệ Đàn Đà* hậu kỳ trong hình thức nhất nguyên cực đoan và cũng là cái nghĩa nó thử toan tìm ra ở mọi *Ao Nghĩa Thư*; nhưng người ta nên nhận biết rằng, trong những danh từ của *Isha* và *Kena*, tuyệt đối không có

gì biểu lộ , không một lời bóng gió, không một thoáng gì gọi là có. Nếu ta muốn tìm thấy ở đó thì ta phải nặn ra ngay những danh từ sử dụng cũng lại thuận hợp cho kết luận của những hệ thống *Vệ Đan Đà* khác coi mục đích là cực lạc vĩnh cửu của linh hồn trong một *brahmaloka* – một thế gian Phạm Thể - ở đó nó nhất như một hữu tồn vô biên và đồng thời theo một nghĩa, vẫn còn là một linh hồn có thể vui hưởng, ngay trong nhất như, sự phân biệt.

Tiết tiếp theo chứa đựng lời giảng dạy cao tột của *Áo Nghĩa Thư*, kết quả cuộc siêu việt lớn đã giải bày, rồi diễn tả bất diệt mà những linh hồn giác ngộ đạt tới khi vượt qua tình cảnh sinh tử. Phạm Thể như lời tiết đó - ở bản tính là "Lạc Ấy", *tadvanam*. *Vana* là danh từ Vệ Đà để chỉ sự hoan lạc, vậy *tadvanam* có nghĩa là Hoan Lạc siêu việt, cái *ânanda* cực lạc mà *Taittirîya Upanishad* nói đến như Phạm Thể cao nhất xuất sinh mọi hữu tồn, nhờ đó mọi hữu tồn sinh hoạt và nảy nở và nơi đó mọi hữu tồn đi tới khi ra khỏi tử sinh. Phạm Thể phải được sùng bái và kiếm tìm như thế, tức Cực Lạc siêu việt. Vậy nói đến bất diệt là chư *Áo Nghĩa Thư* muốn chỉ toàn phúc đó. Mà biết và sở hữu Phạm Thể như hoan lạc tối cao thì đạt kết quả nào? Ấy là đối với kẻ biết và sở hữu Phạm Thể thì nguyện vọng mọi chúng sinh hướng về. Nói cách khác, kẻ đó thành một trung tâm Cực Lạc thần linh, rải xuống khắp thế gian, lôi cuốn tất cả về mình như về một nguồn hoan hỉ và yêu thương với trọn vẹn bản thân trong vũ trụ.

Lời giảng dạy của *Áo Nghĩa Thư* đạt cao điểm như vậy; người ta muốn lời mật truyền thấu suốt chân lý nói chung, *Upanishad*, thì giáo lý này đã ban để đáp lại, đã được nói ra. *Áo Nghĩa Thư* của Phạm Thể, chân lý tối chung, bí ẩn của Hữu Tồn tối cao; nó đã được bắt đầu bằng cuộc tìm kiếm Thiên Đế, Chủ Tể phàm thức, sinh hoạt, ngôn ngữ và mọi quan năng, ở người là tuyệt đối của phàm thức, tuyệt đối của sinh hoạt, tuyệt đối của ngôn ngữ và mọi quan năng; nó tận cùng bằng cuộc khám phá ra Người như Toàn Phúc siêu việt, bằng sự thăng hóa linh hồn tìm thấy và sở hữu thành một trung tâm sống của Cực Lạc ày mà chúng sinh trong vũ trụ quay về như suối nguồn cho những cuộc xuất thần nhập hóa.

* *

*

Áo Nghĩa Thư tận cùng bằng 2 tiết như tóm tắt và biểu thị đặc tính toàn tác phẩm theo thể cách những Kinh Điển xưa khi kết thúc. *Áo Nghĩa Thư* này – hay phúc âm của Chân Lý thâm mật nhất của sự vật có căn bản, theo kết luận, là thực hành tự chủ, hành động và tùy thuận của sinh hoạt giác quan đối với quyền năng của Tâm Linh. Nói cách khác, sinh hoạt với hành nghiệp phải sử dụng như phương tiện ra khỏi trạng thái hệ lụy đặc biệt của linh hồn trong vô minh để đạt được trạng thái tự chủ tuyệt đối, cuộc toàn tự chủ tuyệt đối của Linh Hồn tối cao thiết định trong nhận thức. Chư Vệ Đà – nghĩa là lời lẽ của

những đấng trực kiến thần nhập với những chân lý chứa đựng - được gọi là mọi chi phần của chư *Áo Nghĩa Thư*. Nói cách khác, mọi phương diện hội tụ, mọi yếu tố cần thiết cho công cuộc lớn lao này, cuộc rèn luyện sâu xa về tâm lý và nguyện vọng tâm linh này đều được giải bày trong những Kinh Điển này, những đường lớn dẫn nhận thức tối cao này, chỉ vạch một pháp môn tối cao. Chân Lý là trú sở của Nó; và Chân Lý này không phải là chân lý thuần trí – bởi đó không phải là nghĩa của danh từ trong những Kinh Điển Vệ Đà – mà là trạng thái nhân bản tối chung của con người, trạng thái hữu tồn thực, ý thức thực, nhận thức đúng, hành vi đúng, vui sống đúng, thực ra là mọi cái trái ngược với sai lầm của ngã chấp và vô minh. Chính bởi những phương tiện đó là sử dụng những thiện nghiệp và khắc kỉ để đạt tự chủ và tạo năng lượng tâm linh, là thăm dò nhận thức ở mọi phần của nó, là soi gương sáng của những bậc đại trực kiến Vệ Đà và sống trong Chân Lý, mà người ta có thể làm cuộc siêu việt lớn do *Áo Nghĩa Thư* mở lối cho chúng ta.

Mục đích cuộc đăng cao là thế giới hữu tồn thực và nào ta ấy mà *Vệ Đà* nói tới như Chân Lý làm mục đích trọn cùng, trú sở trọn cùng của con người. Nó được tả đây như thiên giới vô cực lớn nhất (cõi *svargaloka*, cõi *svarloka* của Vệ Đà), không phải là *svarga* hạ giới của những Cổ tích *Kinh Purànas*, cũng chẳng phải *brahmaloka* hạ giới của *Mundaka Upanishad*, thế giới hào

quang thái dương mà linh hồn đạt tới bằng những nghiệp thiện và kinh tín nhưng lại giáng xuống vừa khi đã hưởng hết công quả; mà chính là *svarga* thượng giới hay thế giới Phạm Thể - của *Katha Upanishad* ở ngoài những tương phản của những biểu trưng sinh tử, những thượng giới Phạm Thể của *Mundaka Upanishad* mà linh hồn vào bằng minh giác và hi xả. Vậy đó là một trạng thái không thuộc Vô Minh mà Minh Giác. Thực là hữu tồn trong bản thể cực lạc; mà cũng là tình trạng cao nhất, tuệ quang của Huyền Thức siêu việt sinh hoạt, những phong phú của những Quan Năng siêu việt những quan năng. Và Linh Hồn chẳng những thấy ở đó sự mênh mang của chính mình, nhưng còn thấy và sở hữu vô cực của Nhất Chân, mà nó có một căn bản vững chắc trong trạng thái bất tử này là bởi một Yên Lặng tối cao và một an tịnh vĩnh cửu là những căn bản chắc chắn ở đó cho Minh giác vĩnh cửu và Cực Lạc.

XV

Bây giờ ta đã nghiên cứu xong *Áo Nghĩa Thư* này. Ta đã xét tỉ mỉ tầm mức những động tác kế tiếp của nó, và ta đã cố gắng làm cho minh bạch càng nhiều càng hay đối với trí năng ý nghĩa những định thức hùng hậu mà nó dùng làm đạo tuyến cho ta tới cái không bao giờ có thể diễn trọn vẹn bằng ngôn ngữ loài người. Ta đã có ý niệm về cái nó muốn nói với Phạm Thể, với Huyền Thức của phàm thức, Nguồn Sinh của sinh hoạt,

Quan Năng của mọi quan năng, Thượng Ngôn của ngôn ngữ, với đối lập giữa bản thân ta và chư thần, với Bất Khả Tri Lượng mà không tuyệt đối bất khả tri lượng đối với ta, với sự vượt khỏi cảnh sinh tử, và với chinh phục bất tử.

Ở căn bản, giáo lý của nó dựa trên sự khẳng định ba trạng thái hữu tồn: trạng thái phàm tục sinh tử, ý thức Phạm Thể là tuyệt đối cho những cái tương đối của ta, và Tuyệt đối tối cao bất khả tri lượng. Cái thứ nhất theo một nghĩa là một trạng thái sai của biểu thị lầm bởi đó là một tràng chuỗi liên miên những đối nghịch và quân bình bề mặt, ở chỗ ma chán lý sự vật là một sự duy nhất bí ẩn; ta thấy ở đó một hình ảnh rực rỡ và tích cực với một hình ảnh tối tăm và tiêu cực mà cả hai chỉ là những hình ảnh, không có cái nào là Chân Lý; ấy thế mà chúng ta hiện sống trong trạng thái đó và ta phải qua nó để tiến tới Bên Kia. Trạng thái thứ hai là đấng Chủ Tể của tất cả cái trò đối nghịch mà Ngươi đứng siêu việt; đó là chân lý Phạm Thể chứ tuyệt không phải một gia tướng hay biểu thị sai lạc, mà chính là Chân Lý của Người đúng như ta đạt tới ở bản thể siêu thức vĩnh cửu của ta; ở Người là những tuyệt đối của mọi cái ta cảm thấy ở thế gian này trong những hình ảnh không trọn. Còn về bất khả Tri Lượng thì nó siêu việt tầm mắt ta bởi vì rằng cũng vẫn là một Thực Thể mà nó lại vượt cả giới hạn cao nhất của ta là hằng hữu và nó siêu việt cả hữu và vô; vậy phải nhằm Phạm Thể, đấng

Chú Tế liên quan đến bản thể ta, mà ta hướng cuộc tìm tòi nếu ta muốn siêu việt cái có nhất thời để đạt tới cái có mãi mãi.

Đạt Phạm Thể là phương tiện ta thoát khỏi cảnh tử sinh và bước vào Bất Tử - mà ta hiểu rằng không phải cuộc thượng tồn đối với cái chết, nhưng cuộc khám phá chân ngã hằng hữu và cực lạc siêu việt sự tương phản của những Biểu trưng sinh tử. Với bất tử ta hiểu là cuộc sống tuyệt đối của linh hồn, đối lập với cuộc sống trong xác thân phù du và biến đổi mà ta phải gánh chịu vì sinh tử và tái sinh, cũng vượt lên cuộc sống của con người phàm thức tầm thường ở trong thế gian, hệ lụy bất lực định luật sinh tử hay ít ra cũng vì vô minh mà như hệ lụy định luật ấy và những định luật khác của tự tính hạ đẳng. Biết và sở hữu chân tính mình, tự do, tuyệt đối, làm chủ mình với những sắc tướng nhập thể của mình đối với linh hồn là phương tiện siêu việt, và biết với sở hữu cái ấy, là biết với sở hữu Phạm Thể; cũng là rời bỏ thế giới tử sinh để vào thế giới bất tử, rời bỏ thế giới hạn ngữ để vào thế giới mênh mang, rời bỏ thế giới hữu biên để vào thế giới vô biên; là vượt lên buồn vui phàm trần để vào trong Cực Lạc siêu việt.

Điều ấy phải trọn vẹn bằng lìa bỏ niềm quyến luyến hình ảnh sự vật trong thế giới sinh tử. Ta phải dứt hẳn cái chết với những tương phản của nó nếu ta muốn bao quát duy nhất và bất tử. Vậy ta phải thôi coi cái hay ở thế gian này là đối tượng

cuộc theo đuổi, mà cả cái là công chính, tuệ quang và diễm tuyệt; ta phải vượt qua sự vật đến một Chí Thiện, một Chân Lý, một Tuệ Quang, một Diễm Tuyệt siêu việt không có bóng dáng những tương phản mà ta gọi là xấu xa. Tuy nhiên, bởi ta ở thế gian nay nên chỉ có thể vượt nó qua cái gì của chính thế gian này; ấy là qua những hình ảnh của nó mà ta có thể tìm ra tuyệt đối. Bởi thế cho nên ta xét nó và nhận ra thoạt tiên là những sắc tướng phàm thức, sinh hoạt, ngôn ngữ, và quan năng, tất cả đều là những nguyên lý hoàn vũ mà nhờ đó Nhất Chân tac dụng. Chính những nguyên lý hoàn vũ ấy mà phải xét theo, làm cho chúng trở hướng tác động bình thường trong thế gian để khám phá mục đích tối cao, tác động tuyệt đối của chính chúng no trong Thần Linh duy nhất của chính chúng nó, đấng Chủ Tể, Phạm Thể; ta phải bắt chúng lìa bỏ những hoạt động của phàm thức bình thường để tìm ra Huyền Thức siêu việt, rời bỏ những hoạt động của ngôn ngữ và quan năng bình thường để tìm ra Quan năng siêu thức và Thượng ngôn nguyên thủy, rời bỏ những hoạt động bề ngoài của Sinh hoạt thế gian để tìm ra sinh hoạt siêu việt.

Bên cạnh chư thần có ngã của ta, tinh thần trong ta phù trì cho tất cả tác dụng này của chư thần. Tinh thần ta cũng phải quay đi, không đắm đuối vào hình ảnh mình như nó thấy dấn vào trong tác động của sinh hoạt, phàm thức, xác thân cá thể và hệ lụy tác động này mà phải đưa chiêm niệm lên Chân Ngã tối cao của chính mình

siêu việt mọi tác động này và làm chủ. Vậy thực ra phàm thức phải chân thành cảm ứng đối với Huyền Thức thần linh, mọi quan năng cảm ứng với Quan Năng thần linh, sinh hoạt cảm ứng với Sinh Hoạt thần linh và bởi dung thụ tính đối với những viếng thăm, những đụng chạm triền miên của Tối Cao, mà chúng phải biến diện thành một phản ảnh những siêu việt này; nhưng cả cái ngã cá thể, bởi khát vọng phấn khích của phàm thức, bởi những hứng khởi vượt mình, bởi nhớ không nguồi Thực Thể tối cao mà nó đã sống trong những khoảnh khắc thần linh, cũng rút cục lên tới Cực Lạc với Mãnh Lực và Tuệ Quang này.

Nhưng điều này không nhất định có nghĩa là đắm chìm vào một Hằng Hữu tuyệt vọng vĩnh viễn thâu hút vào hữu tồn bản nhiên bất động của chính mình. Bởi phàm thức, quan năng, sinh hoạt, vươn lên khỏi những tạo tác cá biệt của mình, khám phá ra rằng chúng chỉ là một trung tâm của Huyền Thức, của Sinh Hoạt của Hình Thể duy nhất của sự vật và bởi thế khám phá ra Phạm Thể ở đó nửa chứ không riêng trong một siêu việt cá biệt; chúng làm cho thị kiến siêu thức xuống đó nữa chứ không riêng trong những hoạt động cá biệt của chúng. Phàm thức cá thể vượt khỏi những giới hạn và thành cái thức phổ quát duy nhất, sinh hoạt nó thành sinh hoạt phổ quát duy nhất, những quan năng xác thân thành quan năng của toàn thể vũ trụ – mà hơn nữa, của Xác-Thán-Phạm-Thể không thể phân chia.

Cá thể tri giác vũ trụ ở chính mình; và cũng tri giác ngã của mình ở hữu tồn và biết nó như đấng Chủ Tể và Thực Tướng duy nhất, biến tại, thiên hình vạn trạng mà nhất như, và trú ngự ở tất cả. Không có thực hiện này nên nó đã không làm tròn những điều kiện bất tử. Bởi thế cho nên đã nói rằng điều mà những hiền giả kiếm tìm là phán biệt và thấy Phạm Thể trong mọi hữu tồn bởi cuộc khám phá này, thực hiện này, sở hữu này về Người ở khắp chốn và ở mọi vật, họ đạt tới hữu tồn bất diệt.

Tuy nhiên, dầu chiến thắng của chư thần, nghĩa là sự hoàn mãn tiến tăng của phàm thức, sinh hoạt, xác thân theo những điều kiện tích cực là thiện, là chính, là hoan, là minh, là lực, được coi như một chiến thắng của Phạm Thể; dầu công nhận là phải sử dụng sinh hoạt với những hành nghiệp nhân loại trong thế gian như một phương tiện sửa soạn và tự chủ, nhưng một sự biến nhập trọn cùng vào thiên giới vô biên, trạng thái ý thức Phạm-Thể, được đề ra làm mục đích. Và điều này như bao hàm một cuộc dứt bỏ sinh hoạt hoàn vũ. Bởi thế cho nên ta có lý mà hỏi ta, những con người bây giờ, càng ngày càng ý thức rằng có một nhiệm vụ đối với giống nòi, một ý đồ thần linh trong việc sáng thế vượt tế độ riêng, ta những kẻ càng ngày càng cảm thấy – như Kinh *Koran* đã nói – rằng Thiên Đế đã không sáng tạo trời đất để đùa, rằng Phạm Thể đã không nối cơn mơ mộng cái thế gian chiêm bao này trong

lúc thác loạn hay mê sảng – hơi thế cho nên ta có thể hỏi rằng phúc âm cho tế độ riêng như thế là tất cả thông điệp của *Vệ Đàn Đà* thuần túy hơn, cổ xưa hơn, tốt đẹp hơn này chăng. Nếu như vậy thì *Vệ Đàn Đà* giỏi lắm cũng chỉ là một phúc âm cho ông thánh, nhà khổ hạnh, nhà tu, nhà cô độc; nhưng nó hẳn không có thông điệp mà ý thức thế giới bao giờ cũng tiến phát, có thể vui mừng chấp nhận như lời đợi chờ. Bởi chắc rằng có cái gì trọng yếu đã bị sót, một lời sâu xa về mật nghĩa của hữu tồn mà hẳn nó đã đảo mất đi hay không có đủ khả năng – hay xét là vô ích để giải quyết.

Mà hẳn là chư *Áo Nghĩa Thư* nhấn mạnh – và sự nhấn mạnh này phát triển liên tục theo thời gian tới mức tăng gia lên về mình – vào cá thể, vào việc chối bỏ cuộc sống hoàn vũ hạ đẳng. Cung bậc này, mỗi lúc một rõ rệt trong những *Áo Nghĩa Thư* kế tiếp, về sau này phát lớn đến mực độ thành cuộc chối bỏ mọi cuộc sống hoàn vũ sao chăng nữa, và rút cục, đến thời Ấn Độ giáo hậu kỳ, thành tiếng kêu trùm lấp, gần như độc nhất, lời thách thức tuyệt đối. Sự nhấn mạnh này không có trong thần khải Vệ Đà đầu tiên mà tế độ cá nhân được coi như một phương tiện đến một chiến thắng hoàn vũ lớn, sự chinh phục trọn cùng trời đất bằng Chân Lý và Cực Lạc siêu thức, mà những kẻ thực hiện chiến thắng này trong quá khứ giúp đỡ có ý thức cho hậu sinh hãy còn trong cuộc phấn đấu. Nếu cung bậc xưa

hơn này thiếu trong những *Áo Nghĩa Thư* thì dầu những Kinh Điển này vĩ đại, sáng láng, sâu xa cao siêu ở vẻ chân, vẻ mĩ với hùng lực không bao giờ bị vượt thì cũng chẳng kém phần đúng là chỉ linh hồn u mê mới nô lệ một sách – thế thì sử dụng chúng như trợ lực đưa tới nhận thức, ta phải đinh ninh nhớ đến cung xưa thiếu sót, ta phải tìm ở chỗ khác một giải đáp cho cái lời bị gác ra bên, ở tình trạng bí ẩn. *Áo Nghĩa Thư* này, duy nhất trong những *Áo Nghĩa Thư* truyền đến ta, cho ta không che đậy, không hạn chế, đầy đủ và với một tinh thần cao quý, chân lý Phạm Thể; bởi thế cho nên sự giúp đỡ của nó cho nhân loại thực cần thiết. Chỉ có điều là ở chỗ thiếu cái gì cần thiết thì ta phải kiếm ở ngoài – chẳng hạn như thêm vào sự nhấn mạnh nồng nhiệt của những giáo lý hậu kỳ đối với sùng ái thần linh, sự nhấn mạnh cao cả của Vệ Đà đối với những hành nghiệp thần linh.

Phúc âm Vệ Đà về chiến thắng tối cao của thần linh nơi người trên trời và dưới đất, phúc âm Cơ Đốc về một nước Thiên Chúa và nước Thần Linh trên trái đất, ý niệm Cổ tích Kinh Purânas về tiến bộ của những cuộc Giáng Phàm Avatars kế tiếp đưa đến nước hoàn toàn và phục hồi thời hoàng kim, chẳng những chứa đựng qua những hình thức của chúng, một chân lý sâu xa, mà còn cần thiết cho ý thức nhân loại. Không có những phúc âm này, giáo lý về sự hư không của kiếp nhân sinh, giáo lý về từ xả, về cuộc

trốn tránh say sưa khỏi thế gian chỉ có thể mạnh mẽ ở những thời đại giới hạn, hoặc lại còn chỉ riêng cho những linh hồn cương cường ở mỗi thời đại, thực có thể làm chuyện đó; còn ngoài ra mọi người, hoặc sẽ xao lãng ở thực hành dầu vẫn tuyên dương ở nguyên tắc, hay còn sụp xuống vì bất lực của chính mình, vì cảm thấy đời là ảo ảnh hay Thượng Đế nguyền rủa thế gian, như các nước Âu châu thời trung cổ đắm chìm trong u mê và ngu dân chủ nghĩa, như ở một thời đại gần hơn, nước Ấn Độ đắm chìm trong một trí tuệ tù hãm và sự tồi tệ của một cuộc sống ích kỷ không mục đích.

Sự hứa hẹn cho cá nhân có hay, nhưng sự hứa hẹn cho giống nòi cũng cần thiết. Trời Cha ta vẫn phải được rạng rỡ vì hy vọng giải thoát, nhưng Đất Mẹ ta cũng không thể cảm thấy mình bị trách phạt mãi mãi.

Cũng có thời cần phải nhấn mạnh riêng vào ý niệm tế độ cá nhân để đưa vào tâm tính nhân loại cảm nghĩ về một cái Bên Kia, cũng như có một thời cần phải nhấn mạnh vào một thiên đường hoan lạc cho những người đạo đức và sùng tín để lôi cuốn con người bằng cái mồi rực rỡ này tới chỗ thực hành tôn giáo và dẹp bỏ thú tính không kìm hãm.

Nhưng cũng đúng như những cái bả của phàm trần, những cái bả của cõi trời cũng phải thắng. Con người đã ném bỏ cái bả của thiên đường sung sướng thưởng cho đức hạnh; chư *Áo Nghĩa Thư* đã

hạ giá nó từ khá lâu ở Ấn Độ và nó không còn là chủ yếu trong tinh thần mọi người; cái bả tương tự của Cơ Đốc giáo bình dân, Hồi giáo bình dân, mất hết ý nghĩa đối với nhân loại cận đại. Cái bả giải thoát khỏi sinh tử, và rút khỏi hành động hoàn vũ cũng phải ném bỏ như đối với Phật giáo Đại Thừa đã coi từ bi và thiện nghiệp lớn hơn tịch diệt. Cũng như coi đức hạnh của ta phải được thực hành không cần chờ đợi mọi phần thưởng thế gian hay thiên giới, thì sự tế độ ta kiếm tìm phải hoàn toàn nội tâm và không riêng tư, nó phải là sự giải thoát khỏi ngã chấp, hòa nhập với Thần Linh, thực hiện phổ quát tính cũng như sự siêu việt của ta, và không có tế độ nào có thể đáng kể đối với ta nếu nó làm cho ta trốn ra khỏi lòng yêu Thiên Đế ở nhân loại và sức giúp đỡ mà ta có thể hiến cho đời. Nếu phải vậy thì ta hãy giảng dạy: "Thà xuống địa ngục với anh em còn hơn là độ lấy một mình."

May thay, không cần phải thúc đẩy đến những cực đoan ấy mà chối bỏ một mặt của chân lý để khẳng định mặt kia. Chính *Áo Nghĩa Thư*, trình bày về chân lý cũng khêu gợi cách thoát mọi nhấn mạnh thiên chấp. Bởi người hiểu biết và sở hữu Phạm Thể tối cao như Cực Lạc siêu việt thành một trung tâm cực lạc ấy để mọi bạn đồng tâm tìm đến, một suối nguồn để họ có thể múc nước thần linh. Đấy là đạo tuyến cần cho ta. Tương quan với vũ trụ được giữ lại vì lý do duy nhất biện chính tuyệt diệu cho nó: nó phải tồn tại, chẳng vì muốn sung sướng riêng tư về thế gian như những

kẻ còn bị hệ lụy, mà vì tế độ cho chúng sinh. Vậy đối tượng cho linh hồn đã tới những bình diện cao siêu gồm có hai tầng: đạt đấng Tối Cao và tận tụy mãi mãi cho phúc lạc toàn thế gian – như chính Phạm Thể; dưới trần này hay cõi khác, không quan hệ ở căn bản; những nơi cuộc phấn đấu gay go nhất thì hẳn có người anh hùng tâm linh, hẳn là nơi đáng lựa nhất cho kẻ noi đường Bất Tử. Đối với kẻ đã đồng nhất với vũ trụ thì tiếng gọi tự cõi trần này mạnh nhất bởi chính nó cần đến người ấy nhiều nhất.

Vì bản tính của cái thiện cao nhất có thể đạt cũng được chỉ định – dầu những hình thức tế độ khác thấp hơn không vì thế mà loại bỏ. Giúp ca cho những chiến thắng nhỏ nhất của chư thần phải sửa soạn cho chiến thắng tối cao của Phạm Thể rất có thể, và phải là bằng cách này hay cách khác, một phần nhiệm vụ ta; nhưng tế độ lớn nhất tất cả là thế này : thành một trung tâm nhân bản cho Tuệ Quang, Vinh Quang, Cực Lạc, Mãnh Lực, Minh Giác của Hữu Tồn Thần Linh, mà qua đó, nó gội nhuần những kẻ khác và hấp dẫn linh hồn họ, với nam châm cực lạc, tới Cái ấy là đấng Tối Cao.

MUNDAKA UPANISHAD

Bộ này không có lời bình giải của đạo sư Aurobindo, nhưng nếu ta nắm vững ý chỉ hai bộ trên thì có thể lĩnh hội được. Về nghĩa của Mundaka thì nhiều nhà Phạn ngữ học cũng chưa quyết. Nên giáo sư Jean Varenne sau khi tham khảo nhiều mà cũng phải viết rằng:

"Tên *Áo Nghĩa Thư* này tối nghĩa; có lẽ mundaka ám chỉ sự việc những người soạn đều trọc đầu (đáng lẽ để toc dài tiêu biểu cho những nhà tu khổ hạnh)".

Tuy nhiên nội dung của toàn bộ không khó hiểu.

ĐỆ NHẤT MUNDAKA

CHƯƠNG I

1. *Phạm Thiên đệ nhất chư thần xuất sinh, sáng tạo tất cả, hộ trì thế gian, dạy cho con trưởng Atharvan về minh-giác-Phạm-Thể làm căn bản cho mọi kiến thức.*
2. *Minh giác Phạm Thể do Phạm Thiên dạy cho Athavan, xưa được Atharvan truyền cho Angir, Angir dạy cho Satyavâha thuộc dòng Bharadvájas, va Bharadvája dạy cho Angiras, vừa minh giác siêu việt vừa minh giác hạ tầng.*
3. *Shaunaka đại gia chủ yết kiến Angiras với tư cách đệ tử mà hỏi rằng: " Bạch ngài, cái mà biết một nó là biết cả vũ trụ là cái gì?"*
4. *Người trả lời: " Ngươi phải có minh giác hai trùng-như những bậc minh-giác-Phạm Thể đã dạy- là minh giác siêu việt và minh giác hạ tầng".*
5. *Hạ tầng là Rig-Vệ Đà, với Yajur-Vệ Đà, với Sâma-Vệ Đà, với Atharva-Vệ Đà, phép tụng niệm, sách nghi thức, văn phạm, giải thích về ngữ nguyên với vận luật cùng thiên văn học. Rồi đến cái siêu việt làm cho cái Bất Di Dịch được tri lượng.*

6. *Cái này vô hình và không thể cầm bắt, không thể lấy gì tỷ nghĩ và không màu sắc, lại không mắt, không tai, không tay, không chân, nhưng hằng hữu -- cái Vô Sở Bất Thấu ở khắp cả và không thể rờ đụng, cái Vô Sở Bất Tại và Chân Như mà hiền giả đâu đâu cũng chiêm niệm như Tử Cung sinh vạn vật.*

7. *Cũng như con nhện giăng tơ và rút tơ về, cũng như cỏ sinh trên mặt đất, cũng như lông mọc trên thân người sống, thì nơi đây trong vũ trụ, phàm cái hữu tồn là xuất tự Bất Di Bất Dịch.*

8. *Bởi năng lực hoạt động mà Phạm Thể phổ quát trải ra, và tự Phạm Thể sinh vật chất, và tự vật chất ra sinh hoạt, và phàm thức, với chân lý cùng những thế giới, và bất tử trong những hành nghiệp.*

9. *Người toàn trì và bao dung hết, năng lực tự Người thuộc bản thể minh giác, chính tự Người mà ra Phạm Thể này và tự Người mà danh sắc nảy sinh và ở Người mà vật chất bắt đầu.*

CHƯƠNG II

1. *Đây là chân lý của hữu tồn.*

   Những hành nghiệp mà những bậc thấu thị chiêm niệm trong những chân ngôn của Minh Triết Vệ Đà đã được trải ra nhiều cách trong đệ nhị thời đại. Hãy thành kính làm tròn những nghiệp nọ với niềm đam mê duy nhất Chân Lý ấy; bởi đó là con đường lên cõi trời phương chính của người.

2. *Khi ngọn lửa hiến tế đã thắp với ánh chập chờn rung rinh thì hãy tin tưởng mà ném những lễ vật giữa hai tuần rảy mỡ sữa.*

3. *Bởi cái kẻ mà những ngọn lửa bàn thờ không có lễ vật tuần trăng lu, lễ vật tuần trăng tròn và lễ vật những kì mưa và lễ vật hoa quả đầu mùa hoặc là không được cung dưỡng hoặc là được cung dưỡng mà không có nghi thức hay không có khách khứa, hay không có thứ phải hiến dâng chư Thần vũ trụ, thì tiêu hi vọng về tất cả bảy tầng trời.*

4. *Kâli nữ hắc thần, Karali khủng khiếp, Manojavà le như tư tưởng, Sulohitâ đỏ huyết, Sudhumravarnâ sắc khói, Sphulinginì ném tia sáng, Vishvaruchi nữ thần tuyệt mỹ là bảy lưỡi lửa óng ánh.*

5. *Khi chư vị rực rỡ mà kẻ nào làm lễ cơ nghi thức vào lúc thuận tiện và được lửa cúng tế nhận cho thì chư vị thành những tia Thái Dương và đưa hắn lên cao nơi trú ngự đấng Chủ Tế duy nhất mọi thiên thần.*

6. *"Đến với chúng ta, đến với chúng ta!" những ngọn lửa hiến tế rực rỡ này kêu lên với hắn và vừa đưa hắn lên trong những tia thái dương vừa nói với hắn những lời dịu dàng đáng yêu, tỏ lòng tôn kính: "Đây là thế giới Phạm Thể thanh tịnh, và cõi trời phương chính của ngươi".*

7. *Nhưng mà những con thuyền hiến tế thì mỏng manh, và những công quả hiến tế thì*

nhỏ yếu, và cả mười tam thứ của hiến tế mà hành nghiệp hạ đẳng được biểu thị; ngu thay là những kẻ hoan hô như Chí Thiện và họ sẽ còn trở lại thế giới lão tử.

8. *Những kẻ ở trong vô minh và hãm mình trong đó lại tự coi như trí giả để nghĩ: "Chúng ta, chính chúng ta là những kẻ uyên bác và minh triết" thì thực là những kẻ ngu mà lang thang vấp ngã sầy chân như những thằng mù được thằng mù đưa dẫn.*

9. *Vướng trong hằng hà sa số dây vô minh là đàn con trẻ nghĩ rằng: "Chúng ta đã chinh phục Thiên Đường", bởi khi người trong hành nghiệp bị hệ lụy tham ái và không biết đến Thiên Đế, thì họ không thoát khỏi lo sợ, thiên đường của họ hao mòn vì hưởng thụ và họ lại rơi từ trên trời xuống đất.*

10. *Những đầu óc lầm lạc coi vật dâng cúng và giếng đào như phương chính cao nhất và không biết đến Thiện nào khác, thì họ vui hưởng thế giới phương chính của họ trên trời rồi lại đọa vào thế giới này hay lại còn một thế giới thấp hơn nữa là khác.*

11. *Nhưng những kẻ sưu cầu đức tin với khắc kỷ trong rừng sâu, điềm đạm, đầy hiểu biết, sống bằng của bố thí ắt nem xa mình thị dục tối tăm và bằng những cửa thái dương qua nơi có Chân Như bất diệt mà Chân Ngã tuệ linh không hao mòn cũng như chẳng tiêu vong.*

12. *Người-minh-giác-Phạm Thể, đã kinh nghiệm về những thế giới mà nghiệp hành chồng chất,*

hóa lạnh lùng với những niềm vui của chúng vì hiểu rằng Dâng chưa từng bị làm ra không sống bằng nghiệp làm ra. Muốn hiểu người thì hãy đi tìm – với gỗ đốt lửa trên tay - một bậc thầy thông thạo Vệ Đà hiến mình cho Hằng Hữu.

13. *Bậc minh giác giãi bày cho chàng, ở toàn thể cũng như trong mọi nguyên lý của kiến thức, minh giác Phạm Thể giúp người ta đạt Tâm Linh bất di dịch là Chân Lý của hữu tồn – bởi chàng đến hỏi người với tinh thần lắng mọi xôn xao, với linh hồn thanh tịnh.*

ĐỆ NHỊ MUNDAKA

CHƯƠNG I

1. *Đây là Chân Lý của hữu tồn.*

   Cũng như từ một ngọn lửa rực rỡ phát sinh hàng triệu tia khác nhau mà cùng có hình thể lửa, thì từ Hằng Hữu bất di dịch phát sinh hằng hà sa sô hữu tồn và chúng cũng trở về Bất Di Dịch.

2. *Nhưng Tâm Linh thần minh, bất sinh, không sắc tướng, gồm chứa trong ngoài, siêu việt phàm thức và sinh hoạt, thanh tịnh sáng láng, còn cao hơn Bất Di Dịch cao nhất.*

3. *Và tự Người mà ra sinh hoạt và phàm thức với mọi quan năng, và tự người là dĩ thái với không khí, với ánh sáng, với nước, với đất bao dung tất cả.*

4. *Lửa là đầu Người và mắt Người là mặt trời với mặt trăng, mà bốn phương là những cơ quan thính giác và chư Kinh Điển thần khải là lời Người; không khí là sinh khí và vũ trụ là trái tim mà đặt ở dưới chân Người. Người là Nội Ngã ở mọi chúng sinh.*

5. *Và tự Người là lửa mà mặt trời bồi dưỡng, là mưa móc bốc lên từ rượu chư thần, và cây cỏ mọc trên mặt đất; cũng như khi một người rót chủng tử vào một người đàn bà, nhiều chúng sinh ra tự Tâm Linh.*

6. *Và tự Người ma ra những tụng ca Rig – Vệ Đà với Sâma, với Yajur, với sự truyền pháp với mọi lễ vật, tặng vật, mọi hiến tế hữu hiệu, năm tháng, kẻ cúng dường, những thế giới và nơi mặt trăng tẩy tịnh với chốn của mặt trời.*

7. *Và tự Người mà sản sinh mọi bậc thần linh với bán thần, với loài người, với loài cầm thú, và khí trên khí dưới, và hạt gạo với hạt lúa mạch, và đức tin với chân lý và phép tắc.*

8. *Và bảy khí đều sinh tự Người, với bảy lưỡi lửa, với bảy thứ nhiên liệu, với bảy thứ dâng cúng, và bảy thế giới mà mọi khí có trái tim bí mật làm buồng lưu hành và được xếp đặt bên trong, bảy với bảy.*

9. *Và tự Người là mọi biển với núi, tự Người chảy ra mọi hình thể sông ngòi, và mọi cỏ cây đều tự Người, và sự vui hưởng về cảm giác khiến cho linh hồn lưu luyến những nguyên tố vật chất.*

10. *Tâm Linh là tất cả cái này nó là thể này trong vũ trụ: Người là những hành nghiệp và khắc kỷ cùng Phạm Thế với bất tử tối cao. Hỡi con khả ái, kẻ nào thấy cái này ẩn trong tâm mật của chính mình thì dứt được Vô Minh ngay trong xác thân đây.*

CHƯƠNG II

1. *Cái này hiển tướng mà bí mật, cái này chuyển động nơi đáy trong tâm mật con người ta, là cơ sở mạnh mẽ cho an trụ mọi cái chuyển động và thở với tràng. Con sẽ hiểu rằng cái này là đấng Tối Cao và Đáng Kính Tôn là Hữu và Phi Hữu, siêu việt nhận thức, đấng cao nhất đối với mọi chúng sinh của Người.*
2. *Cai rực rỡ, cái vi tế hơn cả sự vi tế. Cái rộng lớn bao hàm mọi thế giới với dân chúng trùng trùng, là cái này tức Phạm Thể bất di dịch, và sinh hoạt là Cái ấy, và ngôn ngữ là Cái ấy, và Tâm Thức chỉ là Cái ấy mà thôi, và cái này là Chân Lý cùng Bất Tử đó. Hỡi con khả ái, hãy hiểu rằng Người là cái ấy mà con phải thấu nhập.*
3. *Hãy cầm lấy cung Upanishad vũ khí mãnh liệt, hãy nạp một mũi tên mài nhọn với sùng tín, giương cung lên với một tâm thức đắm vào duy nhất và thấu nhập Hằng Hữu như bắn vào một cái bia.*
4. *OM[1] là cây cung mà linh hồn là mũi tên và Hằng Hữu là cái bia. Hãy nhắm thực dung mà xuyên vào Người và mất mình trong Người như một mũi tên mất vào trong cái nó trúng.*
5. *Đấng mà tâm thức chú định với một luồng sinh lực, Đấng làm nền cho trời đất với thế*

---

[1] OM: âm thanh tiếng Phạn được coi là gốc mọi âm thanh và ngôn ngữ, biểu thị cho bản thể duy nhất của vũ trụ mà cũng là Đấng Tuyệt Đối.

giới trung gian dựng nên, con hãy hiểu rằng Người là Ngã duy nhất của tất cả; hãy khước từ mọi tín điều khác; bởi lẽ này là cái cầu đưa con sang bất tử.

6. *Nơi mọi dây thần kinh giao nhau như những tăm bánh xe vào trục là nơi Thượng Đế ngụ trong ta và sinh dưới nhiều biến tướng. Trầm tư về Ngã như OM và để mặc nó đưa ngươi yên ổn tới bờ kia, ngoài cõi u minh.*

7. *Đấng Toàn Tri bao dung tất cả, nguồn gốc mọi mãnh lực và uy nghi trên thế gian này là Chân Ngã ở chúng sinh ngự trị trên trời thượng thanh trong nước Tâm Linh*[1].

8. *Khi một người đã thấy Cái ấy vừa là hữu thể siêu việt vừa là hữu thể phàm trần này thì mọi mối tơ lòng dứt hẳn, mọi hồ nghi xua tan, mà những hành nghiệp buông tha và tiêu diệt.*

9. *Hằng Hữu ẩn trong một cái bao vàng rực rỡ, Tâm Linh bất khả phân và ô nhiễm, và là vẻ chói lọi ánh hào quang, và là Nhất Chân mà những kẻ biết Ngã được biết.*

10. *Ở đó mặt trời không soi sáng, mặt trăng không lộng lẫy, ngàn sao hóa mù lòa; ở đó những làn chớp này không bừng lên mà cũng*

---

[1] Giữa tiết 7 và tiết 8 ở vài bản có xen vào tiết phụ sau đây: "Một tuệ linh của tâm thức là dẫn lực của sinh hoạt và xác thân đã đặt một trái tim vào vật chất và an trụ ở đó; những hiền giả lấy minh giác mà chiêm niệm ở khắp cả chính cái phóng quang như cực lạc và bất tử".

chẳng có một thứ lửa trần nào. Bởi mọi cái rực rỡ đều chỉ là bóng mờ sự rực rỡ của nó mà chính nhờ ánh nó mọi cái này phát sáng.

11. Cái gì cũng là Phạm Thể vĩnh cửu và bất tử này. Hằng Hữu ở trước ta và Hằng Hữu ở sau ta: ở phương nam phương bắc; ở trên ở dưới và trải khắp. Cả vũ trụ tráng lệ này chỉ là Hằng Hữu.

ĐỆ TAM MUNDAKA

CHƯƠNG I

1. *Có hai con chim cùng đậu một cây, đẹp mã, làm bạn đồng lao, bằng hữu thiên cổ; mà một con thì ăn những quả ngon trên cây còn kia không ăn nhưng ngắm bạn.*
2. *Linh hồn nhân thế là con chim sống với Thiên Đế cùng trên một cội cây mà ham vị ngọt bùi nên mê lẫn quên mình, và bởi vì mất địa vị chí tôn nên phiền não và hoang mang ngơ ngác. Nhưng khi thấy chim kia là đấng Chủ Tể và Yêu Quý thì nó hiểu rằng tất cả cái này là vẻ cao cả của Người nên phiền não rời xa.*
3. *Khi bậc thấu thị thấy Đấng có sắc vàng rực rỡ, đấng Chủ Tể, Tâm Linh sáng tạo mọi hành nghiệp và làm tử cung Phạm Thể thì vỗ cánh phủi thiện ác để linh hồn bất khả nhiễm ô bay lên tới bình đẳng tối cao.*
4. *Hiền giả hiểu Người như Nguồn Sinh mà anh sáng thành hiển lộ ở mọi chúng sinh và Người không lấy làm thú với những giáo điều và những cuộc biện luận dài dòng. Kẻ nào làm mọi nghiệp mà vui chơi ở Chân Ngã và có ở*

Chân Ngã tất cả nguồn hoan lạc là kẻ hơn hết trong những kẻ minh-giác Phạm Thể.

5. *Ngã này bao giờ cũng phải được thủ đắc; thủ đắc vì chân lý với khắc kỷ, thủ đắc vì minh giác hoàn toàn, thủ đắc vì sống thần linh; bởi Nó ở ngay đây, sáng láng rực rỡ, ở nội thân mà những kẻ tìm kiếm và cố gắng, vì trừ bỏ thói phàm, chiêm niệm.*
6. *Chính Chân Lý rút cục chinh phục chứ không phải ảo thường. Chân Lý đã xây con đường dài lớn của chư thần, nẻo chư hiền giả nương theo – thỏa mãn nguyện vọng, họ đến nơi là trú sở tối cao của Chân Lý.*
7. *Thực thần linh, thực mênh mang, sắc tướng không thể tưởng nghĩ, cái ấy phát quang tế vi hơn cái tế vi. Thực xa hơn sự xa mà lại ở đây và rất gần ta; chính ngay đây nữa, ẩn trong mật tâm đối với những kẻ có mắt để trông nó.*
8. *Mắt không thể ghi nhận cũng như lời không thể bao quát, mà cả chư thần kia cũng vậy, nó không thể đắc bằng những hành nghiệp cũng như thủ bằng những cuộc khổ hạnh; chỉ khi nào con người bên trong được tẩy tịnh bằng một niềm hoan hỉ minh giác, người ta chiêm niệm nó sau trầm tư lâu dài, tinh thần không chia xẻ.*
9. *Chân Ngã vi tế chỉ có thể biết được bởi thức tâm của ta, và ở tâm này sinh hoạt được nhập*

vào với luồng năm lớp. Cả con tim của chúng sinh được thấu qua và dệt nên bởi những luồng sinh hoạt, mà chỉ khi nào no được tẩy tịnh thì Chân Ngã mới có thể biểu thị mãnh lực và sự hiện diện của mình.

10. *Dầu cái thế giới mà con người bản thể thanh tịnh lấy tâm thức của mình soi sáng có ra sao đi chăng nữa và những dục vọng của hắn thế nào thì hắn vẫn chiếm đoạt với tư cách chinh phục thế gian này cung những dục vọng của hắn. Vậy ai khát khao an lạc hãy thành kính lại gần người minh giác – chân ngã.*

CHƯƠNG II

1. *Người ấy hiểu Phạm Thể tối thượng, cõi cao nhất, mà tất cả vũ trụ được khảm nhận và rực rỡ trong anh chói chang. Những hiền giả không dục vọng mà tùy thuận Tâm Linh vượt ra ngoài mầm mống sinh hóa này.*
2. *Kẻ nao ham muốn và phàm thức quen với những ngọn lửa dục thì lại sinh nơi mà chúng đưa tới nhưng khi một ngươi thoát khỏi những dục vọng và rút vào Chân Ngã thì ngay đây, đối với hắn, mọi dục vọng tiêu diệt.*
3. *Chân Ngã này không thú đắc bằng giải thích với não lực cùng nhiều thánh học, mà chỉ có kẻ được Tâm Linh lựa chọn mới đạt Tâm Linh, và Chân Ngã này tìm thấy ở hắn xác thân của chính mình.*

4. *Chân Ngã này không thể thử đắc vì kẻ thiếu hụng lực hay phàm thức mê lẫn và không vững cũng như chẳng bởi khổ hạnh thiếu dấu vết chân lý, mà chỉ khi nào kẻ có hiểu biết cố gắng đạt tới bằng mọi cách ấy, Chân Ngã hăn lọt vào Phạm Thể và lấy Phạm Thể làm trú sở.*

5. *Minh triết thanh tĩnh, những kẻ nào đã đạt tới với linh hồn thỏa mãn vì nhận thức, rèn luyện trong Chân Ngã, thoát khỏi ái dục thì thấy đâu đâu cũng là đấng Biến Tại và nhờ kết hợp của ngã mà vào Toan Thể.*

6. *Những kẻ cố gắng theo đuổi Chân Lý, những ké biết chắc thực tướng sự vật vì Minh Giác viên thanh Vệ Đà và thanh tịnh ở bán thể Pháp Môn từ xả thì đến lúc lâm chung thành tuyệt đối và vĩnh cửu mà thoát lèn những thế giới của Hằng Hữu.*

7. *Mười lăm chi phần trở về cội và chư thần vị nào vị nấy trở về Thần Tính của mình, lại chư hanh nghiệp cũng đi thì Chân Ngã minh giác với mọi cái này hòa làm một trong Tối Cao bất diệt.*

8. *Cũng như những con sông chảy trôi rút cục đổ vào biển cả và bỏ danh với sắc phân biệt thì người minh giác thoát khỏi danh sắc đạt tới cái cao hơn cái cao nhất, tới Tám Linh.*

9. *Người hiểu Phạm Thể tối cao thành Phạm Thể và không có gì nảy sinh ở kẻ không biết Hằng*

Hữu. Người ấy vượt qua phiền não và vượt qua tội lỗi; người ấy thoát khỏi tơ lòng trói buộc và thành bất tử.

10. *Đây là điều dạy trong Rig Vệ Đà: " Những nhà minh triết Vệ-Đà làm tròn những hành nghiệp và hiến mình cho Hằng Hữu cùng là tự mình dâng tế với một lòng thành cho đấng Chú mọi Minh Giác thì sẽ truyền minh giác Thiên Đế, truyền cho họ đã làm tròn những nguyện trong đầu đúng như nghi thức."*

11. *Chân Lý mà xưa kia bậc siêu tri Angiras đã thuyết là như thế vậy; kẻ nào không làm tròn nguyện trong đầu không học được. Kính lạy chư vị đại hiền, kính lạy!*

Mục lục

Phát đoan từ 5

Isha Upanishad **12**
Thiên Đế Áo Nghĩa Thư

Kinh văn 12
Chú thích 14
Phân tích 17
Kết luận và toát yếu 119

Kena Upanishad **131**
Nghi Vấn Áo Nghĩa Thư

Kinh văn 132
Bình giải 138

Mundaka Upanishad **256**

Đệ nhất Mundaka 257
Đệ nhất Mundaka 262
Đệ nhất Mundaka 267

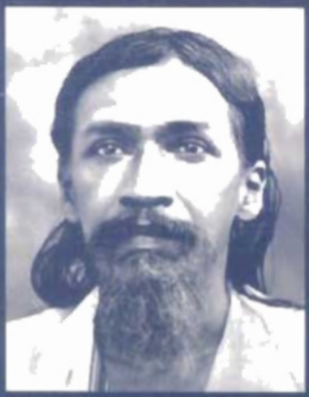

SHRI AUROBINDO

UPANISHADS

Đầu khổ hạnh,
thứ là tự chủ,
Lại phải lo
thiện ở hành vi.
Vệ Đà là
một phần chi,
Còn nơi trú sở
khác gì lẽ chân.

(Câu 8 phần IV bộ
Kena Upanishad)